

Giáo lý viên
Tìm Hiểu Phụng Vụ

Mục lục

LỜI NGỎ

Bài 1: **PHỤNG VỤ KITÔ GIÁO**

- 1) Danh từ Phụng vụ
- 2) Phụng vụ là gì?
- 3) Phụng vụ và việc đạo đức
- 4) Nội dung cử hành Phụng vụ

- 5) Chủ đích của Phụng vụ
- 6) Bản chất của Phụng vụ
- 7) Mục vụ giáo lý

Bài 2: **LỊCH SỬ PHỤNG VỤ**

- 1) Phụng vụ và truyền thống
- 2) Bản văn Phụng vụ
- 3) Bước khởi đầu của Phụng vụ
- 4) Phụng vụ Giáo Hội trong những thế kỷ đầu
- 5) Các gia đình Phụng vụ
- 6) Nghi lễ Tây Phương
- 7) Giai đoạn canh tân Phụng vụ

Bài 3: **BẦU KHÍ PHỤNG VỤ**

- 1) Con người cần dấu chỉ và biểu tượng
- 2) Thiên Chúa ban ơn qua dấu chỉ
- 3) Cử chỉ và điệu bộ trong Phụng vụ
- 4) Các yếu tố vật chất dùng trong Phụng vụ
- 5) Phụng vụ và hội nhập văn hóa

Bài 4: **NĂM PHỤNG VỤ**

- 1) Lịch Phụng vụ
- 2) Ngày Chúa Nhật
- 3) Tâm điểm của năm Phụng vụ

- 4) Mùa Phụng vụ
- 5) Lễ trọng, lễ kính và lễ nhớ
- 6) Phụ lục

Bài 5: PHỤNG VỤ THÁNH LỄ

- 1) Bữa ăn của Chúa
- 2) Nghi thức nhập lễ
- 3) Phụng vụ Lời Chúa
- 4) Phụng vụ Thánh Thể
- 5) Nghi thức hiệp lễ
- 6) Nghi thức kết lễ
- 7) Mục vụ giáo lý

Bài 6: **CỬ HÀNH CÁC BÍ TÍCH**

- 1) Bí tích là gì?
- 2) Người ban và người nhận bí tích
- 3) Hiệu năng của bí tích
- 4) Công đồng Vatican II và các bí tích

Bài 7: **TIẾN TRÌNH KHAI TÂM KITÔ GIÁO**

- 1) Phép Rửa trong những thế kỷ đầu
- 2) Phép Rửa thời Trung Cổ
- 3) Canh tân phụng vụ hiện nay
- 4) Mục vụ giáo lý dự tòng

Bài 8: **PHỤNG VỤ THÁNH TÂY**

- 1) Nghi thức Thánh Tây
- 2) Ý nghĩa cử hành Thánh Tây
- 3) Ân Sủng Thánh Tây
- 4) Mục vụ giáo lý

Bài 9: **PHỤNG VỤ THÊM SỨC**

- 1) Nghi thức Thêm Sức
- 2) Ý nghĩa và ân sủng Thêm Sức
- 3) Người ban và người nhận Thêm Sức
- 4) Mục vụ giáo lý

Bài 10: **PHỤNG VỤ THÁNH THỂ**

- 1) Thiết lập bí tích Thánh Thể
- 2) Chúa Kitô hiện diện trong bí tích Thánh Thể
- 3) Hiệu quả của việc đón nhận Thánh Thể
- 4) Ý nghĩa phụng vụ Thánh Thể
- 5) Mục vụ giáo lý

Bài 11: **PHỤNG VỤ HÒA GIẢI**

- 1) Hiệu quả của bí tích Hòa Giải
- 2) Diễn tiến Giao Hòa
- 3) Nghi thức Hòa Giải

4) Ân Xá

5) Mục vụ giáo lý

Bài 12: **PHỤNG VỤ XỨC DẦU BỆNH NHÂN**

1) Ý nghĩa cử hành Xức Dầu bệnh nhân

2) Người ban và người nhận Xức Dầu bệnh nhân

3) Nghi thức Xức Dầu bệnh nhân

4) Hiệu quả của bí tích Xức Dầu bệnh nhân

5) Cử hành nghi thức an táng

Bài 13: **PHỤNG VỤ TRUYỀN CHỨC THÁNH**

1) Ba cấp bậc của bí tích Truyền Chức thánh

2) Chức tư tế thừa tác

- 3) Nghi thức Truyền Chức thánh
- 4) Người ban và người nhận chức thánh
- 5) Hiệu quả Truyền Chức thánh
- 6) Mục vụ giáo lý

Bài 14: **PHỤNG VỤ HÔN PHỐI**

- 1) Mục đích Hôn nhân Kitô giáo
- 2) Đặc tính của Hôn Phối Công Giáo
- 3) Thừa tác viên và người chứng hôn
- 4) Điều kiện thành sự và hữu hiệu
- 5) Nghi thức Hôn Phối
- 6) Tháo gỡ Hôn Phối

7) Mục vụ giáo lý hôn nhân

Bài 15: **PHỤ TÍCH**

- 1) Đặc điểm của Phụ tích
- 2) Phân loại Phụ tích
- 3) Mục vụ giáo lý.

Bài 16: **CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ**

- 1) Ý nghĩa các Giờ kinh Phụng vụ
- 2) Các giờ Kinh trong ngày
- 3) Cấu trúc cử hành giờ Kinh Phụng vụ
- 4) Luật buộc phải cử hành các giờ kinh Phụng vụ

Bài 1:

PHỤNG VỤ KITÔ GIÁO

“Danh từ *‘Phụng Vụ’* theo nguồn gốc, có nghĩa là *‘việc công khai’*, *‘việc do dân và vì dân’*. Theo truyền thống Kitô giáo, danh từ này muốn nói: *‘Dân Thiên Chúa tham dự vào công trình của Thiên Chúa’*. Qua Phụng vụ, Đức Kitô, Đấng Cứu Chuộc và Thượng Tế, tiếp tục công trình cứu chuộc trong Hội Thánh, với Hội Thánh và qua Hội Thánh”
(*GLHTCG 1069*)

Phụng vụ không những để chỉ nghi lễ tôn thờ Thiên Chúa, mà còn là việc rao giảng Tin Mừng và thực thi bác ái. Vì thế,

Phụng vụ có hai mục tiêu rõ rệt: vừa phục vụ Thiên Chúa, vừa phục vụ con người.

I. DANH TỪ PHỤNG VỤ

Danh từ *Phụng vụ* có nguồn gốc tiếng Hy Lạp: *Leiturgia*, được ghép bởi hai chữ: *Laos* nghĩa là dân chúng và *Ergon* là công việc. Theo nghĩa đó, phụng vụ chỉ công việc của dân chúng có tính công ích. Vào đầu thế kỷ II trước Chúa Kitô, danh từ *Leiturgia* mang thêm một ý nghĩa mới để ám chỉ các việc thờ phượng công cộng, và được người Do Thái sử dụng trong bản dịch Thánh Kinh Hy Lạp (*bản LXX*) để ám chỉ các việc phượng tự của các tư tế trong đền thờ.

Các sách Tân Ước cũng sử dụng từ *Leiturgia*, không những để chỉ nghi lễ phụng thờ Thiên Chúa (*Cv 13,2; Lc 1,23*) mà còn ám chỉ việc rao giảng Tin Mừng (*Rm 15,16*); chỉ việc bác ái (*2Cr 9,12*).

Sau thời các tông đồ, danh từ *Leiturgia* vừa chỉ sự phục vụ Thiên Chúa, vừa chỉ sự phục vụ cộng đoàn, hoặc có khi chỉ

đích danh việc cử hành Thánh Thể. Mãi sau này, Giáo Hội Công Giáo chính thức dùng từ *Liturgia* trong bộ Giáo Luật 1917 để diễn tả thẩm quyền của Hội Thánh trong việc cử hành phụng vụ và chức năng tư tế của các Kitô hữu. Sách Giáo lý chung (*GLHTCG 1069*) cũng dùng danh từ này để chỉ công trình cứu chuộc của Chúa Kitô được tiếp tục trong Hội Thánh.

II. PHỤNG VỤ LÀ GÌ?

Phụng vụ là một thực tại sinh động, phong phú và duy nhất nên người ta chỉ có thể định nghĩa Phụng vụ dựa theo bản chất và các đặc tính của Phụng vụ. Phụng vụ không phải là chỉ là những dấu chỉ khả giác hay một lễ nghi lộng lẫy và thần bí. Phụng vụ cũng không phải là một tổng hợp những *luật chữ đờ* chỉ dẫn cách thực hành. Công đồng Vatican II xác định: “*Phụng vụ là việc thi hành chức năng tư tế của Chúa Kitô và Giáo Hội*” (PV 7).

Dựa vào một vài yếu tố chính yếu của cử hành Phụng vụ, ta có thể nói: Phụng Vụ là **việc thờ phượng chính thức của Hội**

Thánh được thừa tác viên hợp pháp cử hành đúng nghi thức và cử hành **nhân danh toàn thể Hội Thánh**.

Như vậy một cử hành có tính Phụng Vụ đòi phải có ba yếu tố:

- *Phải là nghi lễ chính thức của Hội Thánh* được ấn định trong sách Phụng Vụ, chứ không phải là lời nguyện tự phát theo sáng kiến cá nhân.
- *Phải do một thừa tác viên hợp pháp cử hành*, nghĩa là những người được Hội Thánh cất đặt và ban quyền chủ sự, và cử hành đúng nghi thức của Hội Thánh đã ấn định.
- *Phải cử hành nhân danh toàn thể Hội Thánh* vì Phụng Vụ không bao giờ có tính cá nhân cho dù thừa tác viên cử hành một mình.

III. PHỤNG VỤ VÀ VIỆC ĐẠO ĐỨC

Phụng vụ là các lời kinh hay cử hành chính thức của Hội Thánh nhằm biểu lộ đức tin công khai vào các thực tại thánh (*Thánh lễ, 7 Bí tích, các giờ Kinh Phụng vụ, các Phụ tích*), còn

các việc đạo đức cũng nhằm diễn tả đức tin của dân Chúa bằng những hình thức khác nhau tùy theo địa phương. *‘Lòng đạo đức bình dân’* chỉ những biểu hiện phượng tự mang tính cá nhân hay cộng đồng, trong khuôn khổ đức tin Kitô giáo, tuy không theo thể thức của phụng vụ, nhưng đã vay mượn những sắc thái đặc thù thuộc tinh hoa của một dân tộc hay một địa phương.

Đặc trưng của lòng đạo đức bình dân là lối diễn tả đa dạng và phong phú của những cử điệu và biểu tượng. *Ví dụ: tập quán hôn hay vuốt tay vào ảnh tượng thánh, thánh tích, đi hành hương chân trần, rước kiệu, dâng nến, dâng hoa, dâng bẵng tạ ơn, đeo ảnh...* Những biểu hiện ấy được truyền lại từ đời nọ sang đời kia đều là những cách thức tiếp cận đơn giản nhằm biểu lộ ra bên ngoài những tình cảm chân thực trong tâm hồn tín hữu. Thiếu chiều kích nội tâm này, những cử chỉ biểu trưng kia có nguy cơ rỗng tuếch hoặc biến thành dị đoan.

Mặc dù Hội Thánh vẫn cổ võ lòng đạo đức bình dân, song các Kitô hữu cũng cần hiểu rõ:

“Tự bản chất phụng vụ vượt xa các việc đạo đức; việc đạo đức chỉ nối dài chứ không thay thế phụng vụ; các việc đạo đức phải phát xuất từ phụng vụ và dẫn đưa người tín hữu đến tham dự tích cực vào phụng vụ, chứ không được phép làm lu mờ các cử hành phụng vụ” (*GLHTCG 1675*).

IV. NỘI DUNG CỬ HÀNH PHỤNG VỤ

Mầu nhiệm Chúa Kitô **Tử Nạn** và **Phục Sinh** là tột đỉnh của mầu nhiệm cứu độ, và là trung tâm của mọi cử hành phụng vụ Kitô giáo. “Trong Phụng vụ, điều chính yếu Hội Thánh cử hành là mầu nhiệm Vượt Qua, mầu nhiệm Đức Kitô hoàn tất công trình cứu độ chúng ta. Trong Phụng vụ, Hội Thánh loan truyền và cử hành mầu nhiệm Chúa Kitô, để các tín hữu làm chứng mầu nhiệm này trên toàn thế giới” (*GLHTCG 1067*).

Vì thế, **phụng vụ còn được gọi là việc Hội Thánh, nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần, cử hành mầu nhiệm Vượt Qua của Chúa Kitô (TN & PS) để tôn vinh Thiên Chúa và kêu cầu ơn cứu độ.**

Cử hành ở đây được hiểu vừa là *tưởng niệm*, vừa là *hiện tại hoá* mâu nhiệm cứu độ. *Tưởng niệm* để nhắc nhớ những gì Chúa đã làm cho con người; và *hiện tại hoá* không có nghĩa là tái diễn, lập lại, nhưng là nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần, Hội Thánh làm cho việc Chúa chết và sống lại không trôi vào dĩ vãng song đi vào đời sống chúng ta hôm nay một cách mâu nhiệm.

Tại sao vậy? Đức Giêsu là con người nên bất cứ hành động nào của Ngài đã xảy ra đều đi vào quá khứ, nhưng Đức Giêsu còn là Thiên Chúa nên hành vi của Ngài mãi mãi là hiện tại, như lời sách Khải Huyền: “*Ta là An-pha và Ô-mê-ga, là Đấng hiện có, đã có và đang đến, là Đấng Toàn năng*” (Kh 1,8). Hai bản tính này tuy khác nhau nhưng không thể tách rời nơi Đức Giêsu Kitô nên cử hành mâu nhiệm Chúa chết và sống lại là tưởng niệm một sự việc đã xảy ra trong thời gian của quá khứ, nhưng sự việc này vẫn tiếp diễn trong thời gian của ngày hôm nay dưới tác động của Chúa Thánh Thần khi Hội Thánh cử

hành Phụng vụ. Vì thế mà Hội Thánh, theo Lời Chúa dạy, vẫn tiếp tục lập lại việc cử hành này *cho tới khi Chúa lại đến trong vinh quang*:

“Phụng vụ Kitô giáo không chỉ gợi nhớ, nhưng còn làm cho những biến cố cứu độ hiện diện và tác động trong hiện tại. Mầu nhiệm Vượt Qua của Chúa Kitô được cử hành chứ không phải được lập lại. Chúng ta chỉ lập lại việc cử hành, và mỗi lần như thế, Chúa Thánh Thần hiện tại hoá mầu nhiệm độc nhất này” (*GLHTCG 1104*)

V. CHỦ ĐÍCH PHỤNG VỤ

Chúa Kitô khi hiến thân chịu chết là Ngài muốn tôn vinh Thiên Chúa là Cha và cầu mong Thiên Chúa xá tội để con người được cứu độ. Đó là sứ vụ của Con Thiên Chúa khi xuống làm người, và đó cũng là công việc của Hội Thánh khi tiếp nối sứ vụ của Chúa Kitô. Cả hai chiều kích này liên kết và gắn bó với nhau vì phụng vụ không đứng biệt lập và đứng dưng với các thực tại nhân sinh.

1) Tôn thờ Thiên Chúa là thái độ của thụ tạo được cứu độ được biểu lộ qua những động tác sau đây:

- Ca tụng và tạ ơn vì những kỳ công Thiên Chúa đã thực hiện trong lịch sử cứu độ.
- Tuyên xưng đức tin tông truyền vào một Thiên Chúa duy nhất là Cha và Con và Thánh Thần.
- Chiêm ngắm các công trình sáng tạo và cứu độ của Thiên Chúa, vừa là tưởng niệm, vừa làm sống lại tác động của Thiên Chúa trong đời sống mỗi người chúng ta.
- Thờ lạy biểu hiện sự lệ thuộc và kính trọng Đấng Tạo dựng và Cứu độ.
- Cây trông vào tình tha thứ vô bờ bến của Thiên Chúa.
- Yêu mến vì cảm nhận được tình thương trao ban của Thiên Chúa.

2) Cầu mong ơn cứu độ được biểu lộ qua những động tác sau đây:

- *Nhìn nhận* thân phận yếu đuối mỏng dòn của mình, và chỉ

biết cậy dựa vào quyền năng của Thiên Chúa mà hành động.

- ***Sám hối*** là thái độ khiêm nhường, đặt mình trước mặt Thiên Chúa. Trong phụng vụ, sám hối thường là cử chỉ đi trước để chuẩn bị cho các cử hành thánh sắp diễn ra.

- ***Cầu xin*** là cầu mong Thiên Chúa trợ giúp cho những nhu cầu tâm linh và vật chất trong đời sống con người. Tất cả những gì là cần thiết cho con người và cho Nước Chúa đều là đối tượng của mọi lời cầu xin.

- ***Hy vọng*** là hướng đến viễn tượng cánh chung là cùng đích của đời sống con người và thế giới.

VI. BẢN CHẤT CỦA PHỤNG VỤ

Công đồng Vatican II xác định bản chất của phụng vụ như sau:

“Phụng vụ đáng được xem là việc thực thi chức vụ tư tế của chính Chúa Giêsu Kitô; trong đó, công cuộc thánh hoá con người được biểu tượng nhờ những dấu chỉ khả giác và được thể hiện hữu hiệu cách khác nhau theo từng dấu chỉ, và

trong đó việc phụng tự công cộng vẹn toàn được thực thi nhờ Nhiệm Thể Chúa Kitô, nghĩa là gồm cả Đầu cùng các chi thể của Người. Do đó, vì là công việc của Chúa Kitô tư tế và Thân Thể của Người là Hội Thánh nên mọi cử hành Phụng vụ đều là hành vi chí thánh, và không có một hành vi nào khác của Hội Thánh có hiệu lực bằng, xét cả về danh hiệu lẫn đẳng cấp (PV 7).

Như thế, bản chất của phụng vụ gồm những yếu tố căn bản này:

1) Phụng vụ là một việc linh thánh, do chính Chúa Kitô thực hiện để tôn vinh Thiên Chúa. Chúa Kitô hoạt động trong phụng vụ với tư cách là Đầu của Thân Thể để *‘chính nhờ Người, với Người, và trong Người’* mà chúng ta được thánh hóa và chúc lành.

2) Phụng vụ gồm những dấu chỉ khả giác, hữu hình và hữu hiệu, để thông ban ân sủng cho con người.

3) Phụng vụ là công việc của tất cả Nhiệm Thể Chúa Kitô,

gồm Đầu và các chi thể. Trong các cử hành phụng vụ, Chúa Kitô luôn luôn hiện diện để chủ tọa qua các thừa tác viên có chức thánh và những người được Giáo Hội ủy nhiệm. Các động tác phụng vụ không phải là động tác riêng của một cá nhân hay một nhóm người nào, nhưng là động tác của toàn thể Hội Thánh. Nói đúng hơn là động tác của chính Chúa Kitô, Thủ lãnh của Giáo Hội, và của tất cả mọi chi thể trong Nhiệm Thể của Ngài. Do đó, trong phụng vụ mỗi người có công việc riêng, phận sự riêng, song tất cả đều phục vụ ích lợi chung của Hội Thánh.

4) Phụng vụ là sứ mạng của Chúa Thánh Thần nhằm chuẩn bị cho cộng đoàn tín hữu gặp gỡ Chúa Kitô; gợi nhớ và biểu lộ Chúa Kitô cho cộng đoàn; và chính Chúa Thánh Thần làm cho công trình cứu độ của Chúa Kitô hiện diện và tác động trong hiện tại, đồng thời làm cho ơn hiệp thông trong Hội Thánh sinh hoa kết trái.

Hội Thánh được xây dựng trên nền tảng các tông đồ. Các

tông đồ được Chúa Kitô ủy thác cho sứ mạng thánh hóa dân Chúa khi các ngài nhận lãnh Chúa Thánh Thần, và cũng do quyền năng Thánh Thần mà các ngài chuyển giao quyền thánh hóa ấy cho những người kế vị. Vì thế, chỉ có phụng vụ Kitô giáo đúng nghĩa khi việc phụng vụ ấy được cử hành dưới quyền điều khiển của vị giám mục, người kế vị các tông đồ. Khi vị giám mục chủ tọa cộng đoàn phụng vụ, ngài hành động trong tư cách là đầu, có các cộng sự viên bao quanh như là linh mục, phó tế, các thừa tác viên và dân Chúa tạo nên một cộng đoàn hiệp nhất (*PV 41*); hoặc có thể nói một cách mạnh mẽ rằng người ta không thể chủ tọa phụng vụ cách hợp pháp khi bị giám mục ngăn cấm.

Công đồng Vatican II mời gọi các vị mục tử không những phải chú tâm tuân giữ các luật lệ trong các hoạt động phụng vụ để cử hành thành sự và hợp pháp, mà còn phải làm cho các tín hữu tham dự phụng vụ cách ý thức, linh động và tích cực (*PV 11*).

VII. MỤC VỤ GIÁO LÝ

1* Sứ mạng của Giáo lý viên:

Thông điệp *Sứ vụ Đấng Cứu độ* (s.73) mô tả các giáo lý viên như “những chuyên viên, những chứng nhân trực tiếp, những người loan báo Tin Mừng không thể thiếu; họ là những người tiêu biểu cho sức mạnh cơ bản của các cộng đoàn tín hữu, đặc biệt trong các Giáo Hội trẻ”.

Giáo Luật (785 §1) cũng đề cao Giáo lý viên như là “*những giáo dân có trình độ và đời sống đạo hạnh, dưới sự hướng dẫn của nhà truyền giáo, hiến thân lo giảng dạy giáo lý Tin Mừng và tổ chức các cử hành phụng vụ cũng như các việc bác ái*”.

Trong việc đào tạo giáo lý viên, Đức giáo hoàng Gioan Phaolô II cũng nhấn mạnh: “*Ngay trong việc phục vụ Tin Mừng cơ bản, cũng phải có nhiều ‘thọ’*. Dù không bỏ qua số lượng, chúng ta ngày nay phải hết sức quan tâm đến chất lượng của giáo lý viên” (GLV 5).

Trước những kỳ vọng và sự tin tưởng của Hội Thánh, việc

Giáo lý viên trau dồi lòng đạo và học hỏi Phụng vụ là một nhu cầu khẩn thiết trong việc giảng dạy giáo lý để giúp mình và giúp người nên thánh:

“Đức thánh cha Gioan Phaolô II sung sướng tỏ bày: *‘Nhà truyền giáo đích thực, chính là một vị thánh’*. Câu này có thể áp dụng ngay cho giáo lý viên. Như mỗi tín hữu, giáo lý viên được mời gọi *‘nên thánh và truyền giáo’*, nghĩa là thực hiện ơn gọi riêng của mình *‘với lòng nhiệt thành của các thánh’*”
(GLV 6)

2* Huấn giáo và Phụng vụ:

Phụng vụ là đỉnh cao của đời sống Kitô giáo nhưng để kín múc được nguồn ơn thiêng đó, các tín hữu cần hiểu và ý thức được việc mình đang tham dự. Dạy giáo lý là làm công việc chuẩn bị đó, góp phần rất hiệu quả cho việc tham dự Phụng vụ. Linh mục cử hành phụng vụ, song Giáo lý viên lại giúp cho các em đón nhận hiệu quả của Phụng vụ:

“Việc dạy giáo lý, về bản chất, được gắn liền với tất cả

hoạt động phụng vụ và bí tích... Việc cử hành chân chính các bí tích đương nhiên có tính cách dạy giáo lý. Nói cách khác, đời sống bí tích sẽ nghèo đi và rất mau trở thành một mớ nghi thức trống rỗng, nếu không dựa trên sự hiểu biết đúng đắn ý nghĩa các các bí tích. Và việc dạy giáo lý sẽ bị tri thức hóa, nếu nó không được sống trong sự thực hành bí tích” (DGL 23).

TÓM LƯỢC:

1* H. Phụng vụ là gì?

-T. Phụng vụ là việc Hội Thánh, nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần, *cử hành* mầu nhiệm Vượt Qua của Chúa Kitô để tôn vinh Thiên Chúa và kêu cầu ơn cứu độ.

2* H. Đâu là những yếu tố chính cấu tạo nên phụng vụ?

-T. Có ba yếu tố chính yếu sau đây làm nên phụng vụ: *một* là sách nghi lễ chính thức của Hội Thánh; *hai* là phải do một thừa tác viên hợp pháp của Hội Thánh cử hành; *ba* là phải cử hành đúng nghi thức và nhân danh toàn thể Hội Thánh.

3* H. Cử hành phụng vụ có nghĩa như thế nào?

-T. Cử hành phụng vụ vừa là tưởng niệm, vừa là hiện tại hóa mầu nhiệm Tử Nạn và Phục Sinh của Chúa Kitô. *Tưởng niệm* để nhắc nhớ những gì Chúa đã làm cho con người; và *hiện tại hóa* không có nghĩa là tái diễn, nhưng là nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần, Hội Thánh làm cho việc Chúa chết và sống lại không trôi vào dĩ vãng, song đi vào đời sống chúng ta hôm nay cách mầu nhiệm, vì hai bản tính nơi Đức Giêsu không bao giờ tách biệt.

4* H. Bản chất của phụng vụ là gì?

-T. Bản chất của phụng vụ bao gồm những yếu tố sau đây:

. Phụng vụ là một việc linh thánh, do chính Chúa Kitô thực hiện qua thừa tác viên của Hội Thánh.

. Phụng vụ gồm những dấu chỉ khả giác, hữu hình và hữu hiệu, để thông chuyển ơn thiêng cho con người.

. Phụng vụ là công việc của tất cả Nhiệm Thể Chúa Kitô gồm Đầu và các chi thể.

. Phụng vụ là sứ mạng của Chúa Thánh Thần nhằm chuẩn bị

cộng đoàn tín hữu gặp gỡ Chúa Kitô, và làm cho công trình cứu độ tác động trong hiện tại.

5 H. Việc phụng vụ và việc đạo đức có tương quan gì với nhau?*

T. Giữa phụng vụ và việc đạo đức có mối liên hệ hỗ tương. Phụng vụ vượt xa các việc đạo đức, còn các việc đạo đức phải phát xuất từ phụng vụ và dẫn đưa người tín hữu đến với phụng vụ; và không được để lòng đạo đức bình dân biến chất hoặc lấn át các cử hành phụng vụ.

CẦU NGUYỆN:

Con yêu Chúa quá muộn màng!

Ôi lạy Chúa là vẻ đẹp vừa rất xưa vừa mới mãi,

con đã yêu Chúa quá muộn màng!

Này Chúa vẫn ở trong con mà hồi ấy con cứ ở ngoài,
và cứ tìm Chúa bên ngoài.

Con thật hư hỏng khi chạy theo các thụ tạo xinh đẹp.

Chúa từng ở với con mà con chẳng ở với Chúa.

Các thụ tạo xinh đẹp kia cứ giữ con ở xa Chúa,
trong khi chúng hiện hữu được là nhờ Chúa.
Chúa đã gọi con, đã la to và phá tan sự điếc lác của con.
Chúa đã soi sáng và xua đi sự mù lòa của con.
Chúa đã tỏa hương thơm ngát để con được thưởng thức,
và giờ đây con hồi hải quay về với Chúa.
Con đã nếm thử và lúc này đây con đói khát Chúa.
Chúa đã chạm đến con,
nên giờ đây con nóng lòng chạy đi tìm an bình nơi Chúa.

Thánh Augustinô

Bài 2:

LỊCH SỬ PHỤNG VỤ

“Các tín hữu chuyên cần nghe các tông đồ giảng dạy, luôn luôn hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh và cầu nguyện không ngừng” (Cv 2,42).

Phụng vụ của Hội Thánh như chúng ta thấy hiện nay đã không hình thành một sớm một chiều, nhưng đã tiến triển từng bước theo thời gian. Một mặt vì phụng vụ là tác động thần linh nên có những yếu tố nền tảng không thể thay đổi; mặt khác vì tính nhân trần nên phụng vụ không phải là một thực tại bất động, khô cứng, nhưng cần phải thích nghi theo từng môi trường và văn hóa địa phương. Đó chính là lý do tạo nên những truyền thống phụng vụ, hay còn gọi là gia đình phụng vụ trong dòng lịch sử.

I. PHỤNG VỤ VÀ TRUYỀN THỐNG

Truyền thống là cách thức bảo tồn và chuyển tải di sản tinh thần của thế hệ đi trước sang cho các thế hệ sau. Hiểu như vậy, Truyền thống Kitô giáo vừa bảo đảm nội dung đức tin, vừa là cách thức truyền tải đức tin một cách chắc chắn từ các tông đồ đến chúng ta ngày nay. Chính đức tin chi phối việc cử hành phụng vụ, như câu châm ngôn ngàn đời của Giáo Hội: “*Luật cầu nguyện là luật đức tin*” (*Lex orandi lex credendi*). Ngay từ đầu, Giáo Hội đã cử hành phụng vụ đồng thời với việc rao giảng Tin Mừng về mầu nhiệm Vượt Qua của Chúa Kitô (Cv 2,1-47). Tuy nhiên, việc cử hành phụng vụ có trước và tạo nên Truyền Thống, còn bản văn phụng vụ đến sau dựa vào Ký Ước cộng đoàn.

Bản tâm của Hội Thánh ban đầu không phải là những bản văn thần học hay phụng vụ, nhưng là công cuộc rao giảng Tin Mừng dựa vào uy thế của các tông đồ và những người kế vị. Vì thế không thể quan niệm một cử hành phụng vụ không có Hội

Thánh hay tách rời khỏi các tông đồ và những người kế vị. Chính trong sự liên tục của Truyền thống này mà đức tin Kitô giáo được gìn giữ vẹn tuyền và trở nên sống động qua mọi thời nhờ các cử hành Phụng vụ.

II. BẢN VĂN PHỤNG VỤ

Ngoài những dấu tích khảo cổ về các bức bích họa trên tường, các di tích thánh còn để lại những dấu vết sinh hoạt phụng vụ của Hội Thánh thời tiên khởi, chúng ta còn thấy xuất hiện các nguồn tài liệu viết.

Trước hết phải kể đến cuốn sách Kinh Thánh. Hội Thánh kế thừa nhiều dấu chỉ và nghi lễ mà sách Cựu Ước còn ghi lại; và sách Tân Ước là những bản tường trình chính xác và trung thực về đời sống phụng vụ của Hội Thánh ban đầu. Thứ đến là các nguồn tài liệu khác mang giá trị lịch sử phụng vụ, quy định các thể thức phải giữ khi cử hành phụng vụ như *sách Didaché*, *sách hộ giáo của thánh Justinô*, *sách truyền thống tông đồ của thánh Hypôlytô*; hoặc trình bày và giải thích các cử hành phụng vụ như

các bài giảng và giáo lý của Tertulianô, Xyirilô thành Giêrusalem, Ambrôsiô, Augustinô...

III. BƯỚC KHỞI ĐẦU CỦA PHỤNG VỤ KITÔ GIÁO

Các Kitô hữu tiên khởi thường xuyên lui tới đền thờ cầu nguyện và chu toàn các việc phượng tự như những người Do Thái khác, và chỉ ngừng lên đền thờ khi bị người Do Thái loại trừ ra khỏi đời sống phượng tự của họ. Ngoài ra các Kitô hữu còn hội họp riêng tại tư gia để cầu nguyện, lắng nghe các tông đồ giảng dạy và cử hành *nghi lễ bẻ bánh*; đặc biệt vào ngày thứ nhất trong tuần, ngày Đức Kitô phục sinh và gọi là *'ngày của Chúa'* (*Chủ Nhật*).

IV. PHỤNG VỤ CỦA HỘI THÁNH TRONG BỐN THẾ KỶ ĐẦU

Phụng vụ của Hội Thánh trong những thế kỷ đầu chưa có những quy định bắt buộc vì mỗi Hội Thánh địa phương còn gắn bó với truyền thống các tông đồ theo những nét độc đáo riêng.

Phụng vụ thời này được coi là giai đoạn ứng khẩu, nghĩa là các giám mục chủ tọa các buổi cử hành phụng vụ có quyền sáng tác các bản văn và lời kinh phụng vụ, vì vào thời điểm này chưa có các bản văn chung. Dù là ứng khẩu nhưng các giám mục vẫn theo những truyền thống phụng vụ sẵn có trong Hội Thánh. Chúng ta có thể đọc thấy những điều đó trong các nguồn tài liệu sau đây:

-Sách Didaché (*cuối thế kỷ I*)

“Lạy Cha, chúng con tạ ơn Cha vì cội nho thánh thiện của Đavít, tôi tớ Cha, mà Cha đã mặc khải cho chúng con qua Đức Giêsu, Tôi Tớ Cha, được vinh hiển đến muôn đời. Amen. (*Didaché 9: lời tạ ơn trên chén*)

-Sách Hộ giáo của thánh Justinô (*khóang năm 150*).

-Sách Truyền thống các tông đồ của thánh Hypôlytô (*vào đầu thế kỷ III*).

-Sách Giáo lý của thánh Ambrôsiô (*thế kỷ IV*)...

Nói chung các cử hành phụng vụ trong bốn thế kỷ đầu của

Hội Thánh không đồng nhất trong chi tiết nhưng luôn bảo đảm tính tông truyền và sự trong sáng của đức tin Kitô giáo. Sau khi Hội Thánh Công Giáo được hợp thức hóa trong toàn đế quốc Rôma, và có các Công đồng chung để minh định đức tin Kitô giáo đã tạo nên các gia đình phụng vụ.

V. CÁC GIA ĐÌNH PHỤNG VỤ

Vào thế kỷ V, Hội Thánh có 5 tòa giám mục quan trọng (*Tòa Thượng Phụ*) là Rôma, Constantinople, Alexandrie, Antiokia, và Giêrusalem. Chính những dẫn giải thần học, cộng thêm những ảnh hưởng văn hóa chính trị đã tạo nên sự độc lập cho các Tòa thượng phụ với những nghi lễ riêng, gọi là *gia đình phụng vụ*.

Các gia đình phụng vụ không phải một sớm một chiều hình thành, song là một quá trình lâu dài, hoặc là kết quả của sự hội tụ nhiều gia đình phụng vụ khác nhau. Ngày nay, có những Giáo Hội Đông Phương hiệp thông hoàn toàn với Hội Thánh Công Giáo, song lại theo một gia đình phụng vụ có nguồn gốc Chính Thống giáo.

1) Nhóm Alexandria:

Có hai nghi lễ chịu ảnh hưởng của gia đình phụng vụ Alexandria: nghi lễ Copt (Copte) và nghi lễ Êtiôpi. Đặc tính của hai nghi lễ này là dùng ngôn ngữ Hy Lạp và Copte (*Ai Cập cổ*), và chủ trương thần học *độc tính thuyết*, nghĩa là Chúa Giêsu chỉ có một bản tính duy nhất. Ngày nay, những Kitô hữu hiệp thông với Hội Thánh Rôma vẫn cử hành theo nghi lễ Copte hay Ethiopie bằng tiếng Ả Rập.

2) Nhóm Antiokia (Syrie):

Antiokia là một tỉnh lớn của đế quốc Rôma, và một trong những nơi đầu tiên đón nhận Tin Mừng (Cv 11,26) nên Hội Thánh tại đây cũng đã có những cử hành phụng vụ riêng biệt, rồi chia thành nhiều nghi lễ khác nhau: nghi lễ Antiokia, Cađêen, Byzantin, Armêni...

VI. NGHI LỄ TÂY PHƯƠNG

Phụng vụ Tây Phương từ thế kỷ IV đã chuyển dần từ tiếng Hy Lạp sang tiếng La Tinh, để rồi trở thành ngôn ngữ chính thức

của Hội Thánh trong phụng vụ và các văn kiện Tòa Thánh.

Nghi lễ Rôma mang giá trị truyền thống tông đồ và lan rộng sang nhiều địa phương. Đặc điểm của nghi lễ Rôma là chỉ có một Kinh nguyện Thánh Thể cho mọi thánh lễ, dù rằng có nhiều lời tiền tụng thay đổi.

Nghi lễ Ambrôsiô do thánh Ambrôsiô áp dụng nghi lễ Rôma với ít nhiều thích nghi cho vùng Milan, và nó đã tác động ngược lại trên phụng vụ Rôma (*KNTT I, và kinh Te Deum của Giáo Hội Tây Phương được gán cho thánh Ambrôsiô*).

Nghi lễ xứ Gaule (*Bắc Âu*) và Mozarabe (*Tây Ban Nha*) mượn lại nghi lễ Rôma song có nhiều Kinh Nguyện Thánh Thể, nhiều màu sắc rực rỡ và hoành tráng.

VII. GIAI ĐOẠN CANH TÂN

Từ thế kỷ IX đến trước Công đồng Trentô (*thế kỷ XVI*), phụng vụ bị pha tạp nhiều yếu tố phụ làm lu mờ các cử hành chính, xảy ra nhiều lạm dụng, dị đoan, dẫn đến các phong trào cải cách và phe phái trong Hội Thánh. Công đồng Trentô (*1562*) đã mở ra

một kỷ nguyên mới trong lịch sử phụng vụ của Hội Thánh. Công đồng Trentô tái khẳng định các nghi thức thánh lễ là hợp pháp với hai phần: *bàn tiệc Lời Chúa* và *bàn tiệc Thánh Thể*, chỉ dùng ngôn ngữ La Tinh trong phụng vụ, và cũng trong thời kỳ này, Hội Thánh có một cuốn sách Giáo lý chung làm nền tảng cho việc huấn giáo và canh tân phụng vụ. Việc canh tân của Công đồng Trentô đã có ảnh hưởng trong phụng vụ Rôma và kéo dài trong nhiều thế kỷ. Công đồng Vatican II đã kế thừa di sản ấy và tiếp tục đường lối canh tân của Công đồng Trentô.

Hiến chế về Phụng vụ thánh là văn kiện đầu tiên của công đồng Vatican II (1963) đã mở ra những hướng đi tích cực, vừa trở về nguồn Thánh Kinh và Truyền Thống, vừa hội nhập văn hóa để cộng đồng Dân Chúa tham dự một cách chủ động và tích cực như chúng ta thấy hiện nay.

“Giáo Hội Mẹ Thánh coi tất cả những nghi lễ đã được chính thức công nhận đều bình đẳng trên pháp lý và được tôn trọng như nhau, lại muốn các Nghi Lễ ấy được duy trì trong

tương lai và được củng cố bằng mọi cách. Thánh Công Đồng cũng ước mong, nơi nào cần, các Nghi lễ ấy phải được cẩn thận tu chỉnh cho toàn vẹn theo tinh thần truyền thống lành mạnh và được bổ sung một sinh khí mới mẻ hầu phù hợp với hoàn cảnh và nhu cầu hiện tại.”(PV 3).

TÓM LƯỢC:

1 H. Tại sao Truyền Thống lại giữ một vai trò quan trọng trong lịch sử phụng vụ?*

-T. Truyền Thống của Hội Thánh có vai trò quan trọng trong lịch sử phụng vụ vì nó góp phần bảo tồn và chuyển tải di sản tinh thần và đức tin của Hội Thánh, và hình thành các bản văn phụng vụ và tuyên tín vì “*luật cầu nguyện là luật đức tin*”.

2 H. Người Kitô hữu có quyền sáng tác phụng vụ theo sở thích riêng không?*

-T. Không ai có quyền sáng tác phụng vụ theo ý riêng mình, kể cả giám mục, bởi vì phụng vụ không phải là những hoạt động riêng tư mà là những cử hành của Hội Thánh; và vì là hoạt động

chung nên phụng vụ phải được quy định rõ ràng bởi những thẩm quyền chính thức trong Hội Thánh, như Hội Thánh đã từng làm trong các giai đoạn lịch sử của phụng vụ. Ngoài ra, người ta chỉ được phép thích nghi những chỗ mà chính nghi thức phụng vụ đã nói rõ và cho phép (*GL 837; 838/1*).

3 H. Ngày nay người tín hữu Công Giáo theo nghi lễ nào của Hội Thánh?*

-T. Người tín hữu Công Giáo chúng ta ngày nay theo nghi lễ Rôma được điều hành bởi *Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích*. Ngoài ra có một số Giáo Hội vẫn hiệp thông hoàn toàn với Hội Thánh Rôma nhưng lại được phép sử dụng nghi lễ riêng của địa phương.

CẦU NGUYỆN:

Lạy Chúa, xin dạy con vững bước
trong đêm trắng mờ ảo
hay ngày sáng rạng ngời.
Xin dạy con nhìn lên phía trước,

đừng làm lẫn những gì
của ngày mai với hôm qua.

Xin dạy con cùng Ngài làm nên ngày mới,
đừng tích tụ hoa tàn nhụy rữa
bên lối cũ đường xưa.

Xin dạy con mở toang những vách ngăn
thành cánh cổng của một lộ trình mới.

(ĐHY Roger Etchegaray)

Bài 3:

BẦU KHÍ PHỤNG VỤ

“Con người, một thụ tạo vừa có thân xác vừa thiêng liêng, diễn tả và tiếp nhận các thực tại thiêng liêng qua dấu chỉ và biểu tượng vật chất. Con người có tính xã hội, nên cần dấu chỉ và biểu tượng để giao tiếp với tha nhân qua ngôn ngữ, cử chỉ, hành động. Trong tương quan với Thiên Chúa cũng thế.”
(*GLHTCG 1146*)

Không thể có lễ hội nếu không có nghi thức kèm theo những dấu chỉ và biểu tượng. Bỏ hết đi những dấu chỉ và biểu tượng, đời sống tôn giáo sẽ nghèo nàn và tẻ nhạt. Ngược lại, quá chú tâm đến nghi thức mà đánh mất nội tâm, tôn giáo có nguy cơ biến thành mê tín dị đoan. Khi cử hành phụng vụ, tất cả con

người chúng ta phải tham dự vào việc cử hành, không những tâm tình, trí tuệ mà tất cả mọi cơ năng của thân xác.

I. CON NGƯỜI CẦN DẤU CHỈ VÀ BIỂU TƯỢNG

Giả như chỉ có lời nói xuông thôi, tình yêu của chúng ta đối với nhau sẽ như thế nào? Trong những giờ phút quan trọng nhất của đời người, dù vui hay buồn, cần phải có những lời nói và cử chỉ kèm theo mới có thể đánh động lòng người. Trong lãnh vực tôn giáo, thì cử chỉ nghi lễ càng cần thiết để diễn tả những mẫu nhiệm, những gì mà lời nói không thể diễn tả hết ý nghĩa.

Thật vậy, lời nói có khả năng làm cho người ta bùi ngùi cảm động, chạm tự ái hay bị tổn thương, hoặc trấn an... là vì trong lời nói đó có những '*dấu hiệu*' diễn đạt tình mến hay khinh khi.... Hơn nữa, con người có tính xã hội nên rất cần đến dấu chỉ và biểu tượng để giao tiếp. Tuy không làm nên cuộc sống, nhưng nghi lễ lại rất cần cho con người vì nó trao ban một ý nghĩa, làm cho con người trở thành người hơn, như chất keo gắn kết mọi người, vì không có nghi lễ, con người sẽ chỉ làm

việc như con ong cái kiến.

Biểu tượng là những yếu tố vật chất hữu hình mà qua đó người ta kiến tạo cho nó một ý nghĩa theo tiến trình sau:

- Trước tiên, dấu chỉ phải là một yếu tố hữu hình, *ví dụ: màu sắc, hình ảnh, vật thể...*

- Thứ đến, nhờ dấu chỉ hữu hình này mà chúng ta thấy được một cái khác nó, *ví dụ: nhìn khói nghĩ tới lửa, quốc kỳ nghĩ tới tổ quốc...*

- Sau cùng, biểu tượng hướng chúng ta đến một ý nghĩa hay một thực tại ngoài tầm kinh nghiệm cảm giác. *Ví dụ: màu đỏ chỉ máu tử đạo, ngón tay chỉ sức mạnh...*

Tuy nhiên, dấu chỉ nhiều khi cũng có nghĩa tương phản, (*nước chỉ sự sống hoặc sự chết*), hoặc sự vật tự nó không có nghĩa nhưng do người ta quy ước, hoặc dấu chỉ biểu tượng cho một ý nghĩa khác nhau tùy theo nền văn hóa hay địa phương (*màu trắng chỉ tang tóc đối với người Việt, còn Tây phương lại dùng màu đen*).

II. THIÊN CHÚA BAN ƠN QUA DẤU CHỈ

Khi Thiên Chúa làm một dấu chỉ nào đó, Người làm theo khả năng hiểu biết và đón nhận của chúng ta. Bí tích là dấu chỉ nhằm diễn tả một ý nghĩa thiêng liêng nhưng có thực. Dấu chỉ lớn nhất của Thiên Chúa là việc Người sai Con mình đến thế gian để mạc khải cho chúng ta biết về Chúa Cha. Vì thế chúng ta có thể nói rằng Chúa Kitô là Bí Tích tuyệt hảo nhất diễn tả việc Thiên Chúa gặp gỡ loài người. Đến lượt Hội Thánh là ‘*bí tích*’ diễn tả sự hiện diện của Chúa Kitô ở giữa chúng ta. Trong Hội Thánh, mỗi bí tích là một lời, một dấu hiệu của ơn cứu độ.

Phụng vụ sử dụng rất nhiều dấu chỉ và biểu tượng để chúng ta nhận biết hành động của Thiên Chúa và diễn tả thái độ tôn thờ của con người. Dấu chỉ tự nó không có ý nghĩa, song Hội Thánh mạc cho nó một ý nghĩa, khác với những gì mà chúng ta thấy. Dấu chỉ được dùng trong các bí tích lại là yếu tố thành sự và hữu hiệu làm nên bí tích. Các bí tích thường dùng hai loại dấu chỉ: dấu chỉ bằng lời và dấu chỉ bằng sự vật hay hành động

(nước, đặt tay, đọc lời cầu).

Kinh Thánh dùng rất nhiều dấu chỉ và biểu tượng (*xức dầu để phong vương, cầu vòng chỉ Giao Ước*). Chúa Giêsu cũng sử dụng dấu chỉ song Ngài mặc cho nó một ý nghĩa mới (*Manna / Bánh Hằng Sống, nước giếng Giacóp / nước hằng sống...*)

Hội Thánh là dấu chỉ (*Bí tích*) của Chúa Kitô vì Hội Thánh có nhiệm vụ lưu truyền sứ điệp của Chúa và được ủy thác trao ban các bí tích cho mọi người. Vì thế, Hội Thánh có sứ mạng tổ chức phụng vụ và quy định các dấu chỉ và biểu tượng để diễn tả các thực tại thiêng thánh. Các dấu hiệu có thể thay đổi ý nghĩa theo thời gian, môi trường và văn hóa khác nhau. Hội Thánh dành quyền thích nghi phụng vụ vào các nền văn hóa, cách cảm nghĩ của mỗi dân tộc, cho giám mục và Hội đồng giám mục. Về phần người tín hữu, cần tránh lối giải thích dấu chỉ theo trí tưởng tượng cá nhân và cũng đừng làm theo thói quen máy móc.

“Việc cử hành thánh lễ, cũng như toàn bộ phụng vụ, được thực hiện qua các dấu chỉ khả giác, nhờ đó đức tin được nuôi

duỡng, củng cố và diễn tả. Vì thế, phải hết sức lo liệu, lựa chọn và sắp xếp các hình thức và các yếu tố Hội Thánh đã đề ra, để tùy theo hoàn cảnh nhân sự và nơi chốn, các hình thức và yếu tố đó giúp đắc lực hơn cho việc tham dự được tích cực và đầy đủ, đồng thời đáp ứng cách thích hợp hơn lợi ích thiêng liêng của tín hữu.” (QCTQ 20)

III. CỬ CHỈ VÀ ĐIỆU BỘ TRONG PHỤNG VỤ

Con người hiện diện bên nhau là nhờ thân xác nên không thể có một phụng vụ nào ngoài thân xác. Không thể có cử hành phụng vụ mà không có dáng điệu và cử chỉ. Trước khi có tiếng nói đã có cử chỉ, và ngay cả im lặng cũng là một dấu chỉ. Cử chỉ có ngôn ngữ riêng. Tâm hồn và thể xác gắn liền nhau nên các cử chỉ và điệu bộ cũng góp phần rất lớn vào thái độ cung kính của con người đối với Thiên Chúa.

Có những cử chỉ đi kèm theo lời nói để nêu rõ giá trị của lời nói (*đắm ngực khi đọc kinh Thú Nhận, đặt tay khi cầu nguyện, giơ tay khi chào...*). Có những cử chỉ có tính biểu trưng, diễn tả

một thực tại thuộc lãnh vực khác (*chúc bình an, linh mục rửa tay sau khi chuẩn bị lễ vật*).

Cử chỉ và điệu bộ trong phụng vụ không phải là bộc phát tự do, song đã được sách phụng vụ quy định rõ ràng:

“Cử chỉ và điệu bộ thân thể của vị tư tế, phó tế, các thừa tác viên, cũng như của giáo dân nhằm làm cho toàn bộ cuộc cử hành toát ra vẻ đẹp, sự thanh cao và đơn sơ, làm cho ý nghĩa thật sự và đầy đủ của các phần khác nhau được nhận thức và làm cho sự tham dự của mọi người được khuyến khích. Do đó, phải chú ý đến những gì được quy định bởi luật phụng vụ và thực hành truyền thống của nghi lễ Rôma, và những gì mang lại lợi ích thiêng liêng chung cho Dân Chúa hơn là ý thích riêng hay tùy tiện” (*QCTQ 42*).

Sau đây là một vài điệu bộ liên quan đến toàn thân hoặc từng chi thể được quy định trong phụng vụ:

- **Đứng** là tư thế cơ bản của vị chủ tế, và tín hữu để dâng lễ, tiếp đón và chào mừng. Đứng cũng là dấu chỉ kính trọng, cầu

nguyện, tôn vinh và tỉnh thức của người tín hữu đối với Chúa và với nhau. Trong Kinh Thánh, đứng còn là tư thế của kẻ sống lại (*Kh 7,9; 15,2*), của những người vượt qua về miền đất hứa (*Xh 12,11*), của những con người tự do (*Ga 5,1; Ep 6,1-4*).

“Tín hữu đứng: từ đầu ca nhập lễ, hoặc khi vị tư tế tiến tới tiến tới bàn thờ, cho đến hết lời nguyện nhập lễ; khi hát Alleluia trong Tin Mừng; khi công bố Tin Mừng; khi đọc kinh Tin Kính và lời nguyện cho mọi người; từ lời mời ‘*Anh chị em hãy cầu nguyện*’ trước lời nguyện tiến lễ cho đến hết lễ” (*Hội Thánh khuyến khích quỳ khi đọc Kinh Nguyện Thánh Thể*) (*QCTQ 43*).

- **Ngồi** là tư thế thoải mái của con người được phụng vụ áp dụng trong việc lắng nghe, chiêm niệm và cầu nguyện.

Dáng điệu ngồi rất thích hợp cho việc các tín hữu lắng nghe các bài đọc Thánh Kinh, trừ bài Tin Mừng, hát Thánh vịnh đáp ca, khi nghe giảng, lúc chuẩn bị lễ vật, hoặc sau khi rước lễ (*QCTQ 43*).

- **Quy** là dấu chỉ của lòng sám hối, tôn thờ và khẩn nài. Thánh Kinh nói nhiều đến việc quy gối cầu nguyện riêng (Cv 7,50; Cv 9,40; 20,30; Kn 41,43; Et 3,2; Lc 5,8; 22,41)

Trong thánh lễ khi đọc Kinh nguyện Thánh Thể là lúc phụng vụ khuyên nên quy. *“Những người không quy khi Truyền Phép thì phải cúi mình sâu khi vị tư tế quy gối sau Truyền Phép”* (QCTQ 43).

- **Cúi mình, phủ phục** chỉ sự kính cẩn, hạ mình trước một ai đó lớn hơn mình. Đây là cử điệu thông thường của Dân Chúa khi linh mục ban phép lành. Trong Thánh lễ quy định giáo dân phải cúi mình khi đọc *“Bởi phép Chúa Thánh Thần... và đã làm người”* trong kinh Tin Kính. Khi vào nhà thờ hay cử hành thánh lễ, thay vì **bái gối**, người Việt chúng ta bái mình, nghĩa là cúi mình sâu. Mỗi khi đọc tên Chúa Giêsu, tên Đức Maria và tên vị thánh mừng kính trong ngày thì vị chủ tế phải **cúi đầu** chỉ sự tôn kính đặc biệt các vị ấy (QCTQ 275).

-**Bước đi** là cử động di chuyển, rời chỗ khi phải thi hành một

chức năng (*lên đọc sách thánh, lên rước lễ...*).

- **Rước kiệu** là dấu chỉ sự tôn vinh, hân hoan, cảm tạ, không nhằm sự khoa trương nhưng là cuộc rước của một cộng đoàn cầu nguyện. Trong Sách lễ Rôma có nói đến bốn lần rước kèm theo bài hát: *rước chủ tế ra bàn thờ qua bài ca nhập lễ, rước Sách Tin Mừng đầu lễ và trước bài Phúc Âm qua tiền xướng trước Phúc Âm, rước của lễ qua ca tiến lễ và đang lúc lên rước lễ qua ca hiệp lễ*. Bài hát cũng sẽ chấm dứt ngay khi việc rước đã hoàn tất.

- **Chấp tay**, khoanh tay chỉ sự nghiêm trang, kính trọng.

- **Đấm ngực** chỉ sự khiêm nhường, hối lỗi.

- **Dang tay** là cử chỉ cầu nguyện ngay từ thời các tông đồ.

- **Làm dấu thánh giá** bắt nguồn từ nghi thức trừ tà trong việc tiếp nhận dự tòng, được lập lại trong đời sống thường ngày của Kitô hữu. Đây cũng là dấu chỉ nhận biết và minh chứng đức tin Kitô giáo. Các tín hữu phải tập ý thức mỗi khi làm dấu thánh giá với tất cả sự nghiêm trang, kính cẩn vì đó là dấu đức tin và

cứu độ.

- **Thinh lặng** cũng là một cử chỉ rất quan trọng và cần thiết phải giữ để tạo bầu khí phụng vụ: im lặng để nghe và im lặng để suy niệm và cầu nguyện.

“Sự thinh lặng, kể như thành phần của việc cử hành Thánh Lễ, cũng phải được tuân giữ đúng lúc. Bản chất của sự thinh lặng tùy thuộc vào lúc phải giữ trong Thánh Lễ. Thật vậy, trong nghi thức sám hối và sau lời mời cầu nguyện, mỗi người hồi tâm lại; sau bài đọc và bài diễn giảng, mỗi người suy gẫm vắn tắt về những gì đã nghe; còn sau khi hiệp lễ thì ca ngợi và cầu xin Chúa trong lòng” (*QCTQ 45*).

-**Kêu cầu** là cầu nguyện lớn tiếng để tung hô hay van xin, như kinh *Xin Chúa thương xót*, kinh *Cầu các thánh*.

IV. CÁC YẾU TỐ VẬT CHẤT DÙNG TRONG PHỤNG VỤ

Các vật dụng dùng trong phụng vụ cũng biểu lộ những tâm

tình phụng vụ của người tín hữu:

- **Nến và ánh sáng** luôn được sử dụng trong các cử hành phụng vụ để nói lên hình ảnh Đức Kitô là ánh sáng vĩnh cửu không bao giờ tắt: **Nến Phục sinh** biểu tượng cho Chúa Kitô; nến được thắp sáng từ nến phục sinh để trao cho tân tòng...; nến thắp sáng bàn thờ, nến đi rước, canh thức...

- **Hương lửa** biểu trưng cho các lời nguyện như hương trầm tỏa bay trước tôn nhan Thiên Chúa. Phụng vụ dùng hương lửa cho việc tôn kính các nơi thờ tự, tượng ảnh thánh, sách Phúc Âm, chủ tế và giáo dân (*QCTQ 276*). Thường là xông hương ba lần, mỗi lần hai nhịp. HĐGM Việt Nam trong thông cáo ngày 14/11/1974 cho phép thi hành và tham dự các nghi lễ *thờ cúng tổ tiên* nên tại Việt Nam việc xông hương có thể thay thế bằng việc thắp nhang, vái nhang hay niệm hương.

- **Hoa lá** mang ý nghĩa trang trí chỉ sự tôn vinh, niềm vui và tạ ơn.

- **Chén đĩa thánh** dùng để đựng Mình Máu thánh Chúa Kitô

nên nó phải được kính trọng trong cách sử dụng và chế tạo đồ thánh. Các khăn thánh phải luôn được giữ sạch sẽ để nói lên lòng kính trọng.

- **Bánh lễ** phải là bánh miến không men, rượu lễ phải là rượu nho tinh tuyền để tôn trọng truyền thống muốn tuân giữ các chất liệu mà xưa kia Chúa Giêsu đã dùng để biến đổi trở thành Mình Máu Ngài.

- **Các sách** dùng trong phụng vụ như Sách Thánh, sách lễ, sách nghi thức phải được Tòa Thánh phê chuẩn, và mọi tín hữu phải có lòng kính cẩn gìn giữ.

- **Dầu thánh** phải là dầu ô-liu hay thực vật được làm phép do giám mục địa phương vào sáng thứ Năm tuần thánh, gồm ba loại: *Dầu Thánh* được dùng trước các bí tích Thánh Tẩy, Thêm Sức, Truyền Chức thánh, hay khi cung hiến thánh đường, bàn thờ. *Dầu dự tòng* xúc cho dự tòng trước khi cử hành Bí tích Thánh Tẩy. *Dầu bệnh nhân* dùng cho Bí tích Xức dầu bệnh nhân.

- **Nước** mang nhiều ý nghĩa biểu tượng như sự sống, sự chết, giải khát, thanh tẩy... được pha vào rượu nho khi dâng lễ, và đặc biệt trong Bí tích Thánh Tẩy.

- **Lễ phục** và màu sắc được dùng phụng vụ cũng nói lên về trang trọng và ý nghĩa của buổi cử hành. Y phục chung cho mọi thừa tác viên là áo dài trắng (*alba*); và theo quy định bất cứ ai xuất hiện trên cung thánh vào giờ cử hành phụng vụ phải mang áo ộp (*alba*) này, hoặc áo dòng cộng thêm áo trắng ngắn (*surplis*). Phó tế mặc áo dài trắng với dây các phép (*stola*) đeo chéo từ vai trái sang hông bên phải. Linh mục mặc áo dài trắng, dây các phép, áo lễ. Lễ phục màu trắng dùng trong thánh lễ mùa Phục sinh và mùa Giáng Sinh, các lễ kính Chúa (*trì cuộc Thương Khó*), các lễ kính Đức Maria, các thiên thần, các thánh (*trì thánh tử đạo*). Lễ phục màu đỏ dùng trong Chúa Nhật lễ lá, thứ sáu tuần thánh, lễ Chúa Thánh Thần, lễ các tông đồ và thánh sử, và lễ thánh tử đạo. Lễ phục màu xanh dùng cho các lễ mùa thường niên. Lễ phục màu tím dùng trong lễ mùa Chay và

mùa Vọng, hoặc trong lễ an táng, cầu hồn. Riêng ở Việt Nam, lễ phục màu vàng có thể thay cho các màu lễ có tính trang trọng. Lễ phục màu đen cho lễ an táng, và màu hồng cho Chúa Nhật III mùa Vọng và Chúa Nhật IV mùa Chay, ít được sử dụng.

V. PHỤNG VỤ VÀ HỘI NHẬP VĂN HÓA

Con cá sống nhờ nước, con chim sống nhờ bầu trời, song con người không chỉ cần nước để sống, cần khí để thở mà còn nhờ đến văn hóa. Bất cứ nền văn hóa nào cũng cần đến dấu chỉ và biểu tượng để nói lên những ý nghĩa và quan niệm về cuộc sống. Lễ hội và nghi thức tôn giáo luôn phản ánh nền văn hóa dân tộc. Con Thiên Chúa làm người trên một mảnh đất, cho nên Tin Mừng Ngài rao giảng cũng mang đậm nét văn hóa một dân tộc. Tin Mừng lại được rao giảng khắp thế giới nên nó lại cần được bén rễ trong những nền văn hóa khác nhau.

Đó là sứ mạng của Hội Thánh trong việc thích nghi và hội nhập văn hóa:

“Bất cứ những gì trong tập tục, không liên quan mật thiết với dị đoan và lầm lạc, đều được Hội Thánh mến phục với thiện cảm, và nếu có thể, còn được bảo tồn trọn vẹn. Hơn nữa, đôi khi những tập tục đó còn được Hội Thánh nhận vào trong Phụng vụ, miễn sao hòa hợp với những nguyên tắc của tinh thần phụng vụ đích thực và chân chính” (PV 37)

“Phụng vụ phải được cử hành phù hợp với đặc tính và văn hóa của các dân tộc. Để mầu nhiệm của Đức Kitô được thông báo cho muôn dân biết, để họ tin mà vâng phục Thiên Chúa (x. Rm 16,26), Hội Thánh phải loan báo, cử hành và sống trong tất cả các nền văn hóa. Mầu nhiệm Đức Kitô không xóa bỏ, nhưng cứu chuộc và kiện toàn các nền văn hóa. Chính nhờ nền văn hóa riêng được Đức Kitô tiếp nhận và thanh luyện, đông đảo con cái Thiên Chúa đến được với Chúa Cha để tôn vinh Người trong cùng một Thánh Thần” (GLHTCG 1204).

TÓM LƯỢC:

1 H. Dấu chỉ và biểu tượng là gì?*

-T. Dấu chỉ và biểu tượng là những yếu tố vật chất hữu hình, song người ta lại kiến tạo cho nó một ý nghĩa mới.

2 H. Tại sao cử chỉ và điệu bộ lại quan trọng trong các cử hành phụng vụ của Hội Thánh?*

-T. Cử chỉ và điệu bộ quan trọng vì con người có thân xác và linh hồn nên cần có các cách diễn tả của thân xác để biểu lộ chiều sâu nội tâm. Hơn nữa, các cử chỉ và điệu bộ trong phụng vụ đều có ý nghĩa riêng biệt, và khi cùng nhau thể hiện lại nói lên tính hiệp nhất của cộng đoàn.

3 H. Tính không gian của phụng vụ là gì?*

-T. Tính không gian của phụng vụ bao gồm nhiều yếu tố như dấu chỉ và biểu tượng, cử chỉ và điệu bộ, cùng các yếu tố vật chất sẽ tạo nên một bầu khí phụng vụ nghiêm trang và linh thánh. Vì thế, các dấu chỉ phải có ý nghĩa, cử chỉ và điệu bộ phải nghiêm túc, các vật dụng và nơi cử hành phải sạch sẽ gọn gàng thì tham dự phụng vụ mới sốt sắng.

CẦU NGUYỆN:

“Lạy Chúa,
con chỉ là một viên gạch tầm thường nằm sát dưới chân tường.
Con không được như viên gạch xây cửa, ở ngay tầm mắt người
ta. Con không được như viên gạch mặt tiền,
hãnh diện nhìn người qua kẻ lại
và sung sướng được người ta khen đẹp.
Con không được như viên gạch trong phòng khách,
hàng ngày được người ta lau chùi đánh bóng.
Con chỉ là một viên gạch tầm thường nằm sát chân tường.
Nhưng lạy Chúa, con vui vì chỗ ở của con,
con vui với nhiệm vụ của con.
Con mừng vì con cũng có góp phần trong ngôi nhà xinh đẹp
này. Không có những người góp phần nhỏ bé,
âm thầm như con thì bức tường sẽ đổ, ngôi nhà sẽ sập,
và những viên gạch xinh đẹp kia cũng chẳng còn”.

Bài 4:

NĂM PHỤNG VỤ

“Năm Phụng Vụ khai triển mầu nhiệm Vượt qua dưới nhiều khía cạnh, đặc biệt là chu kỳ các lễ xoay quanh mầu nhiệm Nhập thể (*Truyền Tin, Giáng sinh, Hiển Linh*) gọi lại những biến cố khởi đầu ơn cứu độ và cho chúng ta hưởng nhờ hoa trái đầu mùa của mầu nhiệm Phục sinh”. (*GLHTCG 1171*)

Năm phụng vụ là chu kỳ thời gian trong một năm về sự can thiệp của Thiên Chúa trong lịch sử nhân loại, trong quá khứ cũng như hiện tại. Theo cái nhìn của lịch sử cứu độ, phụng vụ không chỉ tưởng niệm các biến cố đã xảy ra, nhưng còn hiện tại hóa, làm cho các biến cố ấy đi vào đời sống hôm nay một cách mầu nhiệm.

I. LỊCH PHỤNG VỤ

Lịch là một hệ thống đo thời gian cần thiết cho cuộc sống con người thành *năm, tháng, tuần, ngày...* Âm lịch là lấy một vòng quay của mặt trăng chung quanh trái đất làm một năm, còn Dương lịch lấy một vòng quay của trái đất chung quanh mặt trời làm một năm. Người Rôma sử dụng Dương lịch từ thế kỷ VII trước Đức Giêsu Kitô, nhưng một năm chỉ có 304 ngày và một năm chỉ có 10 tháng, tháng đầu năm là tháng Ba và ngày đầu năm là mồng 1 tháng 3. Bằng chứng là tháng 9, 10, 11, 12 của chúng ta ngày nay theo La ngữ hay Pháp ngữ: Septembre là tháng Chín (nhưng *septem* theo Latinh lại là số 7, *nghĩa là tháng thứ bảy theo lịch cũ của Rôma*), Octobre là tháng Mười (*octo: 8*), Novembre là tháng 11 (*novus: 9*), Décembre là tháng 12 (*decem: 10*).

Năm 46 trước Đức Giêsu Kitô (AC), Jules César đã cải cách lịch Rôma thành một năm có 365 ngày với 12 tháng (*thêm tháng 1 và tháng 2 vào đầu năm*), ngày đầu năm là mồng 1

tháng Giêng và cứ 4 năm có một năm nhuận 366 ngày (*năm nhuận là năm chia chẵn cho 4*). Nhiều quốc gia đã sử dụng lịch này nhưng ngày đầu năm (*Tết*) vẫn chưa mừng vào 01/01.

Sang thế kỷ XVI, các nhà thiên văn và làm lịch nhận thấy 1 năm trung bình có 365 ngày và 6 giờ là có vòng quay chậm hơn vòng quay của trái đất chung quanh mặt trời là 11 phút và 12 giây. Như thế là cho đến năm 1582, so với lịch Jules César, bị chậm mất 10 ngày. Do đó ngày 24/2/1582, Đức Giáo Hoàng Grêgôriô XIII ban hành sắc chỉ lấy ngày 04/10/1582 làm ngày 15/10/1582; mỗi năm vẫn có 365 ngày, và cứ 4 năm lại có một năm nhuận nhưng những năm cuối thế kỷ (*1700, 1800, 1900...*) được coi là những năm thường (*365 ngày*) trừ những năm chia chẵn cho 400 (*vd: năm 1600, 2000, 2400 vẫn là những năm nhuận*).

Lịch cải cách của Đức Grêgôriô có lợi điểm là phải 4000 năm mới có sự sai biệt 1 ngày, và đã được thế giới sử dụng. Năm 1918, nước Nga mới nhìn nhận lịch Grêgôriô, vì thế cuộc cách mạng 1917 của Nga được gọi là *Cách Mạng Tháng Mười*

theo cách gọi của lịch cũ, còn chính xác thì cuộc cách mạng xảy ra vào ngày 07/11/1917 theo lịch Grêgôriô.

Về niên biểu, mỗi nước có một cách tính niên hiệu riêng, thường là dựa vào triều đại của các vua. Đức Giêsu sinh vào thời mà dân tộc Do Thái đang sử dụng Âm lịch và đế quốc Rôma đang sử dụng Dương lịch. Đất nước Do Thái đang bị đô hộ bởi đế quốc Rôma, cho nên các tác giả sách Phúc Âm xác định niên biểu theo niên hiệu của các hoàng đế Rôma (x. *Lc 3,1*) hoặc tính từ năm thành lập thành Rôma. Vào thế kỷ VI, một tu sĩ tên là Đionixiô đã quy định thời đại Kitô giáo, lấy năm Đức Giêsu sinh ra làm năm thứ nhất, tương ứng với năm 754 kể từ năm lập quốc Rôma. Tu sĩ này đã dựa vào *Lc 3,1* (*Năm thứ mười lăm dưới triều hoàng đế Ti-bê-ri-ô*) để xê dịch các niên hiệu Rôma thành niên hiệu Chúa Giêsu Kitô (*trước Đức Giêsu viết là AC hoặc sau Đức Giêsu là PC*), nhưng cách tính của ông có sự sai sót vài năm. Thế nên, Đức Giêsu phải sinh ra trước đó vài năm, khoảng năm 6 - 4 AC.

Hội Thánh Công Giáo có lịch riêng là lịch Phụng vụ, bắt đầu từ Chúa Nhật I mùa Vọng (*khoảng cuối tháng 11 hoặc đầu tháng 12*) cho tới tuần cuối cùng của mùa thường niên. Tuy nhiên trong các sinh hoạt, Hội Thánh vẫn theo lịch dân sự đang thịnh hành ngày nay, và ghi thêm vào đó các ngày lễ Công Giáo.

II. NGÀY CHÚA NHẬT

“Theo truyền thống tông đồ bắt nguồn từ chính ngày Chúa Kitô sống lại, Hội Thánh cử hành mầu nhiệm Phục sinh vào mỗi ngày thứ tám, ngày thật đáng được gọi là *ngày của Chúa* hay ngày Chúa Nhật’ (*PV 106*). Ngày Chúa Kitô Phục sinh vừa là ‘*Ngày thứ nhất trong tuần*’ vừa gọi lại ngày đầu của công trình sáng tạo, vừa là ‘*Ngày thứ tám*’, sau khi ‘*an nghỉ*’ trong ‘*ngày Sa-bát vĩ đại*’, Chúa Kitô khai mạc ‘*ngày Chúa đã làm nên*’, ‘*ngày không còn đêm tối*’. Bữa tiệc của Chúa là trọng tâm của ngày này, ở đó tất cả cộng đoàn tín hữu được gặp Chúa Kitô Phục sinh, Đáng mời gọi họ vào dự tiệc:

‘Hôm nay là Ngày của Chúa, ngày của các Kitô hữu, cũng là ngày của chúng ta. Hôm nay được gọi là ngày của Chúa, vì là ngày Đức Giêsu khai hoàn lên với Chúa Cha. Nếu người ngoại giáo gọi là ‘ngày mặt trời’, chúng ta cũng sẵn sàng chấp nhận: vì hôm nay, muôn dân được thấy Ánh Sáng, hôm nay Mặt Trời Công Chính mang lại ơn cứu độ xuất hiện’ (*Th Giêrimô*).

Ngày Chúa Nhật là ngày tuyệt hảo để cộng đoàn tín hữu tập họp cử hành Phụng Vụ, ‘để lắng nghe Lời Chúa và tham dự vào Bí tích Thánh Thể, để kính nhớ sự Thương Khó, Phục sinh và Vinh quang của Chúa Giêsu, đồng thời cảm tạ Thiên Chúa, vì Người đã dùng sự Phục sinh của Chúa Giêsu Kitô từ trong kẻ chết mà tái sinh họ trong niềm hy vọng sống động’ (*PV 106*)” (*GLHTCG 1166-1167*)

Họp nhau cử hành màu nhiệm Vượt Qua vào ngày Chúa Nhật là một truyền thống sống động bắt nguồn từ thời các tông đồ, nên nó không chỉ là luật buộc, mà còn là một nhu cầu sinh

tử của Kitô giáo và là một đòi hỏi nội tại của đức tin các Kitô hữu. Nếu các Kitô hữu họp nhau vào một ngày khác mà lại không phải là *‘Ngày của Chúa’*, ngày truyền thống của Hội Thánh, thì còn gì là hiệp thông nữa! Vì thế Hội Thánh không bao giờ bỏ mất ngày Chúa Nhật của mình vì Hội Thánh không thể từ khước bản chất của mình là cộng đoàn họp mừng mầu nhiệm Vượt Qua của những kẻ tin vào Chúa Phục Sinh.

Giáo Luật điều 1248 khoản 1 quy định:

“Ai tham dự thánh lễ vào chính ngày lễ hay vào chiều ngày trước lễ, thì người ấy đã chu toàn việc buộc dự lễ”.

Vì thế, thánh lễ chiều thứ Bảy và chiều trước ngày lễ trọng sẽ phải cử hành cho long trọng và đầy đủ mọi yếu tố của ngày chính lễ. Nếu lễ trọng có *lễ vọng* thì chiều hôm trước phải cử hành lễ vọng, còn nếu không có lễ vọng thì chiều hôm trước cử hành bản văn của chính ngày lễ trọng hôm sau.

III. TÂM ĐIỂM CỦA NĂM PHỤNG VỤ

Năm phụng vụ diễn tả lịch sử cứu độ, và tuyệt đỉnh của lịch

sứ này là cuộc **Vượt Qua** của Chúa Giêsu Kitô. Các lời rao giảng tiên khởi của các tông đồ (*kerygma*) đều xoay quanh mầu nhiệm Tử Nạn và Phục sinh của Đức Giêsu Kitô (*Cv 2,14-36; 3,12-26; 4,1012; 5,29-32*) như một mẫu số chung cho các lời rao giảng và cử hành phụng vụ. Ban đầu, phụng vụ của Hội Thánh tiên khởi chỉ triển khai mầu nhiệm Vượt Qua như là tâm điểm của phụng vụ và là nội dung căn bản của sứ điệp Tin Mừng. Dần dần, phụng vụ thêm vào những mầu nhiệm khác của Chúa Giêsu nhưng tất cả đều tập trung vào mầu nhiệm Tử Nạn và Phục sinh là nội dung duy nhất của phụng vụ.

Công đồng Nixê (325) đã quyết định thống nhất ngày cử hành lễ Phục sinh trong toàn Hội Thánh vào ngày Chúa Nhật sau ngày 14 tháng Nisan của người Do Thái. Do đó, lễ Phục sinh không cố định mà xê dịch hàng năm.

Năm Phụng Vụ bắt đầu với Chúa Nhật I mùa Vọng và kết thúc bằng lễ Chúa Kitô Vua, xen kẽ với việc mừng kính các mầu nhiệm về Chúa, Đức Maria và các thánh, và đỉnh cao là Tam Nhật Vượt Qua.

IV. MÙA PHỤNG VỤ

Năm Phụng Vụ chia làm *5 mùa*:

1) Mùa Vọng:

- Mùa Vọng (*Adventus*) là mùa hướng lòng về ngày Chúa Kitô sẽ lại đến trong vinh quang để xét xử thế giới và con người, nhưng gần hơn cả là chuẩn bị tâm hồn và đời sống để mừng mầu nhiệm Chúa Giáng Sinh. Mùa Vọng nhắc nhở chúng ta nhìn lên Chúa, Đấng đang đến với chúng ta mỗi giây phút và một cách đặc biệt khi *‘Người sẽ lại đến trong vinh quang’*.

- Mùa Vọng kéo dài trong khoảng 4 tuần lễ, bắt đầu từ Chúa Nhật I đến chiều ngày 24/12. Từ đầu mùa Vọng đến hết ngày 16/12 nhằm hướng đến ngày cánh chung; còn từ ngày 17/12 nhằm chuẩn bị mừng đại lễ Giáng Sinh. Trong suốt mùa Vọng, lễ phục mang màu tím nói lên sự hoán cải trông đợi ơn cứu độ của Thiên Chúa.

2) Mùa Giáng Sinh:

- Mùa Giáng Sinh mừng kính mầu nhiệm Nhập Thể, Con Thiên Chúa làm người. Lễ Giáng sinh đầu tiên được cử hành trọng thể vào khoảng năm 300, nhằm ngày 25/12 là ngày lễ thờ Thần Mặt Trời của dân ngoại. Đây là ngày trong năm có đêm dài nhất (*Đông Chí*) và bắt đầu ngày mặt trời đi lên quỹ đạo cao nhất mang ánh sáng chiếu soi vạn vật. Hội Thánh muốn nhân cơ hội lễ này để xác định Chúa Kitô là *'ánh sáng chiếu soi trong đêm tối'* và là *'mặt trời công chính soi sáng muôn dân'* (*Ga 1,5; Lc 1,79*).

- Mùa này kéo dài khoảng hơn hai tuần, từ ngày 25/12 (*lễ Giáng sinh bắt đầu từ chiều hôm trước*) đến hết lễ Chúa Giêsu chịu phép rửa. Mùa Giáng Sinh có tuần bát nhật Giáng Sinh nhưng không được long trọng mừng kính cùng mức độ như tuần bát nhật Phục sinh, vì các ngày trong tuần bát nhật Phục Sinh đều được mừng như lễ trọng.

3) Mùa Chay:

- Mùa Chay là *mùa thống hối, trở về với Chúa* để sửa soạn

tâm hồn đón mừng lễ Phục Sinh, một thời gian rất quan trọng cho đời sống thiêng liêng của Hội Thánh và của mỗi tín hữu. Mùa Chay cũng là mùa chuẩn bị trực tiếp cho các dự tòng lãnh nhận các bí tích khai tâm Kitô giáo trong đêm Vọng Phục Sinh. Mùa Chay, theo nguyên nghĩa, là **mùa 40 ngày**, con số này mang ý nghĩa biểu tượng Kinh Thánh: *40 năm* dân Do Thái đi trong hoang địa để vào đất hứa, *40 ngày* Môsê ở trên núi Giao Ước Sinai, *40 ngày* Êlia chạy trốn lên núi Horeb, *40 ngày* Đavít phải đối đầu với Gôliát, *40 ngày* Giônã rao giảng sám hối ở Ninivê và *40 ngày* chay tịnh của Chúa Giêsu.

Có lẽ ban đầu mùa Chay khởi sự từ Chúa Nhật I mùa Chay đến chiều ngày Thứ Năm Tuần Thánh (*Chúa Nhật I – V cộng thêm 5 ngày của Tuần Thánh = 40 ngày*). Thế nhưng ngày Chúa Nhật là ngày kính Chúa Phục sinh không được phép ăn chay, nên mùa Chay đã sớm bắt đầu từ Thứ Tư Lễ Tro, trước Chúa Nhật I. Dù vậy cũng chưa đủ 40 ngày ăn chay (*mới có 38 ngày chay*), lẽ ra phải bắt đầu mùa Chay vào ngày thứ Hai mới đủ 40 ngày nhưng truyền thống đạo đức xem ngày thứ Tư và

thứ Sáu là ngày sám hối. Tuy nhiên nếu cộng thêm 2 ngày chay thánh nữa của Tam Nhật Vượt Qua là Thứ Sáu và Thứ Bảy Tuần Thánh thì vẫn đủ 40 ngày ăn chay.

- Chuyển tiếp giữa mùa Chay và mùa Phục Sinh là **TAM NHẬT VƯỢT QUA THÁNH**. Tam Nhật Vượt Qua là ngày Thứ Sáu, Thứ Bảy và Chúa Nhật Phục Sinh, bắt đầu từ chiều Thứ Năm Tuần Thánh (*vì ngày đại lễ đối với người Do Thái được bắt đầu từ chiều ngày hôm trước*) cho đến hết ngày Chúa Nhật Phục sinh. Cũng có người chủ trương Tam Nhật Vượt Qua là ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy Tuần Thánh, nhưng như vậy thì chưa nói lên ý nghĩa đầy đủ của mùa nhiệm Vượt qua: *vượt qua từ sự chết đến sự sống, từ cuộc sống trần thế về với Chúa Cha trên trời.*

Trong Tam Nhật Vượt Qua không được cử hành thánh lễ ngoại lịch, kể cả lễ an táng, ngoại trừ:

Sáng Thứ Năm Tuần Thánh, trong một giáo phận chỉ có một **Thánh Lễ làm phép Dầu Thánh** do Đức Giám Mục cử hành,

có sự đồng tế của linh mục đoàn, để sử dụng cho cả năm. Chiều Thứ Năm Tuần Thánh cử hành **Thánh Lễ Tiệc Ly**, tưởng niệm việc Chúa Giêsu lập Phép Thánh Thể, sau lễ có Châu Thánh Thể cho đến nửa đêm. Ngày thứ Sáu và Thứ Bảy tuần Thánh không cử hành Thánh Lễ, nhưng chiều Thứ Sáu có **nghi thức Hôn Kính Thánh Giá** để tưởng nhớ cuộc Khổ Nạn của Chúa Giêsu. Chiều tối thứ Bảy Tuần Thánh là đã bắt đầu ngày đại lễ nên có cử hành **Thánh Lễ Vọng Phục Sinh**.

4) Mùa Phục Sinh:

“Phục sinh không chỉ là một ngày lễ như bao lễ khác, nhưng là ngày *‘lễ trên hết các lễ’*, cũng như Bí tích Thánh Thể là *‘bí tích trên các bí tích’*. Mầu nhiệm Phục sinh, mầu nhiệm Đức Kitô toàn thắng sự chết, đem lại cho thời gian già cỗi của chúng ta, sức sống mãnh liệt, cho đến khi mọi sự phải quy phục Đức Kitô”. (*GLHTCG 1169*)

- Lễ Phục sinh được ấn định vào một Chúa Nhật sau lễ Vượt qua của người Do Thái nên lễ này thay đổi hàng năm. Mùa

Phục sinh kéo dài **50 ngày**, bắt đầu từ Chúa Nhật Phục Sinh cho đến hết lễ **Chúa Thánh Thần hiện xuống**, thời gian này được cử hành trong niềm hân hoan phấn khởi, và được coi như một ngày lễ duy nhất, hơn nữa như một Đại Chúa Nhật. Các ngày thường trong tuần Bát nhật phục sinh được cử hành như lễ trọng kính Chúa (*không đọc kinh Tin Kính*), vì thế không được phép cử hành bất cứ thánh lễ ngoại lịch nào, ngoại trừ thánh lễ an táng.

5) Mùa Thường Niên:

- Mùa thường niên gồm 34 tuần (*lễ phục màu xanh lá cây*), xen kẽ giữa mùa Giáng Sinh và mùa Chay (*khoảng 8, 9 tuần*), giữa mùa Phục Sinh và mùa Vọng (*các tuần còn lại*). Giáo Hội không cử hành một khía cạnh đặc biệt nào về màu nhiệm Chúa Kitô, nhưng lại tôn kính chính màu nhiệm Chúa Kitô trong toàn bộ.

Ngoài ra, trong Năm Phụng Vụ, Hội Thánh còn ‘*tôn vinh Đức Maria vinh hiển, Mẹ Thiên Chúa, Đáng đã nối kết với*

công trình cứu chuộc của Con Người bằng máu bất khả phân ly' (PV 103-104). Đồng thời, Hội Thánh cũng kính nhớ các thánh Tử Đạo và các thánh khác; qua đó, Hội Thánh công bố mầu nhiệm Phục Sinh nơi các ngài và trình bày cho các tín hữu những gương mẫu tuyệt vời, lôi kéo họ đến với Chúa Cha qua Chúa Kitô.

Muốn biết hôm nay là ngày lễ gì, thuộc mùa gì, tuần mấy... thì phải mở **Lịch Công Giáo** của từng năm.

V. LỄ TRỌNG, LỄ KÍNH & LỄ NHỚ

Lịch phụng vụ chia làm ba bậc lễ để kính nhớ các mầu nhiệm của Chúa, các đặc ân của Đức Maria và các thánh:

1) Lễ trọng chia làm hai loại: lễ trọng chung và lễ trọng riêng.

-Lễ trọng chung là các lễ trọng được xác định rõ trong sách phụng vụ mà toàn thể Hội Thánh phải mừng kính. Có 15 lễ trọng chung cho Giáo Hội toàn cầu: 10 lễ kính Chúa, 3 lễ kính Đức Maria và 4 lễ kính các thánh. Lễ Phục sinh và Giáng Sinh

là hai lễ trọng đặc biệt, kéo dài trong 8 ngày gọi là tuần Bát Nhật, tuy nhiên tuần Bát Nhật Giáng Sinh không được ưu tiên như tuần Bát nhật Phục sinh.

-Lễ trọng riêng chỉ được mừng kính trong một Hội Thánh địa phương. Chẳng hạn lễ Các thánh tử đạo Việt Nam (24/11) là lễ trọng riêng đối với Hội Thánh Việt Nam vì là lễ bốn mạng Hội Thánh Việt Nam, còn đối với Hội Thánh toàn cầu chỉ là lễ nhớ.

Tất cả các lễ trọng chung hay riêng đều được bắt đầu từ Kinh Chiều I ngày hôm trước, nghĩa là ngày mừng lễ sẽ dài hơn một ngày bình thường. Vì thế thánh lễ chiều hôm trước (*sau Kinh Chiều I*) đều phải cử hành lễ trọng kính của ngày hôm sau, nghĩa là ngày chính lễ, ngoại trừ một vài lễ có lễ vọng thì phải cử hành lễ vọng (*Chúa Thánh Thần hiện xuống, Đức Maria lên trời, Sinh nhật Gioan Tiên Hô, Phêrô và Phaolô*).

Ngoài ra, còn có thánh lễ được **kính trọng thể**, nghĩa là mừng kính cách đặc biệt hơn vào ngày Chúa Nhật thường niên trước

hay sau đó vì lợi ích mục vụ của các tín hữu nơi đó (ví dụ: lễ Các Thánh tử đạo Việt Nam 24/11 được rời lên Chúa Nhật trước vì Chúa Nhật sau đó thường là lễ Chúa Kitô Vua; lễ Mân Côi tuy là lễ nhớ buộc nhưng được mừng kính trọng thể vào Chúa Nhật).

2) Lễ kính ở bậc thấp hơn lễ trọng và chỉ giới hạn trong một ngày bình thường nên không có Kinh Chiều I, trừ lễ kính Chúa trùng vào ngày Chúa Nhật thường niên. Lịch phụng vụ đề ra ba loại lễ kính: 6 lễ kính Chúa, 2 lễ kính Đức Maria, 17 lễ kính các thánh (Giáo Hội Việt Nam mừng thêm 2 lễ kính riêng: Têrêxa và Phanxicô Xaviê).

3) Lễ nhớ chia làm hai loại: lễ buộc nhớ và lễ nhớ tùy ý. Các ngày lễ nhớ buộc trong mùa Chay thì chỉ mừng như lễ nhớ tùy ý, không bó buộc phải cử hành. Khi lịch chung đề tên nhiều vị thánh kính nhớ tùy ý trong cùng một ngày thì chỉ chọn một vị thánh để mừng, còn những vị khác được bỏ.

4) Lễ theo nhu cầu:

Có ba loại lễ theo nhu cầu:

-*Lễ có nghi thức riêng* thường đi kèm với việc cử hành một bí tích nào đó: Hôn Phối, Truyền Chức, Thêm Sức...

-*Lễ do nhu cầu tùy theo hoàn cảnh*: lễ tạ ơn, lễ cầu mùa

-*Lễ ngoại lịch* là do lòng đạo đức của giáo dân đòi hỏi: thứ Sáu kính Thánh Tâm, thứ Bảy kính Đức Mẹ...

Tuy nhiên, các lễ theo nhu cầu được cử hành hay không, còn tùy thuộc vào các mùa hoặc lịch phụng vụ.

Ví dụ:

* Không được cử hành bản văn và bài đọc thánh lễ Hôn Phối vào các *lễ trọng*, các *Chúa Nhật mùa Vọng, mùa Chay và mùa Phục sinh, thứ Tư lễ Tro, Tuần Thánh, lễ 2/11, tuần Bát nhật Phục Sinh*, nhưng được cử hành nghi thức bí tích *Hôn Phối* trong các ngày lễ *Chúa Nhật (sau bài giảng)* và được phép đọc lời chúc hôn sau kinh Lạy Cha và ban phép lành riêng ở cuối lễ.

Trong các *Chúa Nhật mùa Giáng Sinh và mùa thường niên*:

vẫn phải cử hành lễ Chúa Nhật nhưng có thể thay đổi bằng một bài đọc sách thánh về Hôn phối. Nếu không có cộng đoàn Giáo Xứ tham dự mà chỉ có gia đình hôn lễ thì được phép cử hành toàn bộ bản văn và bài đọc riêng của lễ Hôn phối.

* Thánh lễ an táng được cử hành bất cứ ngày nào, trừ ngày *lễ trọng buộc, thứ Năm tuần thánh, Tam nhật Vượt Qua* và *các Chúa Nhật mùa Vọng, mùa Chay và mùa Phục Sinh*. Nếu cử hành an táng vào các ngày này, người ta buộc phải dùng bản văn và bài đọc của ngày lễ đó, và sau lời nguyện hiệp lễ được làm nghi thức từ biệt.

PHỤ LỤC

Thứ tự ưu tiên trong việc cử hành các ngày phụng vụ phải nhất thiết căn cứ vào bảng quy định sau đây:

I

- 1* TAM NHẬT VƯỢT QUA tưởng niệm cuộc Thương khó và Phục sinh của Chúa.
- 2* Lễ Giáng Sinh, Hiện Linh, Thăng Thiên và Hiện Xuống.

Các Chúa Nhật mùa Vọng, mùa Chay và mùa Phục sinh.
Thánh lễ an táng (*QCTQ 380: cấm cả sáng và chiều thứ Năm Tuần Thánh*)

Thứ Tư Lễ Tro.

Các ngày trong Tuần Thánh từ thứ Hai đến hết thứ Năm.

Các ngày trong Tuần Bát Nhật Phục sinh.

3* Các lễ trọng kính Chúa, Đức Mẹ và các Thánh có ghi trong lịch chung.

Lễ cầu cho mọi tín hữu đã qua đời (2/11).

4* Các lễ trọng riêng, tức là:

a) Lễ trọng thánh bổn mạng chính của địa phương, thành phố hay quốc gia;

b) Lễ trọng Cung hiến thánh đường, hay ngày kỷ niệm cung hiến thánh đường đó.

c) Lễ trọng mừng tước hiệu của nhà thờ.

d) Lễ trọng của dòng tu hay tu hội mừng tước hiệu, hoặc thánh sáng lập dòng, hay bổn mạng chính của dòng.

II

Thánh lễ có nghi thức riêng (*QCTQ 372*)

Thánh lễ tùy nhu cầu và ngoại lịch theo lệnh của đảng bản quyền địa phương (*QCTQ 374*)

5* Các lễ kính Chúa có ghi trong lịch chung.

6* Các Chúa Nhật mùa Giáng Sinh và Thường niên.

7* Các lễ kính Đức Mẹ và các thánh có ghi trong lịch chung.

8* Các lễ kính riêng, tức là:

a) Lễ bốn mạng của chính địa phận.

b) Lễ kỷ niệm cung hiến nhà thờ Chánh Tòa.

c) Lễ kính bốn mạng chính của miền, tỉnh, nước hay một vùng rộng lớn.

d) Lễ kính của dòng tu hay tu hội và tỉnh dòng mừng tước hiệu, thánh sáng lập, thánh bốn mạng, trừ những điểm đã nói trong số 4.

e) Các lễ kính khác có ghi trong lịch địa phận, dòng tu hay tu hội.

Thánh lễ cầu hồn khi vừa được tin một người qua đời hay

trong ngày giỗ đầu (QCTQ 381)

9* Các ngày trong tuần thuộc mùa Vọng từ 17/12 đến hết 24/12.

Các ngày trong tuần Bát Nhật Giáng Sinh.

Các ngày trong tuần mùa Chay.

III

Thánh lễ tùy theo nhu cầu và ngoại lịch theo sự xét đoán của vị phụ trách thánh đường hay của chính linh mục chủ tế (QCTQ 376)

10* Các lễ nhớ bắt buộc có ghi trong lịch chung.

11* Các lễ nhớ bắt buộc riêng, tức là:

a) Các lễ nhớ bốn mạng phụ của địa phương, địa phận, miền hay tỉnh, quốc gia, một vùng rộng lớn, của dòng tu hay tu hội và tỉnh dòng.

b) Ít nhiều lễ nhớ bắt buộc riêng của một vài nhà thờ.

c) Các lễ nhớ không bắt buộc đã nói tới một cách đặc biệt trong Quy chế tổng quát về thánh lễ và thần vụ, thì có thể

xảy ra vào cả ngày đã nói ở số 9. Cũng vì lý do đó, khi những lễ nhớ bắt buộc trùng với những ngày trong tuần mùa Chay, thì có thể cử hành như lễ nhớ không bắt buộc.

13* Các ngày trong tuần, từ đầu mùa Vọng đến hết 16/12.

Các ngày trong tuần mùa Giáng Sinh từ 2/1 đến thứ bảy sau lễ Hiện Linh.

Các ngày trong tuần thuộc mùa Phục sinh, từ thứ Hai sau tuần Bát Nhật Phục sinh đến thứ Bảy trước lễ Hiện Xuống.

Thánh lễ tùy nhu cầu và ngoại lịch theo lòng đạo đức của giáo dân (*QCTQ 377*).

Thánh lễ cầu hồn hằng ngày (*QCTQ 381*)

Các ngày trong tuần thuộc mùa thường niên.

TÓM LƯỢC:

1 H. Ngày Chủ Nhật có tầm quan trọng thế nào?*

-T. Ngày Chủ Nhật được gọi là ‘Ngày của Chúa’, ngày Chúa Kitô sống lại từ cõi chết, và theo truyền thống từ thời các tông đồ, các tín hữu tụ họp nhau lại lắng nghe Lời Chúa và cử hành

Thánh Thể; và đây cũng là luật kiêng việc nặng nhọc *ngày Chúa Nhật*.

2* *H. Tâm điểm của Năm Phụng vụ là gì?*

-T. Tâm điểm của năm Phụng vụ là mầu nhiệm Vượt Qua của Chúa Kitô, khởi đầu năm phụng vụ với CN I mùa Vọng và kết thúc với lễ Chúa Kitô Vua, xen kẽ vào các mầu nhiệm kính Chúa, Đức Maria và các thánh, và cao điểm vẫn là Tam Nhật Vượt Qua.

3* *H. Các mùa phụng vụ được sắp xếp như thế nào?*

-T. Các mùa phụng vụ được sắp xếp như sau: cao điểm là mùa Phục sinh rồi đến Giáng Sinh, và được chuẩn bị bằng mùa Chay và mùa Vọng, còn xen kẽ giữa các mùa gọi là mùa thường niên.

4* *H. Lễ trọng, lễ kính và lễ nhớ khác nhau thế nào?*

-T. Lễ trọng ở bậc cao nhất chia làm hai loại: lễ chung cho toàn cầu và lễ riêng cho địa phương; và thời gian mừng lễ trọng dài hơn một ngày bình thường, nghĩa là luôn bắt đầu từ chiều hôm trước.

Lễ kính chỉ gói gọn trong một ngày bình thường, và thấp hơn lễ trọng.

Lễ nhớ ở bậc thứ ba và có hai loại: lễ nhớ bắt buộc và lễ nhớ không bắt buộc.

CẦU NGUYỆN:

Lạy Chúa, khi đến với Chúa,
con tháo cởi đôi giày là những tham vọng của con;
cởi bỏ đồng hồ là thời khóa biểu của con;
con đóng lại bút viết là các quan điểm của con;
con bỏ xuống chìa khóa là sự an toàn của con,
để con được ở một mình với Ngài,
lạy Thiên Chúa duy nhất và chân thật.
Sau khi được ở với Ngài,
con sẽ xỏ giày vào để đi theo con đường của Chúa;
con sẽ đeo đồng hồ để sống trong thời gian của Chúa;
con sẽ đeo kính vào để nhìn thấy thế giới của Chúa;
con sẽ mở bút ra để viết những tư tưởng của Chúa;

con sẽ cầm chìa khóa lên để mở những cánh cửa của Chúa.
Graham Kings

Bài 5:

PHỤNG VỤ THÁNH LỄ

“Điều tôi đã lãnh nhận từ nơi Chúa, tôi xin truyền lại cho anh em: trong đêm bị nộp, Chúa Giêsu cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng tạ ơn, rồi bẻ ra và nói: ‘Anh em cầm lấy mà ăn, đây là Mình Thầy, hiến tế vì anh em; anh em hãy làm như Thầy vừa làm để tưởng nhớ đến Thầy’” (1Cr 11,23-24)

Khi cử hành Thánh Lễ, Hội Thánh không làm gì khác hơn là tuân theo lệnh truyền của Chúa: “*Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy*” (KNTT)

I. BỮA ĂN CỦA CHÚA

Ăn uống là chuyện tự nhiên nhưng nó cũng bao hàm những tương quan xã hội và những cách hành xử mang ít nhiều tính nghi lễ. Ăn uống không phải chỉ cho thể xác được ăn no uống

say mà nó còn mang một ý nghĩa đối với tâm trí con người, vượt ra ngoài tầm thể lý.

Khi để lại cho con người một bí tích về hy tế Vượt Qua của mình, Đức Giêsu đã chọn nghi thức một bữa ăn mà các tín hữu tiên khởi đã quen gọi là *'bữa ăn của Chúa'* hay còn gọi là *'nghi thức bẻ bánh'*. Các Kitô hữu tiên khởi đã thực hiện điều Chúa dạy trong khuôn khổ của một bữa ăn huynh đệ và bác ái, và họ gọi đó là *bữa ăn của Chúa (1Cr 11,20)*. Trong bữa ăn huynh đệ ấy, họ đã làm cử chỉ bẻ bánh của Chúa: *"Tất cả các con hãy nhận lấy mà ăn: vì này là Mình Thầy sẽ bị nộp vì các con"* (KNTT). Mặc dù Tân Ước không nói rõ, nhưng hình như *'việc bẻ bánh'*, tên gọi của Bí tích Thánh Thể, đã được cử hành đều đặn mỗi ngày Chúa Nhật.

“Trong ngày người ta gọi là ngày của mặt trời (*ngày Chúa Nhật*), tất cả mọi người ở thành thị cũng như ở thôn quê đều hội họp lại ở một nơi. Người ta đọc hồi ký của các tông đồ và các bài viết của các ngôn sứ, tùy theo thời gian cho phép. Đọc

sách xong, vị chủ tọa lên tiếng và khuyên nhủ mọi người, hãy bắt chước các lời giáo huấn tốt lành đó. Sau đó tất cả chúng tôi đứng lên, và cùng nhau cầu nguyện lớn tiếng. Rồi, như chúng tôi đã nói, khi cầu nguyện xong, người ta mang tới bánh mì, rượu nho và nước. Vị chủ tọa dâng lên Chúa những lời cầu nguyện và cảm tạ tùy sức của ngài, và tất cả dân chúng đáp lại bằng lời hô lớn: Amen. Sau đó là việc phân phối, và chia phần các thức ăn đã được thánh hiến của mỗi người, và gửi phần cho các người vắng mặt, nhờ thừa tác vụ của các Phó Tế” (*Minh Giáo I, 67*).

Đoạn sách biện giáo của thánh Justinô gửi lên hoàng đế Antonîô Đạo Đức ở thế kỷ thứ hai (*năm 150*) đã miêu tả cho chúng ta thấy sự liên tục từ ‘*bữa ăn của Chúa*’ đến thánh lễ của Hội Thánh ngày hôm nay.

II. NGHI THỨC ĐẦU LỄ

“Các nghi thức trước phụng vụ Lời Chúa, tức là ca nhập lễ, lời chào, nghi thức sám hối, kinh Lạy Cha, xin thương xót,

kinh Vinh Danh và lời nguyện nhập lễ đều có tính cách mở đầu, dẫn nhập và chuẩn bị. Mục đích các nghi lễ này là giúp cho các tín hữu đã tập hợp được hiệp thông với nhau và chuẩn bị tâm hồn để nghe Lời Chúa cho nghiêm chỉnh và đề cử hành Thánh Lễ cho xứng đáng” (*QCTQ 46*).

1) Ca nhập lễ:

Các bài tường thuật về việc tập hợp khi cử hành nghi lễ bề bành trong những thế kỷ đầu dường như chưa có nghi thức rõ ràng. Lý do là vì các tín hữu thời ấy còn cử hành Thánh Thể tại gia, và vì Hội Thánh chưa được tự do nên chưa thể tổ chức những nghi thức đầu lễ như sau này. Theo như thánh Justinô (*tk II*) thì cộng đoàn phụng vụ bắt đầu ngay bằng việc đọc Thánh Kinh.

Bắt đầu từ thế kỷ thứ tư trở đi, đã thấy xuất hiện thói quen hát Thánh Vịnh như mở đầu cho việc tập hợp cộng đoàn phụng vụ, hoặc mở đầu bằng cuộc kiệu sách Phúc Âm và rước giám mục bằng cách hát xướng Thánh Vịnh và dân chúng lập lại các điệp

khúc. Đây là hình thức ban đầu của ca nhập lễ với màu sắc hân hoan đón chào Chúa hiện diện giữa cộng đoàn, đặc biệt qua vị chủ sự và các thừa tác viên của cộng đoàn.

Phần tập hợp cộng đoàn này có hai yếu tố chính:

- *Cuộc rước đầu lễ* có bài ca đi kèm, tức ca nhập lễ, được thực thi dưới hai hình thức: rước trọng thể và rước đơn giản.

Rước trọng thể có người cầm hương lửa đi đầu rồi đến thánh giá nên cao, các thừa tác viên không có chức thánh, Phó tế mang sách Phúc Âm chứ không phải sách bài đọc (*hoặc một linh mục đồng tế, hoặc thừa tác viên đọc sách hay giúp lễ vì luật phụng vụ không dự trù cho giáo dân mang sách Phúc Âm (QCTQ 120d, 173, 194); sách Phúc Âm được rước sẽ đặt trên bàn thờ, và khi công bố Tin Mừng thì phó tế hoặc linh mục rước từ bàn thờ đến giảng đài*), các phó tế, các linh mục đồng tế và cuối cùng là chủ tế có giúp lễ theo sau (*trong bất cứ cuộc rước nào cũng không được thiếu thánh giá đèn hầu; khi rước kiệu ngày Chúa Nhật lễ Lá thì chủ tế sẽ đi ngay sau thánh giá đèn hầu rồi*

đến các thừa tác viên khác và cộng đồng).

Còn *rước đơn giản* là khi dân chúng đã tập họp thì giúp lễ và chủ tế tiến ra giữa nhà thờ, bái chào rồi hôn bàn thờ (*không cần thánh giá và hương nến*).

Khi chủ tế tiến ra là đã hát ca nhập lễ, nếu không hát thì đọc ca nhập lễ được in trong Sách Lễ Rôma. Có thể dùng Thánh Vịnh hoặc một bài thánh ca nào đó phù hợp với cử hành phụng vụ, với tính chất của ngày lễ, hay mùa phụng vụ. Mục đích của bài ca nhập lễ là tập họp cho nên khi cuộc rước đã hoàn tất thì không nên kéo dài bài hát. Tất cả các bài hát muốn được sử dụng trong thánh lễ hay nói chung trong các cử hành phụng vụ phải được thẩm quyền của Hội Thánh phê chuẩn.

- **Cử chỉ chào kính đầu lễ:** trước hết là cử chỉ tôn kính đối với Chúa Kitô qua việc chủ tế cúi mình chào và hôn kính bàn thờ, rồi chào chúc cộng đoàn qua dấu thánh giá và câu đối đáp đưa cộng đoàn vào mâu nhiệm sắp cử hành trong tương quan với các ý lễ và các biến cố của cuộc sống. Các cử chỉ này tạo

nên mỗi hiệp nhất của cộng đoàn được Thiên Chúa quy tụ.

2) Nghi thức sám hối:

Nghi thức sám hối bao gồm kinh Thú Nhận và kinh Thương Xót. Phần sám hối này không chú trọng vào việc xét mình tỉ mỉ như khi lãnh nhận bí tích thống hối cộng đồng, mà chỉ nhấn mạnh đến lòng thương xót của Thiên Chúa nơi Đức Giêsu Kitô, đặt niềm cậy trông và xin thanh tẩy tâm hồn để xứng đáng tham dự vào cử hành thánh lễ.

“Sau một chút tĩnh lặng, tất cả cộng đoàn đọc công thức thú tội chung và vị tư tế đọc lời xá giải để kết thúc. Lời xá giải này không có hiệu quả của bí tích thống hối. Vào ngày Chúa Nhật, nhất là trong mùa Phục sinh, thay vì nghi thức thống hối thường lệ, thỉnh thoảng nên làm phép và rảy nước thánh để nhớ lại phép Rửa” (*QCSLRM 51*).

Sau nghi thức sám hối là kinh Thương Xót, trừ khi kinh này đã dùng trong phần sám hối. Phụng vụ ngày nay cũng bỏ kinh Thú Nhận và kinh Thương Xót khi Thánh Lễ đã được khởi đầu

bằng một nghi thức phụng vụ, chẳng hạn sau cuộc rước Lễ Lá, sau nghi thức rảy nước thánh, khi kết hợp với một giờ kinh phụng vụ, hay vào ngày thứ Sáu Tuần Thánh,... hoặc thay bằng những lời kêu cầu Chúa Kitô (*x. SLRM trang 566*).

3) Kinh Vinh Danh:

Kinh Vinh Danh là một trong những bài hát cổ xưa của Hội Thánh thời kỳ đầu, và hiện nay được hát trong các Chúa Nhật ngoài mùa Vọng và mùa Chay, cũng như trong các lễ trọng, lễ kính và các dịp lễ đặc biệt. Kinh Vinh Danh chỉ cấm vào các Chúa Nhật mùa Vọng và mùa Chay, nhưng khi các lễ trọng và lễ kính trùng vào mùa này thì vẫn hát như thường lệ, đang khi câu tung hô Alleluia bị cấm cả ở những lễ trọng và lễ kính nằm trong mùa Chay (*chỉ đọc câu tiền xướng trước Phúc Âm mà không có câu Alleluia; QCTQ 62*).

4) Lời nguyện nhập lễ:

Lời nguyện này có tính lịch sử lâu dài vì ngày xưa khi chưa thành hình nghi thức sám hối và kinh Vinh Danh thì vị chủ tế đã

luôn khởi đầu cử hành phụng vụ bằng một lời nguyện đề tập họp cộng đoàn và dẫn vào phụng vụ Lời Chúa. Lời nguyện nhập lễ hôm nay được gọi là *lời tổng nguyện*, diễn tả đặc tính của từng buổi lễ.

Lời tổng nguyện mang đậm nét Ba Ngôi, thường hướng về Chúa Cha, nhờ Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần.

Có ba yếu tố căn bản sau đây:

- Lời mời gọi cầu nguyện: “*Chúng ta hãy...*”
- Giây phút thinh lặng để hiệp ý với chủ tế.
- Lời nguyện có ba phần: tung hô phẩm tính của Chúa, lời chúc tụng hay tâm tình nài xin, và câu kết dài.

Câu đáp “**AMEN**” được sử dụng trong phụng vụ thường mang hai ý nghĩa:

- Diễn tả một ước muốn nguyện xin, chấp thuận và tán thành một lời cầu nguyện hay một việc làm nào đó vừa được thực hiện để nói lên niềm tin tưởng cậy trông hoặc chúc tụng cảm tạ Thiên Chúa đã hoặc sẽ thực hiện điều con người khẩn

nài.

- Diễn tả đức tin của tín hữu trước một cử hành vừa được thực hiện, chẳng hạn trước khi rước lễ: *Tôi tin thật Chúa Kitô đang hiện diện trong hình bánh thánh và tôi đón rước Chúa ngự vào lòng*; hoặc khi kết thúc dầu thánh giá hoặc kinh Tin Kính; và như vậy, Amen có nghĩa là lời tuyên xưng đức tin.

Luật phụng vụ chỉ cho phép chủ tế đọc hoặc chọn đọc một trong các lời tông nguyện, chứ không được phép phối hợp hay thay đổi lời nguyện đã được Hội Thánh quy định (QCTQ 54: *“trong thánh lễ luôn luôn chỉ đọc một lời nguyện nhập lễ”*).

III. PHỤNG VỤ LỜI CHÚA

Phụng vụ Lời Chúa bắt nguồn từ thực hành của Dân Chúa trong thời Cựu Ước. Chúa Giêsu đã tham dự hoặc đã đọc và giải thích Thánh Kinh tại các hội đường Do Thái (*Lc 4,16*). Các tông đồ và cộng đoàn tiên khởi cũng đã tham dự các buổi hội họp ở hội đường Do Thái; và rồi hình thành phụng vụ Lời Chúa cho riêng mình theo cách thể của người Do Thái nhưng dưới ánh

sáng của mầu nhiệm Chúa Kitô. Phần Phụng vụ Lời Chúa bắt đầu từ bài đọc Thánh Kinh thứ nhất, và kết thúc khi đọc xong lời nguyện tín hữu.

1) Các bài đọc Thánh Kinh:

Công đồng Vatican II khi canh tân thánh lễ đã nhắm ý hướng: *“Mở rộng kho tàng Thánh Kinh hơn nữa, để trong một khoảng thời gian nhất định, dân Chúa sẽ được nghe những phần Kinh Thánh quan trọng”* (PV 51). Vì không thể đọc hết các bản văn Thánh Kinh quan trọng trong một năm nên phụng vụ Lời Chúa được chia thành chu kỳ 3 năm A-B-C, còn ngày thường của mùa thường niên được chia thành hai năm *chẵn* và *lẻ* (*năm I và năm II*).

Việc sắp xếp năm A, B hay C của ngày Chúa Nhật không nhất thiết phải theo một chủ đề. Bài đọc một thường rút ra từ Cựu Ước sao cho phù hợp với bài Tin Mừng lễ hôm đó (*trừ mùa Phục sinh đọc sách Công Vụ*). Bài đọc hai được chọn từ các thư Tân Ước và không nhất thiết phải trùng hợp ý tưởng với bài Tin

Mừng. Còn bài đọc ba bao giờ cũng được rút ra từ một trong bốn sách Tin Mừng. Các bài Tin Mừng được chọn để nói lên ý nghĩa của ngày lễ hay mùa phụng vụ, còn trong các Chúa Nhật thường niên thì đọc theo thứ tự.

Việc đọc các bài Thánh Kinh chiếm một chỗ quan trọng trong các buổi cử hành phụng vụ, vì thế cần phải công bố Lời Chúa tại giảng đài, một vị trí mà mọi người đều có thể nhìn thấy. Sang thời Trung Cổ, linh mục đọc sách thánh ở bên trái bàn thờ rồi sang bên phải bàn thờ để đọc bài Tin Mừng, còn bài giảng sẽ được giảng giải ở một chỗ riêng giữa lòng nhà thờ và tách rời khỏi thánh lễ. Trong khi đọc lời nguyện nhập lễ, không nên di chuyển, chỉ đến khi đọc câu kết “*Chúng con cầu xin...*” mới đi lên đọc sách thánh.

Bài đọc 1 và 2 không có vị trí nổi bật như bài Tin Mừng nên mọi người ngồi khi nghe đọc hai bài sách thánh này, và việc công bố cũng không trang trọng như bài Tin Mừng. Vì thế không được đề cao hai bài đọc này bằng cách áp dụng những

nghi thức dành cho bài Tin Mừng, như bắt mọi người đứng nghe, hoặc một người đọc và một người đứng bên cạnh chờ hát đáp ca, hoặc chú rể đọc thì cô dâu đứng hầu bên cạnh; cũng không được giơ cao sách bài đọc như kiểu rước sách từ chỗ ngồi của người đọc lên giảng đài; hoặc từ một chỗ để sẵn ở cung thánh xuống giảng đài (*QCTQ 120*); cũng không được chia vai để đọc các bài Thánh Kinh, trừ bài Thương Khó trong Tuần Thánh; cũng không được công bố hai bài sách thánh này ở một giảng đài khác với giảng đài công bố bài Phúc Âm. Thái độ đúng đắn nhất khi nghe các bài sách thánh là im lặng nghe một người thay mặt cộng đoàn công bố, chứ không phải làm cho sinh động như một màn trình diễn.

Mỗi nhà thờ phải có một Giảng đài cố định (*tòa Phúc Âm không xô dịch như kiểu một giá sách*), khác với bàn thờ và ghế chủ sự, có một vị trí trang trọng để công bố Lời Chúa (*chung cho cả ba bài đọc*). Để tôn trọng Lời Chúa, giảng đài chỉ dành riêng cho việc công bố Lời Chúa, hát Thánh vịnh đáp ca, công bố Tin Mừng Phục sinh, và xướng các ý nguyện chung (*không*

được sử dụng tòa Phúc Âm để dẫn lễ, tập hát, thông báo,...) (QCTQ 309).

Lời dẫn vào các bài đọc tuy không thuộc thành phần của thánh lễ nhưng cũng được phép làm để giúp cộng đoàn hiểu một số ý chính của bài đọc sắp nghe. Tuy nhiên lời dẫn phải ngắn gọn, không được phép dài hơn bài đọc, chỉ cần nêu lên một hai ý chính để chuẩn bị người nghe, và tránh kiểu nói huân dụ như một bài giảng hay bài suy niệm (*bài Tin Mừng không cần phải có lời dẫn*).

2) Đáp ca:

“Khi nghe các bài sách thánh là Thiên Chúa nói với dân của Người, và đáp lại Thiên Chúa bằng tiếng hát lời kinh” (PV 33). Thánh Vịnh đáp ca là lời đáp trả của con người sau khi nghe Chúa nói qua các bài đọc, vì thế các Thánh Vịnh này đã được Hội Thánh chọn lựa sao cho phù hợp với bài sách thánh vừa đọc. Dùng chính Lời Chúa để thưa lại với Chúa là xứng đáng và vui lòng Chúa nhất. Vì thế không ai được phép thay thế đáp ca

bằng một bài hát nào không phải là Thánh Vịnh; và cũng chỉ nên thay thế bằng các Thánh Vịnh mà sách bài đọc đã chọn sẵn để thay đổi.

Cách đọc hay hát Thánh Vịnh đáp ca thông thường là một người hát một số câu rồi cộng đoàn đáp lại bằng một điệp ca ngắn. Người hát sẽ đứng ở toà giảng hay một nơi nào thuận tiện trước công chúng.

3) Lời tung hô trước Phúc Âm:

Alleluia là tiếng Do Thái, có nghĩa là hãy chúc tụng, ngợi khen Thiên Chúa. Nguyên thủy, Phụng vụ dùng từ *Alleluia* để diễn tả đặc tính hân hoan trước khi nghe bài Tin Mừng, trong khi Phó tế rước sách Tin Mừng thì người ta lập lại nhiều lần tiếng *Alleluia*. Về sau người ta thêm vào một câu ca quy hướng về bài Tin Mừng sắp nghe đọc.

Alleluia được phép đọc hay hát vào các mùa phụng vụ, trừ mùa Chay (*QCTQ 62*). Bởi thế, các lễ trọng nào rơi vào mùa Chay cũng không được phép đọc hay hát *Alleluia* (*như lễ Thánh*

Giuse, lễ Truyền Tin: có kinh Vinh Danh nhưng không hát hay đọc Alleluia). Vào mùa Chay, lời tung hô Alleluia được thay thế bằng một tiền xướng Phúc Âm. Vì Alleluia và câu xướng có ý nghĩa đi kèm với cuộc rước sách Phúc Âm, nên cần lập lại nhiều lần câu xướng hoặc chỉ lập lại tiếng Alleluia cho đến khi sách Phúc Âm đã được rước tới giảng đài.

Trong trường hợp chỉ có một bài đọc trước bài Tin Mừng thì “Alleluia hay câu trước Tin Mừng, nếu không hát thì có thể bỏ” (QCTQ 63c). “Ca tiếp liên, ngoài lễ Phục sinh và Hiện Xuống thì được tùy ý, và được hát sau Alleluia” (QCTQ 64)

4) Bài Phúc Âm:

Sách Phúc Âm được tôn kính như chính Chúa Kitô, và từ rất sớm, đã hình thành việc rước sách Phúc Âm như là rước Chúa Giêsu vào thành Giêrusalem ngày xưa, và chỉ những người có chức thánh mới được quyền công bố Tin Mừng (trừ bài thương khó, ca viên có thể đảm nhận vai người kể và vai phụ). Luật phụng vụ không cho phép cộng đoàn cầm sách theo dõi hoặc

cùng đọc với linh mục, cũng không được phép cho giáo dân đọc lại sau khi linh mục đã đọc.

Trước khi công bố Tin Mừng, có lời chúc “*Chúa ở cùng anh chị em*” để nhấn mạnh chính Chúa đang nói trong thánh lễ, và mọi người ghi dấu thánh giá trên mình. Khi vẽ dấu thánh giá trên trán, chúng ta xin Chúa mở trí để hiểu Lời Chúa; trên miệng để xin Chúa mở miệng chúng ta biết nói lời của Chúa; và trên ngực để xin Chúa mở lòng chúng ta biết yêu mến Lời Chúa. Bởi lẽ chúng ta không thể hiểu Lời Chúa theo thánh ý của Thiên Chúa và đúng như truyền thống của Hội Thánh nếu Chúa không soi sáng. Chúng ta có khuynh hướng hay nói theo ý riêng mình nên dễ làm mất lòng nhau, còn Lời Chúa là lời tốt đẹp, là lời chân thực nên Chúa có uốn nắn thì chúng ta mới nói theo Lời Chúa. Chúng ta không thể làm theo Lời Chúa nếu Lời Chúa không xuất phát từ cõi lòng nên chúng ta phải xin Chúa mở lòng để yêu mến và cất giữ Lời Chúa tận trong trái tim. Việc mọi người hướng nhìn về toà Phúc Âm, việc xông hương, cũng như lời tung hô của người nghe và cử chỉ hôn kính sách Phúc Âm

của người đọc đều nói lên những tâm tình tôn kính đó.

5) Bài diễn giảng:

Việc diễn giảng trong cử hành phụng vụ chỉ dành riêng cho những người có chức thánh, dù người đó chủ tế hay giúp lễ, đồng tế hay không đồng tế vẫn có thể giảng trong thánh lễ; không có việc chia sẻ theo nhóm ở trong thánh lễ.

Nội dung của bài giảng là “*diễn giải một hoặc các bài đọc Thánh Kinh, hoặc một bản văn khác thuộc phần thường lễ hay phần riêng của thánh lễ ngày đó, đồng thời lưu ý đến màu nhiệm được kính nhớ, hay nhu cầu riêng biệt của thánh giá*” (QCTQ 65).

Bài giảng là một thành phần của thánh lễ và cần thiết để nuôi dưỡng đời sống Kitô hữu (QCTQ 65). Đây không phải là phần nhiệm ý nhưng là quy định của Hội Thánh phải diễn giảng trong các ngày Chúa Nhật và lễ buộc khi có đông giáo dân tham dự (QCTQ 66).

Bài Tin Mừng luôn luôn phải công bố ở Toà Phúc Âm, còn

bài giảng có thể thực hiện ở ghế chủ sự hay một chỗ khác. Ngày xưa vì cử hành thánh lễ bằng tiếng Latinh nên bài giảng đã bị đưa ra sau thánh lễ và diễn giảng tại toà giảng ở giữa nhà thờ nơi một bục cao.

6) Kinh Tin Kính:

Kinh Tin Kính là lời tuyên xưng đức tin để đáp lại Lời Chúa vừa được loan báo và diễn giải trong các thánh lễ Chúa Nhật và lễ trọng. Lời kinh thuộc ngôi thứ nhất số ít, nhưng lại được cộng đoàn đọc hay hát để nhấn mạnh đức tin đòi hỏi ý thức dần thân của mỗi người. Kinh Tin Kính thường dùng trong thánh lễ là bản kinh của công đồng Nixê-Côngtăngtinô (Nicée-Constantinople) (*tk IV*), nhưng vẫn có thể thay thế bằng kinh Tin Kính của các tông đồ, hoặc dùng công thức tuyên xưng đức tin của Bí tích Thánh Tẩy trong đêm Vọng Phục sinh.

7) Lời nguyện tín hữu:

Công đồng Vaticanô II đã tái lập lại lời nguyện chung này trong các thánh lễ Chúa Nhật, lễ trọng và các lễ đặc biệt. Sau

phần gợi ý cầu nguyện của chủ tế là phần xướng các ý nguyện do Phó tế (*ưu tiên số một*) hay một ai đó xướng tại giảng đài hay một nơi nào đó thích hợp, hoặc phân chia cho nhiều người đọc.

Thứ tự những ý nguyện thường là:

- Cho các nhu cầu của Hội Thánh.
- Cho chính quyền và thế giới.
- Cho một hạng người, hay một trường hợp đặc biệt.
- Cho cộng đoàn địa phương (*QCTQ 70*).

Các ý nguyện khác với lời nguyện, vì ý nguyện chỉ là câu gợi ý cho cộng đoàn cầu nguyện, còn lời nguyện là do chủ tế cầu nguyện nhân danh cộng đoàn. Vì thế, không nên khởi đầu bằng câu “*Lạy Chúa*”, làm thế sẽ lẫn lộn với lời cầu nguyện của chủ tế.

Có thể nêu trực tiếp, chẳng hạn: “*Chúng ta hãy cầu nguyện cho...*”; hoặc nêu lý do rồi mới mời gọi cầu nguyện: “*Thiên Chúa là đáng châm bất bình và giàu lòng thương xót. Chúng ta hãy cầu nguyện cho...; Chúng ta chúc tụng Chúa..., xin cho...*”.

Nói chung mỗi ý nguyện phải ngắn gọn, dễ hiểu và cầu xin một ý thôi. Sau mỗi ý nguyện, cộng đoàn biểu lộ sự đồng tình bằng một câu đáp chung hay cầu nguyện trong thinh lặng (*QCTQ 71*). Lời nguyện kết của chủ tế là lời xưng hô với Chúa Cha hoặc Chúa Giêsu, (*không xưng hô với Đức Mẹ hay các thánh*) rồi lời nài xin và câu kết ngắn.

IV. PHỤNG VỤ THÁNH THỂ

Phụng Vụ Thánh Thể liên kết với Phụng vụ Lời Chúa để làm nên một cử hành phụng tự duy nhất. Phụng vụ Thánh Thể bắt đầu từ việc chuẩn bị lễ vật đến hết lời nguyện hiệp lễ, và có ba phần rõ rệt:

1) Chuẩn bị lễ vật.

- Xin lễ kèm theo bông lễ:

Truyền thống của Hội Thánh tiên khởi là Dân Chúa đem đến của lễ vừa để cử hành Thánh Thể, vừa để trợ giúp Hội Thánh, đặc biệt là những người nghèo. Dần dà ý tưởng dâng lễ vật trong thánh lễ an táng đã dẫn đến việc xin lễ cầu nguyện theo ý chỉ rõ

rệt và có kèm theo bông lễ. Hội Thánh đã nhìn nhận tập tục *xin lễ* như để góp phần vào sinh hoạt của Hội Thánh và trợ giúp linh mục:

“Theo tập tục đã được Hội Thánh công nhận, một tư tế cử hành hay đồng tế Thánh Lễ được phép nhận bông lễ để áp dụng theo một ý chỉ rõ rệt” (*GL 945/1*).

“Khi dâng bông lễ để Thánh Lễ được áp dụng theo ý chỉ của mình, các tín hữu đóng góp vào thiện ích của Hội Thánh: bằng việc dâng cúng ấy, họ góp phần nâng đỡ các thừa tác viên và các hoạt động của Hội Thánh” (*GL 946*).

Ngày nay Hội Thánh khuyên nên dâng lễ vật vào các ngày Chúa Nhật, lễ trọng và các dịp đặc biệt; và dù các ngày thường không có việc dâng lễ vật thì ý nghĩa và hiệu lực của nó vẫn có như xưa.

- Sửa soạn bàn thờ và nhận lễ vật:

Theo như *Quy chế tổng quát của Sách Lễ Rôma năm 2000* số 73 nói việc đầu tiên là sửa soạn bàn thờ, cũng gọi là bàn tiệc của

Chúa, trung tâm của mọi cử hành Thánh Thể. Việc sửa soạn bàn thờ gồm có trái khấn thánh, khăn lau chén, Sách Lễ và chén lễ. Kế đến, chủ tế hay phó tế xuống nhận lễ vật do giáo dân mang lên là bánh và rượu để đưa lên bàn thờ, còn những phẩm vật khác không trực tiếp dùng vào việc cử hành Thánh Thể, như hoa đèn, hoa quả, tiền bạc... phải để ở một nơi nào xứng hợp ngoài bàn thờ. Vì thế người ta thường chưng hoa nến ở những kệ giá riêng biệt khỏi bàn thờ.

Thực ra, điều quan trọng trong việc dâng lễ vật là phải có bánh rượu và nước thì mới có cử hành thánh lễ, nên phải được ưu tiên hơn mọi thứ khác; và ý nghĩa của nó là để nói lên lòng tri ân Thiên Chúa về muôn ân huệ đã nhận lãnh, vừa muốn góp phần vào của lễ sẽ được biến đổi thành Mình Máu Chúa, vừa để trợ cấp cho các sinh hoạt của Hội Thánh.

Ca tiến lễ được hát ngay khi bắt đầu nhận của lễ hay chuẩn bị bàn thờ, chứ không phải đợi chủ tế đọc lời chúc tụng trên của lễ rồi mới hát (*QCTQ 74*). Sau khi nhận lễ vật xong, vẫn có thể

tiếp tục hát, hoặc đọc đối đáp với điều kiện bài hát này mang ý nghĩa tiến dâng hoặc chúc tụng.

- *Việc xông hương của lễ và bàn thờ:*

Bánh lễ theo truyền thống ban đầu của Hội Thánh trong nhiều thế kỷ là sử dụng bánh có men hoặc không men. Truyền thống Tây Phương thường dùng bánh không men theo gương Chúa Giêsu trong bữa tiệc ly. Hình dạng của bánh lễ tròn mỏng có in hình Chúa Giêsu như hiện nay có từ thế kỷ XII. Bánh được nướng khô để dễ bảo quản, và có thể bẻ ra nhiều phần cho một ít giáo dân cùng rước lễ là tốt nhất.

Sau lời chúc tụng trên bánh, phó tế hay linh mục pha nước vào rượu. Theo tập quán Rôma ngày xưa, khi uống các loại rượu nặng, người ta pha thêm nước để giảm nồng độ, và thường làm trước mặt thực khách. Hội Thánh đã đón nhận cách thực hành này và dần dần người ta thêm vào đó những ý nghĩa mới là dấu chỉ nhân loại được thông phần vào bản tính của Thiên Chúa:

“Nhờ dấu chỉ nước hòa rượu này, xin cho chúng con được

tham dự vào thần tính của Đấng đã đoái thương thông phần nhân tính của chúng con” (*NTTL*).

- Sau phần chúc tụng trên bánh và rượu, chủ tế có thể **xông hương** lễ vật, bàn thờ, thánh giá rồi Phó tế hoặc giúp lễ xông hương cho chủ tế, vì thừa tác vụ thánh, và cộng đoàn, vì phẩm giá phép Rửa. Nếu dùng lư hương thì lúc này chủ tế tiến ra bỏ hương hay vái nhang theo tập tục địa phương, chứ không phải là nhận lễ vật rồi vái nhang luôn cho tiện.

Có hai ý nghĩa trong việc xông hương: lời cầu nguyện và sự kính trọng. Việc xông hương là hình ảnh của lời cầu nguyện và lễ vật của dân Chúa như hương trầm toả bay dâng lên trước tôn nhan Thiên Chúa.

- *Việc rửa tay:*

Việc rửa tay có ngay từ lúc ban đầu vì lễ vật ngày xưa là những hoa màu ruộng đất và cả những vật dụng của đời sống để trợ giúp người nghèo và các sinh hoạt của Hội Thánh, nên chủ tế cần rửa tay trước khi dâng lễ. Ngày nay nghi thức rửa tay vẫn

được duy trì nhưng mang ý nghĩa thanh tẩy: “*biểu lộ lòng ao ước được thanh tẩy trong tâm hồn*” (QCTQ 76).

- Lời mời gọi:

“*Anh chị em hãy cầu nguyện để hy lễ của tôi cũng là của anh chị em được Thiên Chúa là Cha toàn năng chấp nhận*”, thoát đầu là lời của chủ tế nói với những người dâng lễ vật ngay khi họ dâng lễ vật, bây giờ được đổi ra sau như muốn nói với toàn thể cộng đoàn phụng vụ, rằng lễ vật của chủ tế dâng cũng là của toàn thể Dân Chúa.

- Lời nguyện tiến lễ:

Lời nguyện nhập lễ kết thúc phần mở đầu thánh lễ để dẫn vào Phụng vụ Lời Chúa, thì lời nguyện tiến lễ kết thúc phần chuẩn bị lễ vật để dẫn vào cử hành Thánh Thể, và lời nguyện hiệp lễ kết thúc Phụng vụ Thánh Thể để chuyển sang phần kết lễ.

Lời nguyện trên lễ vật diễn tả tâm tình tạ ơn và xin Chúa thương nhận của lễ được Hội Thánh dâng tiến để trở thành Mình và Máu Chúa Kitô.

2) Kinh nguyện Thánh Thể.

“Bây giờ bắt đầu điểm trung tâm và cao nhất của toàn bộ việc cử hành, nghĩa là chính kinh nguyện Thánh Thể, gồm việc tạ ơn và thánh hoá. Vị tư tế mời gọi giáo dân hướng tâm hồn lên để cầu nguyện và tạ ơn Chúa; đồng thời liên kết họ với mình trong lời cầu nguyện, để nhân danh tất cả cộng đoàn dâng lời cầu nguyện lên Chúa Cha, qua Đức Giêsu Kitô trong Chúa Thánh Thần. Ý nghĩa của lời cầu nguyện này là toàn thể cộng đoàn tín hữu kết hiệp với Đức Kitô mà tuyên xưng những kỳ công của Thiên Chúa và hiến dâng hy lễ” (QCTQ 78).

Kinh nguyện Thánh Thể bắt đầu từ *kinh tiền tụng* đến hết *vinh tụng ca*. Trước Công đồng Vaticanô II, Hội Thánh Rôma chỉ có một Kinh nguyện Thánh Thể duy nhất (*Kinh nguyện Thánh Thể I*) với nhiều lời tiền tụng thay đổi. Trước Vatican II, thánh lễ bằng tiếng La Tinh nên cộng đoàn tham dự bằng cách đọc lời dẫn giải, lần hạt,... Quy chế sách lễ Rôma hiện nay nhấn mạnh:

“Những phần dành cho vị chủ tọa, thì buộc chủ tế phải đọc rõ ràng, lớn tiếng và buộc mọi người phải chăm chú lắng nghe. Vì thế, khi chủ tế đọc các phần đó, không ai được đọc hay hát kinh nào khác, cũng không được đánh đàn hay chơi nhạc cụ nào khác” (*QCTQ 32*).

- *Kinh tiền tụng:*

Sau phần đối đáp giữa chủ tế và cộng đoàn để hiệp nhất với lời tạ ơn của Chúa Kitô, lời tiền tụng có ba phần rõ rệt: lời tạ ơn Thiên Chúa qua Đức Kitô, lý do tạ ơn dựa vào mầu nhiệm mừng kính, và lời kết dẫn vào lời tung hô của cộng đoàn. Phụng vụ có 4 kinh nguyện Thánh Thể nhưng có hơn 80 lời tiền tụng khác nhau dành cho các thánh lễ. Ngoài ra còn có 9 Kinh nguyện Thánh Thể khác dành cho các lễ sám hối, tùy nhu cầu và lễ trẻ em.

- *Kinh Thánh Thánh Thánh:*

Lời tung hô *Thánh, Thánh, Thánh* là lời kinh kết hiệp lời tung hô của các thiên thần với lời ca vang của dân Do Thái đón Chúa

vào thành, để chúc tụng Thiên Chúa và tung hô Đức Kitô:

“Thánh! Thánh! Chí thánh!

Đức Chúa các đạo binh là Đấng Thánh!

Cả mặt đất rạng ngời vinh quang Chúa!” (Is 6,3).

“Hoan hô Con Vua Đavít!

Chúc tụng Đấng ngự đến nhân danh Đức Chúa!

Hoan hô trên các tầng trời” (Mt 21,9).

- Kinh khấn cầu Chúa Thánh Thần:

Trong cử hành Thánh Thể, lời khấn cầu Thánh Thần thánh hóa lễ vật có một vai trò quan trọng đặc biệt, vì chỉ có Chúa Thánh Thần tác động thì linh mục đọc lời Truyền Phép mới biến đổi bánh và rượu thành Thánh Thể. Không có Chúa Thánh Thần thì việc cử hành Thánh Thể không thể hiện tại hóa công trình cứu độ của Đức Kitô. Lời Truyền Phép là lời của Đức Giêsu, nhưng lời này chỉ sinh hiệu quả nhờ Thánh Thần. Ba Kinh Nguyện Thánh Thể mới được thêm vào sau Công đồng Vatican II đã lưu ý tới vai trò của Chúa Thánh Thần trong hy tế Thánh

Thể. Mỗi kinh đều có hai lời khẩn cầu Chúa Thánh Thần ở trước và sau lời Truyền Phép để nài xin Thiên Chúa thánh hóa và biến đổi bánh và rượu trở thành Mình và Máu Chúa Kitô, và sau truyền Phép là xin cho mọi người khi thông phần Mình Máu Chúa trở nên một thân thể và một tinh thần trong Đức Kitô. Các lời khẩn xin Thánh Thần trước khi Truyền Phép đều được linh mục vừa đọc vừa đặt tay trên lễ vật, một cử chỉ cổ truyền để ban ơn Chúa Thánh Thần.

- Phần tường thuật việc thiết lập Thánh Thể:

Khi tường thuật lại việc Chúa Kitô thiết lập Thánh Thể, Hội Thánh muốn minh chứng đức tin của mình vào sự hiện diện thực sự của Chúa Kitô và chính Chúa cử hành qua thừa tác vụ của Hội Thánh. Các lời Truyền Phép trong sách Tân Ước tuy có khác nhau, song vì lý do mục vụ, Hội Thánh chỉ duy trì một công thức giống nhau cho các Kinh Nguyện Thánh Thể.

“Trong phần tường thuật việc lập Bí tích Thánh Thể, nhờ hiệu lực của lời và cử chỉ Đức Kitô, cũng như quyền năng của

Thánh Thần, bánh rượu trở thành Mình và Máu Đức Kitô, lễ vật chính Người đã dâng trên thập giá” (*GLHTCG 1353*).

- Kinh tưởng niệm:

Hội Thánh tưởng nhớ đến cuộc khổ nạn, phục sinh và cuộc quang lâm vinh hiển của Đức Giêsu như một lời khẳng định đức tin vào mầu nhiệm Vượt qua là trung tâm của mọi cử hành thánh lễ. Trong thánh lễ, chúng ta không tưởng niệm người vắng mặt, nhưng tưởng nhớ Đấng Hằng Sống, và tưởng nhớ mãi cho đến ngày Quang Lâm, như câu tung hô sau Truyền Phép.

“Khi cử hành bí tích Thánh Thể, Hội Thánh tưởng nhớ cuộc Vượt qua của Đức Kitô; lúc đó, cuộc Vượt qua này trở nên hiện diện giữa cộng đoàn, vì lễ tế của Đức Kitô trên thập giá chỉ dâng một lần là đủ và luôn luôn sống động để đem lại ơn cứu độ” (*GLHTCG 1364*).

Thánh Thể là một mầu nhiệm đức tin vào cuộc Vượt qua của Chúa Kitô, và diễn tả niềm hy vọng cánh chung của con người được trở nên giống Chúa Kitô khi Ngài lại đến trong vinh

quang.

- *Lời nguyện dâng tiến:*

Đây là lời dâng lên Chúa Cha để xin Người ban Thánh Thần thánh hóa Hội Thánh trở nên Thân Thể sống động của Chúa Kitô. Nhớ đến Chúa Giêsu, chúng ta phải làm việc mà Chúa đã làm khi xưa trong bàn tiệc ly và vẫn tiếp tục làm trong Hội Thánh khi chúng ta cử hành Thánh Thể. Đó là mỗi Kitô hữu hãy hiến dâng thân mình làm lễ vật hy sinh như Chúa đã làm. Chúng ta là thân thể huyền nhiệm của Chúa thì hãy để cho Chúa dâng hiến Thân Mình Ngài lên Chúa Cha làm lễ vật tạ tội cho nhân loại được ơn giao hòa. Mỗi khi tham dự thánh lễ là mỗi lần chúng ta cùng với Chúa Giêsu dâng lễ, và lễ vật cũng chính là thân mình của chúng ta, vì hết thảy chúng ta thuộc về Nhiệm Thể của Ngài. Chúa Giêsu không thể tự hiến trọn vẹn nếu như vẫn còn một chi thể của Ngài chưa cùng Ngài hiến tế (x. *QCTQ 78f*).

Khi Hội Thánh cử hành Thánh Thể thì không còn là Chúa

Giêsu năm xưa nữa, mà là Chúa Giêsu Phục sinh, Đấng đã chết rồi đã sống lại và hiện đang sống đến muôn thuở muôn đời. Có thể nói có hai Thân Mình của Chúa Giêsu trên bàn thờ: *Thân Mình thật* của Ngài là thân xác ‘*được sinh ra bởi Đức Trinh Nữ Maria*’ và đã Phục sinh; và *Thân Thể huyền nhiệm* của Ngài là Hội Thánh cũng hiện diện một cách mầu nhiệm trên bàn thờ. Vì thế khi nói: “*Này là Mình Ta*”, thì trong cái Ta của Chúa có cái tôi nhỏ bé của các Kitô hữu; và thánh Phaolô gọi là “*Chúa Kitô toàn thể*”, khi ngài viết: “*Tôi làm trọn những gì còn thiếu sót trong cuộc khổ nạn của Chúa Kitô nơi thân xác tôi*” (Col 1,24).

Vì lẽ đó, cũng có thể nói có hai hiến vật trên bàn thờ: một hiến vật là *bánh và rượu* sẽ trở nên Mình và Máu Chúa, và một hiến vật khác là chính *người tín hữu* sẽ trở thành Nhiệm Thể Chúa Kitô. Trong Kinh Nguyện Thánh Thể II, III và IV có hai lời khẩn cầu Chúa Thánh Thần: một lời khẩn cầu cho bánh và rượu trở nên Mình và Máu Chúa, và một lời khẩn cầu sau Truyền Phép xin cho tất cả chúng ta “*trở nên một thân thể và một tinh thần trong Đức Kitô*”, “*một của lễ muôn đời dâng tiến*

Chúa”.

- *Kinh chuyển cầu:*

Mỗi khi dâng lời tạ ơn Thiên Chúa, phụng vụ thường xen vào các lời chuyển cầu cho Hội Thánh toàn cầu, cho Đức Giáo Hoàng và Đức Giám Mục giáo phận, cho sự hiệp nhất của Hội Thánh, cho những người đã qua đời, và cho những người đang tham dự cử hành Thánh Thể.

Kinh chuyển cầu này nói lên mâu nhiệm Hội Thánh thông công.

- *Vinh tụng ca:*

Vinh tụng ca là lời tung hô Ba Ngôi kết thúc Kinh Nguyện Thánh Thể như là cùng đích của cử hành phụng vụ. Lời tôn vinh quy chiếu về Chúa Cha nhờ Chúa Kitô (*cùng với Người và trong Người*), và trong sự hợp nhất của Chúa Thánh Thần. Dù rằng cả Ba Ngôi đều nhận một quyền năng và vinh dự như nhau, song lời tôn vinh của con người chỉ có giá trị khi được liên kết với Chúa Kitô và qua sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần.

V. NGHI THỨC HIỆP LỄ

Nghi thức hiệp lễ bắt đầu từ kinh Lạy Cha đến hết lời nguyện hiệp lễ.

1) Kinh Lạy Cha.

Kinh Lạy Cha là kinh của các con cùng một Cha trên trời nài xin bánh sự sống, và cũng là kinh của các anh chị em biết tha thứ cho nhau khi uống “*Máu đổ ra để tha tội*” của Chúa. Sau Vinh tụng ca, chủ tế đọc lời mời cầu nguyện rồi hết mọi tín hữu cùng đọc kinh Lạy Cha với ngài. Hội Thánh không ngăn cản cử chỉ dang tay của giáo dân cùng với linh mục đọc kinh Lạy Cha, song để cho Hội Đồng Giám Mục các nước quy định để có sự thống nhất trong một Giáo Hội địa phương.

2) Nghi thức chúc bình an.

Cử chỉ trao ban bình an nguyên thủy đi trước phần dâng tiến lễ như một dấu chỉ hòa giải và tha thứ trước khi dâng lễ (Mt 5,23). Sau này trước khi lên rước lễ, người ta cũng trao ban bình an cho nhau vì tất cả cùng ăn một bánh và uống chung một

chén. Chúc bình an là cử chỉ hòa giải đã nhắc tới trong kinh Lạy Cha bây giờ được thể hiện trước khi san sẻ cùng một tấm bánh. Mỗi người làm hòa với những người chung quanh để cho thấy mình muốn sống bình an với hết mọi người.

Quy định cách thức trao ban bình an thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Giám Mục để thích nghi với hoàn cảnh và văn hóa mỗi địa phương. HĐGM Việt Nam quy định giáo dân chúc bình an thì hai bên quay vào nhau, tay để trước ngực, cúi đầu chào nhau, còn đối với linh mục đồng tế thì nói thêm câu: “*Bình an của Chúa ở cùng cha*”.

3) Nghi thức bẻ bánh.

Đây chính là việc bẻ Bánh ra làm nhiều phần để chia cho nhau và muốn nói rằng chúng ta tuy nhiều nhưng chỉ chia sẻ một bánh sự sống là Đức Kitô, cũng như chúng ta tuy nhiều nhưng phải hiệp nhất nên một thân thể là Đức Kitô.

Đang lúc bẻ Bánh thì cộng đoàn đọc hay hát kinh Chiên Thiên Chúa, và có thể lặp đi lặp lại nhiều lần cho đến khi chủ tế

phân phát cho các đồng tế xong.

4) Rước Lễ.

Rước lễ nhằm mục đích kết hiệp với Chúa Giêsu để chính Người trở thành của ăn thức uống thiêng liêng cho chúng ta cho đến khi được kết hiệp vĩnh viễn ở trên trời. Tiếp rước và hiệp thông với Chúa Kitô là nhìn nhận “*Người là Con Chiên Thiên Chúa, Đáng xoá tội trần gian*”. Rước Mình và Máu Chúa Giêsu là một việc làm hết sức quan trọng của đức tin.

“Thánh Lễ vừa là tưởng niệm hy tế để lưu truyền muôn đời hy tế thập giá, vừa là bàn tiệc thánh để thông hiệp Mình và Máu Chúa; hai ý nghĩa này đi đôi với nhau và không thể tách rời. Những cử hành hy tế Thánh Thể hướng đến việc các tín hữu kết hợp với Chúa Kitô nhờ rước lễ. Rước lễ là đón nhận chính Chúa Kitô, Đáng đã tự hiến vì chúng ta” (*GLHTCG 1382*)

- “*Amen*” là lời tuyên xưng đức tin: “*Con tin thật đây là Mình Máu Chúa, con thờ lạy và cung kính muốn được rước*

Chúa vào lòng”. Đây không phải là một gọi ý nên thưa hay không thưa ‘*Amen*’, nhưng là yếu tố cần thiết để biểu lộ đức tin khi rước Chúa. Khi cho rước lễ, thánh Augustinô nói với mỗi tín hữu: “*Đây là Mình Thánh Chúa Kitô. Con hãy trở nên như Đấng con đang tiếp rước!*” Ngày nay được rút gọn lại: “*Mình Thánh Chúa Kitô*”, chúng ta thưa “*Amen*” với đức tin và sự dấn thân đặc biệt.

- ***Có hai cách thức rước lễ:*** rước lễ trên lưỡi và rước lễ trên tay, song người tín hữu không được từng người tiến đến bình đựng Mình Thánh tự cầm và đưa vào miệng, mà chỉ cầm và đưa vào miệng sau khi đã nhận từ thừa tác viên trao cho. Luật phụng vụ cũng buộc tín hữu phải rước Mình Thánh Chúa ngay, không được mang về chỗ hay về nhà, dù là để thờ lạy hay chiêm ngắm.

Đang khi vị tư tế Rước Lễ thì hát ca hiệp lễ (*không hát thì đọc*) biểu lộ niềm vui, đồng tâm hiệp nhất của cộng đoàn. Ca hiệp lễ có thể được thay thế bằng một bài hát thích hợp đã được chuẩn nhận. Sau Rước Lễ sẽ im lặng để cảm ơn Chúa, hoặc hát

một bài ca tạ ơn (*không được hát những bài về Đức Mẹ, các thánh... trong lúc này*).

- **Sự hiện diện thực sự** (*theo bản thể*) của Chúa Giêsu trong hình bánh và rượu không tồn tại lâu trong người rước lễ, vì khi hình bánh và rượu tiêu tan đi thì sự hiện diện bí tích này không còn nữa. Sau một khoảnh khắc rất ngắn, khi hình bánh và rượu đã tiêu tan, chỉ còn lại sự hiện diện tâm linh của Chúa Giêsu nơi người chịu lễ.

5) Lời nguyện hiệp lễ.

Lời nguyện cuối cùng của thánh lễ này là tạ ơn vì hồng ân Rước Lễ và xin cho màu nhiệm đã cử hành sinh hiệu quả trong mọi sinh hoạt thường ngày.

VI. NGHI THỨC KẾT LỄ

Linh mục chủ sự khai mạc thánh lễ thì cũng kết thúc thánh lễ và nài xin phúc lành của Thiên Chúa xuống trên cộng đoàn. Có hai hình thức ban phép lành cuối lễ, đơn giản hoặc trọng thể.

Thánh lễ chấm dứt nhưng cuộc đời Kitô hữu là một thánh lễ nối dài để họ làm chứng và dân thân phục vụ. Thánh lễ phải khởi sự trong chính đời sống vì đời sống người tín hữu cũng là một phần chất liệu của thánh lễ.

Vì thế, thánh lễ phải dẫn tới đời sống như nguồn mạch thánh hóa đời sống. Người Kitô hữu không có hai cuộc đời song song và biệt lập: một bên là đời tôn giáo cô đọng trong thánh lễ, một bên là đời trần tục bao trùm hết mọi hoạt động. Phải đem thánh lễ vào đời sống, và đem đời sống vào thánh lễ.

VII. MỤC VỤ GIÁO LÝ

Giúp các em ý thức và siêng năng Rước Lễ.

Xưng Tội & Rước Lễ lần đầu là một khao khát của trẻ em mới lớn, song việc này dần dần sẽ phai nhạt, không thường xuyên tham dự thánh lễ và ngại ngùng Rước Lễ. Bản phận cha mẹ và cộng đoàn giáo xứ là phải đặc biệt chuẩn bị cho con em rước lễ với đức tin và lòng mến. Sửa soạn cho các em rước lễ lần đầu thôi chưa đủ, còn phải liên tục dạy dỗ các em về việc rước lễ,

không những bằng lời nói mà còn bằng chính gương sáng của mình. Phải làm sao để các em thấy được tầm quan trọng của việc rước lễ và yêu mến Thánh Thể một cách thường xuyên và xứng đáng.

Chúng ta sẽ thiếu tư cách và bất xứng, nếu rước Thánh Thể một cách lạnh nhạt hoặc đang có tội trọng mà chưa làm hòa với Chúa qua Bí tích Giải Tội.

Thánh Thể là bí tích tăng trưởng và là bí tích của đời sống thường ngày. Tuổi đời có thể cao, cuộc đời có thể đã về chiều, nhưng về phương diện tâm linh, người tín hữu luôn ở trong trạng thái thơ ấu và cần phải lớn lên mỗi ngày. Các bí tích khác thường chỉ chịu ít lần, song Thánh Thể là bí tích có thể và nên chịu mỗi ngày, giống như cơm bữa đời thường. Rước Lễ không phải là phần thưởng dành cho người lành thánh, hoặc chỉ trong dịp đại lễ, nhưng là một nhu cầu để biến đổi đời sống. Cuộc biến đổi này cần phải thực hiện mỗi ngày, từng bước, và chỉ thành tựu trong Thánh Thần là ân sủng của Chúa Kitô.

Thánh lễ Tạ Ơn được hiến dâng cho mọi người nhưng chỉ

sinh hoa kết quả nơi những ai liên kết với cuộc khổ nạn của Chúa Kitô với lòng tin, cậy, mến; và thánh lễ có ích lợi cho chúng ta nhiều hay ít tùy theo chất lượng lòng đạo đức của mỗi người.

CẦU NGUYỆN:

Lạy Chúa Giêsu, một ngày mới đang mở ra trước mắt con. Mỗi ngày đều là một bất ngờ. Con không rõ những gì sẽ xảy đến cho con, nhưng con biết chắc mình được sống trong vòng tay yêu thương của Chúa, nên con thấy vui tươi bình an.

Mỗi ngày đều là quà tặng của Chúa. Cả niềm vui lẫn nỗi buồn, cả thành công và thất bại, tất cả đều là quà tặng của Tình Yêu, tất cả đều đưa con đến gần Chúa.

Lạy Chúa Giêsu, con muốn giang tay chào đón ngày mới. Con muốn tận dụng từng phút giây trong ngày để tôn vinh Chúa, để phục vụ tha nhân và phát triển con người mình.

Ước gì con luôn sống dưới ánh mắt Chúa, và để Chúa làm chủ mọi tư tưởng, lời nói và việc làm của con. Và ước gì, khi

đem về, con có thể tự hào mình đã biến hôm nay thành quà tặng
để dâng lại cho Chúa. Amen. (*Abba 43*)

Bài 6:

CỬ HÀNH CÁC BÍ TÍCH

“Bảy bí tích liên quan đến tất cả các giai đoạn và thời điểm quan trọng trong đời sống Kitô hữu: người tín hữu được sinh ra và lớn lên, được chữa lành và sai đi. Giữa những giai đoạn của đời sống tự nhiên và đời sống thiêng liêng, có nhiều điểm tương đồng” (*GLHTCG 1210*)

Kinh Tin Kính không nói gì đến 7 bí tích, nhưng bí tích vẫn là đối tượng của đức tin Kitô giáo. Kinh Tin Kính chỉ nói đến Phép Rửa Tội vì là cửa ngõ gia nhập Hội Thánh, và họ còn phải học hỏi để sống các bí tích. Các bí tích là những biến cố chứ không phải là những khái niệm. Tất cả mọi bí tích đều hàm chứa sự sống vọt ra từ cạnh sườn bị đâm thấu của Đức Kitô trong mầu nhiệm Vượt Qua, và được hiện tại hóa trong các cử

hành phụng vụ.

I. BÍ TÍCH LÀ GÌ?

Bí tích là ơn Chúa (hay gặp gỡ Chúa) được ban qua các dấu chỉ hữu hình và hữu hiệu, do Chúa Kitô thiết lập và ủy thác cho Hội Thánh cử hành trong phụng vụ.

Như vậy, một cử hành được xem là phụng vụ bí tích gồm các yếu tố sau đây:

- Phải là những **dấu chỉ bề ngoài** (*khả giác*) mà chúng ta có thể cảm nhận được (*nước, đặt tay, lời cầu...*).

- Phải là những **dấu chỉ do Chúa Kitô thiết lập** cách nào đó rồi ủy thác cho Hội Thánh. Các dấu chỉ ban ơn do Hội Thánh trực tiếp thiết lập không được gọi là bí tích mà chỉ là Phụ tích.

Suốt 12 thế kỷ, Hội Thánh không xác định rõ có bao nhiêu bí tích, nhưng vẫn sống các thực tại bí tích một cách rất tốt đẹp, vẫn sử dụng từ “*Mysterion*” của tiếng Hy Lạp để chỉ các thực tại đức tin và phụng vụ. Mãi đến thế kỷ XII, người ta mới dùng từ “*Sacramentum*” của tiếng La Tinh để chỉ 7 bí tích do

Chúa Kitô thiết lập.

“Nhờ Thánh Thần dẫn vào ‘*chân lý vẹn toàn*’, Hội Thánh dần dần nhận ra kho tàng quý báu đã nhận từ Đức Kitô và minh định việc phân phát kho tàng ấy như Hội Thánh đã làm với Quy điển Sách Thánh và tín điều, như người quản lý trung tín các mầu nhiệm của Thiên Chúa. Vì thế, theo dòng thời gian, Hội Thánh đã nhận định trong số các cử hành phụng vụ, có 7 bí tích đúng nghĩa do Chúa Kitô thiết lập” (*GLHTCG 1117*).

- Phải là những **dấu chỉ hữu hiệu**, nghĩa là thông chuyển ơn thánh qua cử hành phụng vụ của Hội Thánh. Vì thế để cho dấu chỉ hữu hiệu hay sinh hiệu quả, nhất thiết phải do *thừa viên hợp pháp* của Hội Thánh cử hành *đúng nghi thức phụng vụ*.

II. NGƯỜI BAN VÀ NGƯỜI NHẬN

Khi được cử hành đúng đắn trong đức tin, các bí tích trao ban ân sủng mà chúng biểu hiện vì chính Chúa Kitô hoạt động trong quyền năng của Chúa Thánh Thần qua tác vụ của Hội Thánh.

Bí tích là việc Phụng Vụ nên đòi người ban bí tích (*thừa tác viên cử hành*) phải có năng quyền, phải làm theo ý Hội Thánh và làm đúng nghi thức của Hội Thánh; còn người nhận bí tích phải có đức tin và ý muốn ngay lành. Không những các bí tích giả thiết phải có đức tin, mà còn dùng lời nói và sự vật để nuôi dưỡng, củng cố và diễn tả đức tin đó, nên được gọi là **các bí tích đức tin**.

“Đức tin của Hội Thánh có trước đức tin của người tín hữu, người tín hữu được mời gọi cùng tin với Hội Thánh. Khi cử hành các bí tích, Hội Thánh tuyên xưng đức tin đã lãnh nhận từ các tông đồ; do đó, có ngạn ngữ: *‘Cầu nguyện thế nào, tin thế ấy*. Luật cầu nguyện là luật đức tin, Hội Thánh tin như Hội Thánh cầu nguyện. Phụng Vụ là một yếu tố cấu thành Truyền Thống thánh thiện và sống động của Hội Thánh (x. DV 8)”. (*GLHTCG 1124*)

III. HIỆU NĂNG CỦA BÍ TÍCH

“Các bí tích như những *“năng lực phát ra”* tự thân thể Đức

Kitô để chữa lành các thương tích do tội lỗi và ban cho chúng ta sự sống mới trong Đức Kitô” (GL 1116).

Bởi thế các bí tích có **hiệu năng do sự** (*cử hành đúng các đòi hỏi của Hội Thánh là ơn Chúa tức khắc đến với con người*) chứ không lệ thuộc vào bản thân của người ban. Tuy nhiên, ơn Chúa có sinh hiệu quả nơi người nhận bí tích hay không còn tùy thuộc tình trạng tâm hồn của họ (*do nhân*).

“Khi được cử hành đúng đắn trong đức tin, các bí tích trao ban ân sủng mà chúng biểu hiện. Các bí tích đều hữu hiệu vì chính Chúa Kitô hoạt động: chính Người Rửa Tội, chính Người hành động trong các bí tích để ban ân sủng mà bí tích biểu hiện. Chúa Cha luôn nhận lời khẩn nguyện đầy tin tưởng của Hội Thánh, khi Hội Thánh bày tỏ đức tin vào quyền năng Chúa Thánh Thần trong *kinh nguyện Xin Ban Thánh Thần* ở mỗi bí tích... Vì thế, Hội Thánh khẳng định: các bí tích có hiệu quả **‘ex opere operato’** (*dịch từng chữ là do chính sự việc được thực hiện*), nghĩa là có hiệu quả nhờ công trình cứu

độ của Chúa Kitô đã được hoàn thành một lần dứt khoát. *‘Bí tích không thành sự do sự công chính của người trao ban hay người lãnh nhận, nhưng do quyền năng Thiên Chúa. Khi bí tích được cử hành theo ý hướng của Hội Thánh, quyền năng của Chúa Kitô và Chúa Thánh Thần, hoạt động trong và qua bí tích ấy, không phụ thuộc vào sự thánh thiện của bản thân thừa tác viên. Tuy nhiên, hiệu quả của các bí tích còn tùy thuộc vào thái độ nội tâm của người lãnh nhận’* (GLHTCG 1128)

Bí tích là *‘dấu chỉ sinh ơn’*, song ơn Chúa không phải là một cái gì đó ngoại tại được ban cho con người theo kiểu con người cho nhau cái này cái kia. **Ơn Chúa là chính Chúa đến trợ giúp**, soi sáng con người hành động sao cho đúng với đường lối tốt lành của Chúa. Vì thế bí tích chính là **sự gặp gỡ Thiên Chúa** qua một dấu chỉ hữu hiệu nào đó.

IV. CÔNG ĐỒNG VATICAN II VÀ CÁC BÍ TÍCH

Trước những đòi hỏi của thời đại, Công đồng Vatican II đã

cải tổ sâu rộng phụng vụ các bí tích như sau:

- Công đồng xác định bí tích có mục đích thánh hóa con người, xây dựng Nhiệm Thể Chúa Kitô và thờ phượng Thiên Chúa.

- Lãnh nhận bí tích giả thiết không những phải có đức tin mà còn phải dùng các dấu chỉ để nuôi dưỡng, củng cố và diễn tả đức tin đó.

- Bí tích ban ơn sung nhưng việc cử hành bí tích còn nhằm chuẩn bị các tín hữu đón nhận ơn sung cách hữu hiệu, tôn vinh Thiên Chúa đúng cách và thực thi bác ái.

Để các tín hữu hiểu được ý nghĩa các dấu chỉ mà siêng năng lãnh nhận bí tích hầu có thể nuôi dưỡng đời sống Kitô hữu, Công đồng Vatican II quyết định:

- Bỏ đi một số yếu tố do thời gian đã làm lu mờ bản chất và mục đích của bí tích (*PV 62*).

- Cho phép sử dụng tiếng bản quốc trong phụng vụ.

- Tái lập ba giai đoạn của nghi thức dự tòng cho những

người lớn muốn gia nhập Hội Thánh.

- Duyệt xét lại nghi thức thánh lễ và các bí tích, và mạnh dạn cho phép thích nghi và hội nhập văn hóa các tập tục địa phương, miễn là không phản nghịch đức tin Kitô giáo.

Ngoài ra, nếu hiểu phụng vụ bí tích là cử hành các dấu chỉ mà qua đó con người gặp gỡ Thiên Chúa thì có vô vàn bí tích. Chẳng hạn: *Hội Thánh là bí tích của Đức Kitô, Chúa Kitô là bí tích của Thiên Chúa*, và bất cứ một sự việc, sự vật nào cũng có thể là bí tích mà ***qua đó chúng ta gặp gỡ được Thiên Chúa.***

TÓM LƯỢC:

1* H. Phụng vụ bí tích là gì?

-T. Phụng vụ bí tích là việc thừa tác viên làm các dấu chỉ đúng nghi thức của Hội Thánh để chuyển ơn Chúa xuống cho những người muốn lãnh nhận.

2* H. Khi nào thì dấu chỉ trở thành hữu hiệu?

-T. Dấu chỉ hữu hiệu là khi có thừa tác viên hợp pháp của

Hội Thánh cử hành đúng nghi thức phụng vụ.

3 H. Người nhận bí tích phải có những điều kiện gì?*

-T. Người nhận bí tích phải có đức tin, ý muốn ngay lành và một chút hiểu biết nào đó thì việc lãnh nhận bí tích mới có hiệu quả.

CẦU NGUYỆN:

Lạy Chúa Phục Sinh,

vì Chúa đã phục sinh

nên con thấy mình chẳng còn gì phải sợ.

Vì Chúa đã phục sinh nên con được tự do bay cao,

không bị nỗi sợ hãi của thân phận người chi phối,

sợ thất bại, sợ khổ đau, sợ nhục nhã

và cái chết lúc tuổi đời dang dở.

Vì Chúa đã phục sinh

nên con hiểu cái liêu của người Kitô hữu

là cái liêu chín chắn và có cơ sở.

Cái liêu của những nữ tu phục vụ ở trại phong.

Cái liêu của cha Kôn-bê chết thay cho người khác.
Cái liêu của những bậc cha ông đã hiến mình vì Đạo.
Sự Phục sinh của Chúa là một lời mời gọi,
mang một sức thu hút mãnh liệt
khiến con đổi cái nhìn về cuộc đời:
nhìn tất cả từ trên cao
để nhận ra giá trị thực sự của từng thụ tạo.
Sự Phục sinh của Chúa
giúp con dám sống tận tình hơn với Chúa
và với mọi người.
Vì con hiểu mình chẳng mất gì,
nhưng lại được tất cả. (*Abba 58*)

Bài 7:

Tiến trình KHAI TÂM KITÔ GIÁO

“Ba bí tích: Thánh Tẩy, Thêm Sức và Thánh Thể là những bí tích khai tâm đặt nền tảng cho toàn thể đời sống Kitô hữu. Nhờ ân sủng của Đức Kitô, con người được tham dự vào bản tính Thiên Chúa. Tương tự như việc sinh ra, lớn lên và bảo tồn trong đời sống tự nhiên, người tín hữu được tái sinh trong đời sống mới nhờ Bí tích Thánh Tẩy, được củng cố nhờ Bí tích Thêm Sức, và nhận lấy bánh ban sự sống đời đời trong Bí tích Thánh Thể.” (*GLHTCG 1212*)

I. PHÉP RỬA TRONG NHỮNG THỂ KỶ ĐẦU

Sau khi Chúa Giêsu về trời, các tông đồ rao giảng màu nhiệm Vượt Qua của Chúa, và đó là trung tâm điểm của lời rao giảng đầu tiên và là nội dung của mọi cử hành phụng vụ trong đời

sống Hội Thánh tiên khởi. Lời rao giảng đầu tiên ấy đã có sức thuyết phục, biến đổi người nghe Tin Mừng. Họ đã tin và muốn biểu lộ đức tin vào Đức Giêsu Kitô bằng những hành động cụ thể: *“Chúng tôi phải làm gì?”* (Cv 2,37).

Thánh Phêrô không ngần ngại trả lời:

“Anh em hãy sám hối và mỗi người hãy chịu Thánh Tẩy nhân danh Chúa Giêsu Kitô để được ơn tha tội, và anh em sẽ nhận được ân huệ là Chúa Thánh Thần” (Cv 2,38).

Tại sao không phải là sống bác ái, ăn chay kiêng thịt, mặc áo nhặm, cầu nguyện,... như người Do Thái vẫn làm, mà chỉ là sám hối và Thánh Tẩy?

Sám hối là thay đổi tận căn cách sống, bỏ đi con người cũ; và lãnh nhận Thánh Tẩy là trở nên con người mới trong Đức Kitô Phục Sinh. Như vậy, trong giai đoạn đầu của Hội Thánh, việc rao giảng Tin Mừng luôn đi đôi với việc cử hành phụng vụ; và lãnh nhận Phép Rửa là một trong những đòi hỏi cần thiết khi đã tin vào Tin Mừng Chúa Kitô. Phép Rửa này khác hẳn với phép

rửa của người Do Thái, vì đây không chỉ là tính pháp lý của phép Rửa mà còn là biến đổi tận căn đời sống con người nhờ sức mạnh của Chúa Thánh Thần và trong mầu nhiệm Tử Nạn và Phục sinh của Chúa Kitô.

“Anh em không biết rằng: khi chúng ta được chìm vào trong nước Thánh Tẩy để thuộc về Đức Kitô Giêsu, là chúng ta được chìm vào trong sự chết của Người sao? Vì được chìm vào trong sự chết của Người, chúng ta đã cùng được mai táng với Người. Bởi thế, cũng như Người đã sống lại từ cõi chết nhờ quyền năng vinh hiển của Chúa Cha thế nào, thì chúng ta cũng được sống một đời sống mới như vậy” (*Rm 6,3-4*).

Khi Kitô giáo phát triển thì tiến trình khai tâm cũng đòi hỏi kỹ lưỡng hơn vào cuối thế kỷ I và thế kỷ II, như trong Sách Didaché và cuốn Hộ giáo của thánh Justinô. Một trong những biến chuyển thần học quan trọng trong thời kỳ này là Thánh Tẩy nhân danh Ba Ngôi (*dìm nước ba lần đi kèm với ba lần tuyên xưng đức tin vào Ba Ngôi*); đồng thời tân tông được tham

dự ngay vào cử hành Thánh Thể của cộng đoàn tín hữu.

Sang đến thế kỷ III – V, việc khai tâm dự tòng được chuẩn bị càng chu đáo hơn. Trước tiên là thời kỳ tiếp nhận làm dự tòng qua việc thăm vấn tình trạng đời sống của thỉnh nhân, tiếp đến là nghi thức ghi dấu thánh giá cho dự tòng để họ thuộc về Chúa Kitô và liên kết với mọi tín hữu, và một vài nghi thức trừ tà sau đó.

Cũng trong thời kỳ này, người ta thấy xuất hiện vai trò của người đỡ đầu là người gương mẫu, đồng hành và hướng dẫn đức tin cho người dự tòng. Người đỡ đầu cũng được xem là cộng tác viên của giám mục trong việc bảo lãnh, huấn luyện đức tin để các dự tòng được lãnh nhận các nghi thức gia nhập Kitô giáo.

Chính vì vậy thời gian dự tòng thường kéo dài từ hai đến ba năm để học biết giáo lý, tập hy sinh và khổ chế, tham gia sinh hoạt phụng vụ ngày Chúa Nhật nhưng chỉ được tham dự phần cử hành Lời Chúa. Mùa Chay là thời gian chuẩn bị gần và trực

tiếp (*trao kinh và trả kinh Tin Kính, tuyên xưng đức tin*) cho các dự tòng lãnh nhận các bí tích khai tâm Kitô giáo trong đêm Phục sinh.

Đêm Phục sinh là đỉnh cao của tất cả mọi cử hành phụng vụ Kitô giáo. Họ sẽ cùng cộng đoàn tín hữu canh thức nghe đọc các bài Thánh Kinh, sau đó tiến đến Giếng Rửa Tội, được xúc dầu trừ tà, được dìm trong nước sau mỗi lần tuyên xưng đức tin vào Chúa Ba Ngôi, rồi được đức giám mục Xức Dầu Thánh như một cử chỉ ban Chúa Thánh Thần (*Thêm Sức*). Người tân tòng được mặc áo trắng, biểu trưng con người mới, và được trao đèn sáng, biểu tượng cho ánh sáng Chúa Kitô.

Cử hành khai tâm chưa dừng lại ở Bí tích Thánh Tẩy và Thêm Sức nhưng sẽ hoàn thiện và đạt tới đỉnh cao là lần đầu tiên họ được tham dự cử hành Thánh Thể với cộng đoàn tín hữu. Suốt tuần Bát nhật Phục sinh, họ mặc áo trắng tham dự phụng vụ, đào sâu đức tin qua những bài giáo lý nhiệm huấn.

Ngoài việc khai tâm cho người lớn, các trẻ nhỏ vẫn được

lãnh nhận Bí tích Thánh Tẩy theo người lớn và lệ thuộc cha mẹ mình, nghĩa là trẻ nhỏ được Rửa Tội trong đức tin của Hội Thánh. Đức tin của Hội Thánh có trước, đức tin của người được Rửa Tội đến sau, lệ thuộc và nuôi dưỡng bởi đức tin của Hội Thánh.

“Ngay từ thời các tông đồ, người dự tòng phải trải qua con đường khai tâm gồm nhiều giai đoạn. Con đường này có thể ngắn hay dài, nhưng luôn hội đủ những điều cốt yếu sau: loan báo Lời Chúa, đón nhận Tin Mừng và hoán cải, tuyên xưng đức tin, rửa tội, ban Thánh Thần, lãnh nhận Thánh Thể” (*GLHTCG 1229*).

II. PHÉP RỬA THỜI TRUNG CỒ

Hội Thánh bước vào thời kỳ phát triển, trẻ em chịu Thánh Tẩy ngày càng nhiều, còn người lớn thì ít đi, và các giám mục không thể hiện diện thường xuyên với các cộng đoàn tín hữu. Đó chính là lý do của việc tách rời Bí tích Thánh Tẩy ra khỏi Thêm Sức và Thánh Thể. Nếu sau khi cử hành Thánh Tẩy mà

vị giám mục hiện diện ở đó thì ngài sẽ xúc dầu ban Bí tích Thêm Sức, bằng không linh mục sẽ hoãn việc ban Bí tích Thêm Sức cho trẻ em vào một dịp khác, nhưng vẫn cho trẻ em rước Máu Thánh hoặc Mình Thánh Chúa.

Cũng trong thời kỳ này, việc Rửa Tội cho trẻ em càng sớm càng tốt được thịnh hành nên công thức Rửa Tội cũng được rút ngắn vào lời đọc: “*Tôi rửa... nhân danh Cha và Con và Thánh Thần*”, thay vì tuyên xưng đức tin ba lần như trước. Thừa tác viên cử hành Thánh Tẩy cũng được mở rộng cho mọi người trong trường hợp nguy tử, không nhất thiết phải có chức thánh. Việc Rước Lễ lần đầu của trẻ em cũng bị tách rời khỏi Bí tích Thánh Tẩy.

Bí tích Thêm Sức được dành riêng cho giám mục cử hành chung tại nhà thờ Chánh Tòa hay tại nhà thờ các họ đạo.

Bước sang thế kỷ XVI – XIX, ảnh hưởng của trào lưu nhân bản nhấn mạnh đến ý thức trưởng thành và tự do cá nhân, nhiều nơi đợi các trẻ nhỏ lớn lên mới chịu Bí tích Thánh Tẩy. Công

đồng Trentô (1562) vẫn bảo vệ truyền thống cho trẻ em lãnh nhận Thánh Tẩy càng sớm càng tốt, dù đức tin cá nhân của các em chưa trưởng thành song cậy dựa vào đức tin của Hội Thánh. Tuy nhiên Công đồng vẫn không khôi phục và duy trì truyền thống cho trẻ em Thánh Tẩy được Thêm Sức và Rước lễ khi chưa tới tuổi khôn.

III. CANH TÂN PHỤNG VỤ HIỆN NAY

Vào cuối thế kỷ XIX, phong trào trở về nguồn đã dành cho các bí tích khai tâm một chỗ đứng đặc biệt. Đức Giáo Hoàng Piô X đã sớm ban hành sắc lệnh cho trẻ em khoảng 7 tuổi được Rước Lễ lần đầu, thay vì từ 10-12 tuổi. Một vài nơi đã thay đổi cấu trúc khai tâm cho trẻ em bằng cách cho trẻ em được Thêm Sức trước khi Rước Lễ lần đầu theo như cách thức của người lớn: *Thánh Tẩy – Thêm Sức – Thánh Thể*.

Hiến chế về Phụng vụ thánh là văn kiện đầu tiên của Công đồng Vatican II đã khôi phục lại ba giai đoạn khai tâm cho người lớn chịu Thánh Tẩy, nhưng cũng không loại trừ nghi thức

gia nhập đạo đơn giản.

Cuốn sách *‘Nghị thức gia nhập Kitô giáo của người lớn’* ban hành vào năm 1972 được soạn thảo theo chỉ thị canh tân của Công đồng. Tiến trình khai tâm cho người lớn được sắp xếp theo nhiều giai đoạn với các nghi thức phụng vụ để người dự tòng từng bước khám phá các chân lý Kitô giáo. Thánh Tẩy, Thêm Sức và Thánh Thể là ba bí tích đi liền với nhau trong tiến trình gia nhập Kitô giáo:

- **Thời gian dự tòng** (*giai đoạn I*): mở đầu bằng nghi thức *tiếp nhận dự tòng*, nhưng việc tiếp nhận này chỉ cử hành sau thời gian thỉnh nhân đã chấp nhận Tin Mừng và bắt đầu tin vào Chúa Kitô, nghĩa là đã tiếp xúc, đã học biết giáo lý trong thời gian tiền dự tòng. Trong thời gian dự tòng này, họ được trao ban các nghi lễ: nghi thức trừ tà, cầu phúc, nghi thức xúc dầu dự tòng (*có thể nhiều lần*).

- **Thời gian thanh tẩy và soi sáng** (*giai đoạn II*): Khởi sự mùa Chay là thời gian thích hợp nhất để cử hành nghi thức

tuyển chọn, tức là *ghi danh* để kết thúc thời kỳ dự tòng. Họ được người dạy giáo lý, người đỡ đầu và cộng đoàn giới thiệu và bảo lãnh để được ghi danh vào sổ những người được tuyển chọn (*ứng viên*) sẽ lãnh nhận các bí tích khai tâm vào đêm Vọng Phục sinh.

Trong thời kỳ này các dự tòng trải qua các nghi thức *Khảo hạch* và *Trao kinh*: ba lần *Khảo hạch*, hai lần *Trao kinh Tin Kính* và *kinh Lạy Cha* và một lần *Trả kinh* cùng với việc xúc dầu dự tòng.

- **Cử hành các bí tích gia nhập đạo** (*giai đoạn III*): gồm các nghi thức: *Kinh cầu các thánh*, *làm phép nước*, *tuyên xưng đức tin*, *nghi lễ Thánh Tẩy*, *mặc áo trắng*, *trao đèn sáng*, *cử hành Bí tích Thêm Sức* và cuối cùng là *cử hành Thánh Thể*.

Ngoài ra, các tân tòng còn thêm một thời kỳ *nhiệm huấn* nữa trong mùa *Phục sinh* để đức tin thêm vững vàng và tham gia cộng đoàn phụng vụ.

IV. MỤC VỤ GIÁO LÝ DỰ TÒNG

1* Bối cảnh thời cuộc:

Giáo lý dự tòng trong hoàn cảnh xã hội hôm nay đang là một vấn đề quan trọng trong sinh hoạt mục vụ của các Giáo Xứ vì những lý do sau đây:

-Thời gian dự tòng được Hội Thánh khuyến khích ít là một năm, nhưng thực tế có nhiều người và nhiều trường hợp không thể kéo dài quá lâu.

-Linh mục quản xứ vì bận rộn nhiều công tác mục vụ nên cũng khó quán xuyên và bao quát mục vụ giáo lý dự tòng. Do đó cần sự cộng tác của tu sĩ, giáo dân trong việc hướng dẫn giáo lý dự tòng. Cho dù linh mục có mở các lớp giáo lý dự tòng theo định kỳ một năm mấy lần, song vẫn có những người không thể theo học các lớp giáo lý chính thức của Giáo Xứ, vì gia cảnh, công việc, tuổi tác, học lực, vùng sâu vùng xa... cần nhiều nhân sự để hướng dẫn riêng từng học viên.

- Đó là chưa kể ngày nay có nhiều người theo đạo vì nhiều lý do phức tạp. Có người theo đạo như một điều kiện ban đầu để lấy vợ lấy chồng Công Giáo mà sau đó chẳng quan tâm gì việc

sống đạo. Có người theo đạo vì hoàn cảnh gia đình hay thời cuộc để giải quyết một số ích lợi nào đó. Nhưng cũng không thiếu những người thành tâm thiện chí muốn tìm hiểu giáo lý để định hướng cuộc đời.

- Giảng viên giáo lý dự tòng cũng khan hiếm và bị hạn chế về nhiều mặt: thời gian, trình độ hiểu biết, sự phạm...

Bộ Truyền Bá Phúc Âm nói phải ưu tiên huấn luyện cho giáo lý viên về truyền giáo, vì “*chiều kích truyền giáo thuộc về căn tính giáo lý viên và định tính mỗi hoạt động tông đồ*” (GLV 25), không chỉ là việc dạy giáo lý dự tòng, mà còn là hiện diện như một chứng tá bén nhọn của Kitô giáo.

2* Mục vụ huấn giáo:

Thánh Tẩy là bí tích của ơn cứu độ và là bí tích đức tin. Giáo dục đức tin cho người sắp lãnh nhận các bí tích gia nhập Kitô giáo là rất cần thiết, đồng thời cũng là một niềm vui vì đã góp phần vào việc rao giảng Tin Mừng làm cho nhiều người nhận biết Thiên Chúa. Xác tín này là định hướng căn bản của giáo lý

viên đối với các trường hợp theo đạo Công Giáo:

- Đối với những người theo đạo không thực tâm xác tín tôn giáo, trước hết, cần phải giải thích cho họ biết theo đạo là một lựa chọn căn bản của cả cuộc đời, một lựa chọn đưa đến sự sống đời đời, một ưu tiên trên hết mọi kiếm tìm. Thứ đến, cần có thời gian tương đối vừa đủ để giải thích giáo lý và để họ nhận thức các chân lý đức tin. Không nhất thiết đòi hỏi họ phải có sự hiểu biết sâu xa, song cũng đừng quá dễ dãi cử hành cho xong bốn phận. Bí tích luôn đòi hỏi đức tin của người lãnh nhận, dù non nớt nhưng buộc phải có.

- Đối với những người theo đạo vì những lý do vụ lợi, cần phải thanh luyện ý hướng của họ; và huấn luyện đức tin của họ ngày càng trong sáng hơn.

- Đối với những người thành tâm thiện chí, cần giúp họ lãnh hội tối đa những hiểu biết đức tin Kitô giáo và những khám phá nội tâm. Đạo là đường, mà đã là đường đi thì có nhiều con đường. Điều quan trọng là phải xác định con đường đưa mình đi tới đâu, chứ không phải cào bằng: *‘Đạo nào cũng tốt cả! Đạo*

nào cũng dạy ăn ngay ở lành'. Luân lý chỉ là một con đường, một phương tiện, một cách thế, chứ không phải là mục đích của tôn giáo.

3* Phương pháp giảng dạy giáo lý dự tòng:

Để có thể đáp ứng được những nhu cầu đa dạng của người dự tòng, giáo lý viên cần chú ý:

-Dành nhiều thời gian tìm hiểu và đối thoại để biết hoàn cảnh sống cũng như khát vọng tâm linh của từng dự tòng.

-Khi giảng dạy giáo lý nên khởi đi từ những kinh nghiệm đời thường để đưa dự tòng đến những chân lý cao siêu.

-Cần đào sâu ý nghĩa trong đời sống mới trong Chúa Kitô hơn là những chi tiết của mầu nhiệm.

-Cần giúp dự tòng có cái nhìn đại cương về lịch sử cứu độ hơn là chuyên sâu một khía cạnh. Công việc đó nên để sau khi Thánh Tẩy trong các lớp giáo lý bồi dưỡng.

-Phương pháp trình bày giáo lý góp phần rất lớn vào việc lãnh hội đức tin của dự tòng. Vì thế phải tùy theo thời gian, đối

tượng và khả năng lãnh nhận của mỗi dự tông. Có những dự tông biếng nhác cần được hướng dẫn thế nào để họ hiểu và nhớ ngay trong giờ học. Có những điểm giáo lý chính yếu cần nhắc đi nhắc lại để học viên nắm vững và nhớ lâu.

-Cần tập cho dự tông những thói quen đạo đức để nuôi dưỡng đức tin: những bản kinh thông dụng, những lời nguyện tắt, những bài hát... sẽ in sâu vào lòng đạo các tân tông.

-Ngoài ra, các buổi gặp gỡ trao đổi giữa giáo lý viên với dự tông, hoặc giữa các dự tông với nhau, hoặc với cộng đoàn tín hữu sẽ giải quyết được nhiều khúc mắc của dự tông. Những buổi cử hành nghi thức dự tông cũng sẽ hỗ trợ rất lớn cho đức tin của các dự tông và của cộng đoàn. Những buổi cầu nguyện, tập dượt nghi thức kỹ lưỡng sẽ mang đến những hiệu quả tốt đẹp không ngờ cho các dự tông và cộng đoàn tín hữu.

4* Giáo dục đức tin trẻ em và cha mẹ:

- Cha mẹ nào cũng mong muốn điều tốt đẹp nhất cho con cái, và không có gì quý hơn sự sống đời đời khi được làm con cái

Thiên Chúa. Định hướng này sẽ giúp cho cha mẹ sốt sắng đem con đến nhà thờ để Rửa Tội, hoặc chính cha mẹ sẽ Rửa Tội cho con cái trong trường hợp cấp bách hay nguy tử. Trách nhiệm của cha mẹ là từng bước giúp các em nhận thức được mầm sống vĩnh cửu đang tăng trưởng nơi đời sống của các em.

- Vai trò của cha mẹ, gia đình và cộng đoàn là người giáo dục đầu tiên của trẻ em, là *giáo lý viên số một* trước khi các em đến tuổi học giáo lý. Các em được Thánh Tẩy trong đức tin của Hội Thánh, nghĩa là được nuôi dưỡng và tăng trưởng trong đức tin của các bậc làm ông bà, cha mẹ, anh chị... để khi khôn lớn các em sẽ xác tín vào đức tin lãnh nhận khi còn thơ ấu để rồi sẽ mạnh mẽ làm chứng cho đức tin ấy.

- Những câu ru tiếng hát từ thuở còn nằm nôi cũng sẽ tác động tâm lý cho đời sống đức tin của con cái sau này. Những câu nói bập bẹ về Thiên Chúa khi còn thơ ấu cũng sẽ giúp chúng khám phá ra khuôn mặt của Chúa theo từng lứa tuổi. Giáo dục đức tin tại chỗ, đúng lúc, đúng nơi, đúng việc sẽ có ảnh hưởng lâu dài trong cách ứng xử của con trẻ trong quá trình

trưởng thành. Những thói quen đạo đức của gia đình sẽ đi theo đứa trẻ, và cho dù có lúc quên thì cũng có lúc chúng bị thức tỉnh.

Đó là lý do để cho một trẻ sơ sinh lãnh nhận Bí tích Thánh Tẩy cách hợp pháp cần có sự đồng ý ít nữa là của người cha hay người mẹ hay người thế quyền (*GL 868/1*).

TÓM LƯỢC:

1 H. Trong những thế kỷ đầu, Hội Thánh cử hành Phép Rửa như thế nào?*

-T. Trong những thế kỷ đầu, Hội Thánh đã dần dà hình thành công thức Rửa Tội bằng việc tuyên xưng đức tin vào Chúa Ba Ngôi theo lệnh truyền của Chúa Kitô, và chuẩn bị cho các dự tòng từng bước lãnh nhận các bí tích gia nhập Kitô giáo trong Đêm Vọng Phục Sinh.

2 H. Sang thời Trung Cổ, Giáo Hội có thay đổi gì về các bí*

tích khai tâm này không?

-T. Sang thời Trung Cổ, Hội Thánh đã hình thành công thức Rửa Tội vẫn gọn như hiện nay vẫn dùng, đồng thời tách rời Bí tích Thánh Tẩy ra khỏi hai Bí tích Thêm Sức và Thánh Thể, nhất là đối với trẻ em.

3 H. Công đồng Vatican II đã canh tân phụng vụ Phép Rửa như thế nào?*

-T. Công đồng Vatican II đã trở về nguồn để khôi phục lại các giai đoạn dự tòng, sao cho các bí tích Thánh Tẩy, Thêm Sức và Thánh Thể tạo nên một bộ *ba bí tích khai tâm Kitô giáo* đối với người lớn.

CẦU NGUYỆN:

Lạy Cha, Cha muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý, chân lý mà Cha đã bày tỏ nơi Đức Giêsu, Con Cha.

Xin Cha nhìn đến hàng tỉ người chưa nhận biết Đức Giêsu, họ cũng là những người đã được cứu chuộc.

Xin Cha thôi thúc nơi chúng con khát vọng truyền giáo, khát

vọng muốn chia sẻ niềm tin và hạnh phúc, niềm vui và bình an của mình cho tha nhân, và khát vọng muốn giới thiệu Đức Giêsu cho thế giới.

Chúng con thấy mình nhỏ bé và bất lực trước sứ mạng đi đến tận cùng trái đất để loan báo Tin Mừng. Chúng con chỉ xin đến với những người bạn gần bên, giúp họ quen biết Đức Giêsu và tin vào Ngài, qua đời sống yêu thương cụ thể của chúng con. Chúng con cũng cầu nguyện cho tất cả những ai đang xả thân lo việc truyền giáo. Xin Cha cho những cố gắng của chúng con sinh nhiều hoa trái. Amen. (*Abba 7*)

Bài 8:

PHỤNG VỤ THÁNH TẨY

“Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép Rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần”
(Mt 28,19)

Phụng vụ Thánh Tẩy hay Rửa Tội là ban ơn tái sinh làm con Thiên Chúa và Hội Thánh qua việc thừa tác viên đổ nước và rửa nhân danh Ba Ngôi Thiên Chúa.

I. NGHI THỨC THÁNH TẨY

Hiện nay Hội Thánh Công Giáo có nhiều bản văn phụng vụ dành cho việc cử hành Bí tích Thánh Tẩy hay Rửa tội. Tựu trung có ba mẫu nghi thức cho ba trường hợp khác nhau:

1) Nghi thức khai tâm cho người lớn:

Đối với những người đã trưởng thành muốn gia nhập đạo cần chuẩn bị từng bước theo ba giai đoạn:

- **Giai đoạn I:** gồm có nghi lễ *tiếp nhận dự tòng, xức dầu dự tòng* và *trừ tà*, dành cho những người mới học giáo lý trong thời gian dự tòng.

- **Giai đoạn II:** gồm có nghi thức *tuyển chọn, khảo hạch, trao kinh* và *trả kinh*, dành cho các dự tòng đã học xong giáo lý để họ được thanh tẩy và soi sáng, thường là vào mùa Chay.

- **Giai đoạn III:** nghi thức cử hành các bí tích khai tâm Kitô giáo: *Thánh Tẩy, Thêm Sức* và *Thánh Thể* trong đêm Vọng Phục sinh.

Ngoài ra phụng vụ của Hội Thánh cũng dự trù một ***nghi thức đơn giản gia nhập đạo của người lớn***, nghĩa là gồm một số nghi thức quan trọng của ba giai đoạn kia trong một cử hành phụng vụ.

2) Nghi thức gia nhập đạo của các trẻ nhỏ đã đến tuổi học giáo lý:

Nghi thức này áp dụng cho các em đã đến tuổi khôn học giáo lý trước khi xin gia nhập đạo. Nghi thức có sửa đổi đôi chút cho phù hợp với lứa tuổi, song cũng cử hành trong ba giai đoạn giống như nghi thức của người lớn, và cả ba bí tích khai tâm được ban trong một buổi cử hành.

3) Nghi thức ban Bí tích Thánh Tẩy hay Rửa Tội cho trẻ nhỏ:

Nghi thức Thánh Tẩy này áp dụng cho các trẻ em sơ sinh hoặc chưa tới tuổi khôn. Vai trò của cha mẹ và cộng đoàn được đề cao trong các cử hành này để đảm nhận nuôi nấng và dạy dỗ các em trong đức tin của Hội Thánh. Đối với trẻ em, Hội Thánh chỉ ban Bí tích Thánh Tẩy, còn Bí tích Thêm Sức sẽ ban khi các em đã khôn lớn (*trừ trường hợp nguy tử*), và dành quyền ban Bí tích Thêm Sức cho Đức giám mục Giáo phận để nói lên sự hiệp thông và liên kết với Hội Thánh.

Bù lại, ngay sau nghi thức Thánh Tẩy cho trẻ em có nghi thức xức dầu thánh (*dầu SC, khác với dầu dự tòng xức trên ngực của các em lúc khởi sự*) trên đỉnh đầu cũng là dấu chỉ báo trước Bí tích Thêm Sức sẽ được xức dầu thánh trên trán khi các em đã trưởng thành.

4) Nghi thức ban BT Thánh Tẩy khi nguy tử:

Thừa tác viên thông thường của Bí tích Thánh Tẩy là những người có chức thánh: giám mục, linh mục, và phó tế. Ngoài ra, trong *trường hợp khẩn cấp và nguy tử*, bất cứ ai, miễn là có ý ngay lành, cũng có thể ban Bí tích Thánh Tẩy theo nghi thức rất đơn giản: vừa đổ nước vừa đọc: “*Tôi rửa... nhân danh Cha và Con và Thánh Thần*”.

II. Ý NGHĨA CỬ HÀNH

Ý nghĩa và ân sủng của Bí tích Thánh Tẩy được trình bày rõ nét trong các nghi thức cử hành:

- **Dấu Thánh Giá** ở đầu nghi thức là dấu ấn quyền sở hữu của Chúa Kitô và biểu thị ơn cứu độ nhờ thánh giá.

- **Việc công bố Lời Chúa** soi sáng các chân lý mặc khải và việc đáp trả đức tin.

- **Lời nguyện trừ tà** nhằm giải thoát khỏi ách nô lệ của tội lỗi và ma quỷ để tuyên xưng đức tin của Hội Thánh.

- **Nước rửa tội** nhắc đến quyền năng của Chúa Thánh Thần làm cho dự tòng '*được tái sinh nhờ nước và Thánh Thần*' (Ga 3,5).

- **Dìm nước** hay đổ nước là nghi thức chính yếu của bí tích, biểu thị việc chết đi đối với tội lỗi và bước vào đời sống mới của Chúa Ba Ngôi.

- **Việc xúc dầu** biểu thị việc ban Thánh Thần cho người tân tòng. Đối với trẻ em, Hội Thánh không ban Bí tích Thêm Sức ngay nên có việc xúc dầu thánh trên đỉnh đầu thay vì trên trán:

“Trong phụng vụ của các Giáo Hội Đông Phương, việc xúc dầu sau Rửa Tội là Bí tích Xúc Dầu Thánh (*Thêm Sức*). Trong phụng vụ Rôma, việc này loan báo việc xúc dầu lần thứ hai mà giám mục sẽ trao ban là Bí tích Thêm Sức. Bí tích Thêm Sức '*chuẩn nhận*' và '*hòan tất*' việc xúc dầu khi Rửa

Tội” (*GLHTCG 1242*).

- **Áo trắng** tượng trưng việc ‘*mặc lấy Chúa Kitô*’ (*Gl 3,27*), và **đèn sáng** biểu thị Đức Kitô soi sáng đường đi lối bước của tân tòng.

III. AN SỬNG THÁNH TÂY

Hai hiệu quả chính của Bí tích Thánh Tây là thanh luyện tội lỗi và tái sinh trong Chúa Thánh Thần:

- **Được thứ tha tội lỗi**, gồm tội chung (*nguyên tổ*) và tội riêng (*cá nhân*) để chúng ta được trở nên trong sạch trước khi được tháp nhập vào Thiên Chúa là Đấng thánh. Dĩ nhiên, sự hướng chiều về điều xấu (*cái nôi của tội*) vẫn tồn tại, nhưng nó không có khả năng làm hại những ai không đồng tình, và chúng ta có thể chống lại nó nhờ ân sủng của Chúa.

- **Trở thành con Thiên Chúa**, bởi lẽ chúng ta tự bản chất chỉ là loài thụ tạo chứ không do Thiên Chúa sinh ra. Bí tích Thánh Tây làm cho chúng ta trở thành ‘*thụ tạo mới*’ (*2Cr 5,17*), ‘*được thông phần bản tính Thiên Chúa*’ (*2Pr 1,4*), thành chi thể

Đức Kitô (1Cr 6,15) và đồng thừa tự với Người (Rm 8,17), thành đền thờ Chúa Thánh Thần (1Cr 12,13).

- **Được gia nhập vào Hội Thánh**, nghĩa là trở thành chi thể trong thân thể nhiệm mầu của Chúa Kitô.

“Bí tích Thánh Tẩy đã trao cho người lãnh nhận những trách nhiệm và bổn phận, đồng thời cũng cho họ được hưởng những quyền lợi trong lòng Hội Thánh: được lãnh nhận các bí tích, được nuôi dưỡng bằng Lời Chúa và được Hội Thánh nâng đỡ bằng các trợ giúp thiêng liêng” (*GLHTCG 1269*)

- **Ở trong mỗi dây hiệp nhất các Kitô hữu**, nghĩa là trở nên anh chị em với nhau của con cùng một Cha trên trời. Dù họ ở trong một Giáo Hội không hoàn toàn hiệp thông với Hội Thánh Công Giáo, thì họ vẫn có quyền mang danh hiệu ‘*Kitô hữu*’ và xứng đáng được liên kết với mọi kẻ đã được tái sinh.

- **Ghi một dấu ấn thiêng liêng không thể tẩy xóa**, nghĩa là một ấn tích được ‘*đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô*’, một dấu ấn tái sinh làm con Thiên Chúa nên mãi mãi là con Thiên

Chúa cho dù có phản bội Người cũng không phải chịu lại lần thứ hai (*con ngoan hay con hư*).

Bí tích Thánh Tẩy là một ơn đức tin, chứ không phải do tự sức con người mà có thể đạt tới các ơn thiêng. Đức tin này gắn liền với đức tin của Hội Thánh. Đức tin cần có để được Rửa Tội chưa phải là đức tin hoàn hảo và trưởng thành, nhưng là một khởi đầu cần được tăng trưởng sau đó. Chính vì vậy, hàng năm trong đêm Vọng Phục sinh, Hội Thánh kêu gọi các tín hữu lập lại lời hứa Rửa tội.

IV. MỤC VỤ GIÁO LÝ

“Theo bản chất, việc Rửa Tội trẻ em đòi hỏi sau đó phải có một giai đoạn khai tâm Kitô giáo, không những dạy về Bí tích Thánh Tẩy, mà còn giúp triển nở ân sủng Bí tích Thánh Tẩy dựa theo sự tăng trưởng tự nhiên. Đó là giai đoạn dành cho Giáo lý”

(*GLHTCG 1231*)

1* Tiến trình khai tâm cho trẻ em:

Việc tách rời Thánh Tây ra khỏi Thêm Sức và Thánh Thể, dù khác với cách thực hành truyền thống nguyên thủy của Hội Thánh (*Giáo Hội Chính Thống vẫn giữ truyền thống này*), song nó cũng có lý do chính đáng. Việc hoãn ban Thêm Sức cũng là để kéo dài tiến trình khai tâm của các em, vì các em cần phải được phát triển và hoàn thiện theo thời gian cùng với việc học giáo lý sau này. Thánh Tây trẻ em là việc tái sinh làm con Thiên Chúa nên cần có thời gian để lớn khôn; và Thêm Sức chính là bí tích tăng trưởng, nhằm triển nở những ơn đã lãnh nhận khi xưa trong Bí tích Thánh Tây.

“Được sinh ra với bản tính con người đã sa ngã và hoen ố do nguyên tội, trẻ em cũng cần được sinh ra trong đời sống mới nhờ Bí tích Thánh Tây, để thoát khỏi quyền lực tội tằm và được hưởng tự do của con cái Thiên Chúa mà mọi người được mời gọi. Việc rửa tội cho trẻ em cho thấy Thiên Chúa ban ơn cứu độ hoàn toàn nhưng không. Nếu không cho các em lãnh nhận Bí tích Thánh Tây càng sớm càng tốt sau khi sinh, thì Hội Thánh và cha mẹ đã ngăn chặn các em lãnh

nhận ơn vô giá là được trở nên con cái Thiên Chúa. Các bậc cha mẹ Kitô hữu cần ý thức rằng việc rửa tội cho con cái phù hợp với vai trò nuôi dưỡng sự sống mà Thiên Chúa ủy thác cho họ”. (*GLHTCG 1250-1251*)

2* Thánh Thể trước Thêm Sức:

Thông thường các em sẽ lãnh nhận Bí tích Thánh Thể trước khi được Thêm Sức, đang khi Thánh Thể là đỉnh cao và hoàn tất tiến trình khai tâm Kitô giáo. Nếu ban Thêm Sức cho trẻ em khi đã trưởng thành về đức tin rồi mới cho Rước Lễ lần đầu thì các em sẽ bị thiệt thòi vì các em khoảng 7 tuổi đã nhận thức và ao ước được Mình Thánh Chúa nuôi dưỡng. Không nên nại đến trật tự của ba bí tích khai tâm mà từ chối không cho các em Rước Lễ.

3* Rước Lễ trọng thể:

Hiện nay có nhiều nơi tổ chức cho các thiếu niên Rước Lễ trọng thể sau khi đã Thêm Sức. Theo đó tiến trình khai tâm Kitô giáo của trẻ em chỉ kết thúc sau khi học xong giáo lý qua

việc Rước Lễ trọng thể (*Bao đồng*), và như vậy, Bí tích Thánh Thể vẫn là đỉnh cao và hoàn tất việc khai tâm Kitô giáo theo như cách thực hành truyền thống của Hội Thánh. Khi được *Rước Lễ trọng thể*, các em phải tự mình tuyên xưng đức tin như làm sống lại Bí tích Thánh Tẩy, và ý thức sứ mạng làm chứng cho Chúa Kitô của Bí tích Thêm Sức đã lãnh nhận, rồi mới lãnh nhận Bí tích Thánh Thể trong nghi thức Bao Đồng.

“Trong các nghi lễ Đông Phương, việc khai tâm Kitô giáo dành cho trẻ em bắt đầu với Bí tích Thánh Tẩy, liền sau đó là Thêm Sức và Thánh Thể; trong nghi lễ La-Tinh, việc khai tâm kéo dài trong nhiều năm học giáo lý và kết thúc với Thêm Sức và Thánh Thể là đỉnh cao” (*GLHTCG 1233*).

4* Hòa Giải trước Thánh Thể:

Còn một vấn đề nữa được đặt ra trong cách thực hành của Hội Thánh hiện nay trong tiến trình khai tâm cho trẻ em là có sự chen chân của Bí tích Hòa Giải: Xưng Tội lần đầu rồi mới Rước Lễ lần đầu. Khi cho các em Rước Lễ là lúc các em đã biết

phân biệt điều xấu điều tốt nên các em cũng cần phải ‘*xin lỗi*’ Chúa qua Bí tích Hòa Giải. Làm như thế là đang tập cho các em sống đức tin của mình trong tiến trình sám hối của việc khai tâm Kitô giáo. Muốn làm con Chúa tốt thì trước tiên phải làm người tốt. Xung tội là cụ thể hóa tâm tình sám hối của trẻ em trước những việc làm sai trái trong đời sống làm người. *Thành nhân* trước khi *thành thiên* là như vậy.

Bí tích Thánh Tẩy là bí tích đức tin cần thiết để được cứu độ, là cửa ngõ dẫn vào đời sống Kitô giáo, phải được Rửa Tội rồi thì mới được lãnh nhận các bí tích khác.

TÓM LƯỢC:

1 H. Phụng vụ Thánh Tẩy là gì?*

-T. Phụng vụ Thánh Tẩy là ban ơn tái sinh làm con Thiên Chúa và Hội Thánh qua việc thừa tác viên đổ nước và rửa nhân danh Ba Ngôi Thiên Chúa.

2 H. Nghi thức Thánh Tẩy trẻ em được cử hành thế nào?*

-T. Nghi thức Thánh Tẩy trẻ em khởi đầu bằng việc tiếp nhận

và xúc dầu dự tòng, lời cầu chung, làm phép nước, tuyên xưng đức tin rồi đổ nước và đọc lời Rửa Tội, sau cùng là mặc áo trắng và trao đèn sáng.

3 H. Nghi thức Thánh Tẩy người lớn được cử hành thế nào?*

-T. Nghi thức Thánh Tẩy người lớn thường được cử hành theo ba giai đoạn: một là tiếp nhận làm dự tòng, hai là được tuyên chọn và trao kinh, ba là lãnh nhận các bí tích khai tâm.

3 H. Bí tích Thánh Tẩy đem lại cho ta những ơn gì?*

-T. Bí tích Thánh Tẩy đem lại cho ta ơn tha thứ tội lỗi để tái sinh làm con Thiên Chúa giữa lòng Hội Thánh.

CẦU NGUYỆN:

Lạy Chúa Giêsu,
xin hãy ca hát và hãy nói cho con
về Thiên Chúa là Cha của Ngài:
Lời nói của Ngài sẽ cứu độ con,
bài ca của Ngài sẽ giáo dục con.
Cho tới hôm nay,

con lang thang mò mẫm đi tìm Thiên Chúa.
Nhưng nhờ Ngài dẫn dắt,
lạy Chúa, nhờ Ngài con tìm thấy Thiên Chúa.
Từ Ngài, con đã đón nhận Chúa Cha,
và trở thành đồng thừa tự,
bởi Ngài đã không tỏ ra xấu hổ vì đứa em của Ngài.
(Protrepique II, 113,4-5)

Bài 9:

PHỤNG VỤ THÊM SỨC

“Nhờ ơn Bí tích Thêm Sức, các tín hữu gắn bó với Hội Thánh cách hoàn hảo hơn và được dư đầy sức mạnh đặc biệt của Chúa Thánh Thần; do đó, họ càng có bổn phận khẩn thiết hơn phải loan truyền và bảo vệ đức tin bằng lời nói và việc làm, như những chứng nhân đích thực của Chúa Kitô (*LG 11*)” (*GLHTCG 1285*)

Phụng vụ Thêm Sức là việc đức giám mục hay thừa tác viên linh mục *đặt tay, xức dầu thánh* và *đọc lời Thêm Sức* để ban ơn Thánh Thần.

I. NGHI THỨC THÊM SỨC

Trong những thế kỷ đầu, Giáo Hội thường ban Thánh Tẩy cho người lớn nên Thêm Sức gắn liền với Thánh Tẩy, đến nỗi

thời đó chưa có danh từ chuyên môn để chỉ bí tích Thêm Sức, mà chỉ biết Thánh Tẩy là được đặt tay (*và xúc dầu*) ban Thánh Thần ngay sau đó.

Vào những thế kỷ sau (V-XII), khi Giáo Hội phát triển, việc Rửa Tội được cử hành ở các họ đạo nhưng việc đặt tay và xúc dầu ban Thánh Thần lại dành cho giám mục để biểu thị sự hiệp thông trong Hội Thánh.

Mặc dù Bí tích Thêm Sức được cử hành độc lập song vẫn gắn liền với Bí tích Thánh Tẩy qua các diễn tiến sau đây:

1) Tuyên xưng đức tin Thánh Tẩy:

“Khi Bí tích Thêm Sức được cử hành tách khỏi Bí tích Thánh Tẩy như trong nghi lễ Rôma, phụng vụ bí tích bắt đầu bằng việc lặp lại lời hứa khi lãnh nhận Bí tích Thánh Tẩy và việc tuyên xưng đức tin của người sắp nhận Bí tích Thêm Sức. Điều này nhấn mạnh Bí tích Thêm Sức đi liền với Bí tích Thánh Tẩy (x. PV 7). Khi một người trưởng thành chịu Bí tích Rửa Tội, họ sẽ lãnh nhận ngay sau đó Bí tích Thêm

Sức và tham dự vào Bí tích Thánh Thể” (*GLHTCG 1298*).

- Đức giám mục mời gọi:

“Vậy giờ đây trước khi lãnh nhận Chúa Thánh Thần, các con hãy tuyên xưng đức tin mà chính các con hay cha mẹ và những người đỡ đầu đã cùng với Hội Thánh tuyên xưng, khi các con lãnh nhận Bí tích Thánh Tẩy” (*Nghi thức bí tích Thêm Sức*).

- Lời hứa khi chịu Bí tích Rửa Tội là tuyên hứa từ bỏ ma quỷ, tội lỗi và cám dỗ, đồng thời tuyên xưng đức tin vào một Thiên Chúa duy nhất có Ba Ngôi.

- Đức giám mục kết luận:

“Đó là đức tin của chúng ta, đó là đức tin của Hội Thánh, chúng ta hãnh diện tuyên xưng đức tin ấy trong Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta”.

2) Lời nguyện xin Chúa Thánh Thần:

Phụng vụ Rôma có một lời nguyện xin Chúa Thánh Thần trước khi bắt đầu nghi thức chính yếu của Bí tích Thêm Sức.

Đức giám mục vừa đọc lời nguyện, vừa đặt tay trên những người sắp Thêm Sức. Cử chỉ này tuy không phải là dấu chỉ cốt yếu của Bí tích Thêm Sức nhưng lại cần thiết để hiểu ý nghĩa việc trao ban Thánh Thần. Các linh mục phụ giúp giám mục xúc dầu cũng tham gia việc đặt tay này.

“Lạy Thiên Chúa toàn năng, là Cha Đức Giêsu Kitô Chúa chúng con, Chúa đã tái sinh các tôi tớ Chúa đây bởi nước và Thánh Thần khi giải thoát họ khỏi tội lỗi, thì lạy Chúa, xin ban Chúa Thánh Thần, Đấng An Ủi đến trong những người này; xin ban cho họ thần trí khôn ngoan và thông hiểu, thần trí lo liệu và sức mạnh, thần trí suy biết và đạo đức; xin ban cho những người này đây ơn kính sợ Chúa. Nhờ Đức Kitô, Chúa chúng con”.

3) Đặt tay và xúc dầu thánh:

- Nghi thức chính yếu của Bí tích Thêm Sức *được trao ban bằng việc xúc dầu thánh trên trán, đồng thời với việc đặt tay và đọc lời này: ‘... Hãy nhận lấy ấn tín ơn Chúa Thánh Thần’* (GLHTCG 1300).

“Truyền thống công giáo đã làm đúng, khi coi việc đặt tay là nguồn gốc của Bí tích Thêm Sức, là phương thế lưu truyền hồng ân Thánh Thần trong Hội Thánh. Để biểu thị rõ hồng ân Thánh Thần, ngoài việc đặt tay, Hội Thánh đã sớm thêm nghi thức Xúc Dầu. Việc xúc dầu này làm nổi bật danh xưng Kitô hữu là ‘*người được xúc dầu*’; danh xưng bắt nguồn từ chính Đức Kitô, ‘*Đấng được Thiên Chúa dùng Thánh Thần mà xúc dầu tấn phong*’ (Cv 10,38). Nghi thức Xúc Dầu này được giữ đến nay trong nghi lễ Đông cũng như Tây Phương. Giáo Hội Đông Phương gọi bí tích này là Bí tích Dầu Thánh. Giáo Hội La Tinh gọi là Bí tích Thêm Sức, vì bí tích này vừa xác nhận Bí tích Thánh Tẩy, vừa củng cố ân sủng Thánh Tẩy”. (GLHTCG 1289)

- Có một nghi thức quan trọng và gắn liền với Bí tích Thêm Sức nhưng được cử hành trước, đó là nghi thức thánh hiến dầu do giám mục cử hành vào sáng ngày thứ Năm Tuần Thánh.

- Sau khi trao ban bí tích, giám mục chúc bình an: “Bình an của Chúa ở cùng con” để diễn tả sự hiệp thông trong Hội Thánh giữa vị giám mục với toàn thể tín hữu.

II. Ý NGHĨA VÀ ÂN SỦNG THÊM SỨC

“Hiệu quả của Bí tích Thêm Sức là người tín hữu được nhận Chúa Thánh Thần một cách đặc biệt, như ngày xưa các tông đồ đã nhận được trong ngày lễ Ngũ Tuần” (*GLHTCG 1303*).

Khi chịu Thánh Tẩy, người Kitô hữu đã đón nhận Chúa Thánh Thần, nguồn gốc sự sống mới, nhưng ơn Thánh Thần phát triển tuần tự theo thời gian và sự tăng trưởng của đức tin Kitô hữu. Cũng như Chúa Giêsu ngay từ giây phút hiện hữu đầu tiên đã sống dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, nhưng mãi tới ngày hoạt động công khai thì Chúa Thánh Thần

mới hiện xuống để chính thức công bố sứ mệnh của Người. Ngay từ buổi chiều lễ Vượt Qua, Hội Thánh đã đón nhận Chúa Thánh Thần, nhưng mãi tới buổi sáng lễ Ngũ Tuần, Chúa Thánh Thần mới làm cho Hội Thánh hoạt động công khai. Thế nên có thể nói màu nhiệm Vượt Qua là lễ Rửa Tội của Hội Thánh và ngày Hiện Xuống là lễ Thêm Sức của Hội Thánh.

Bí tích Thêm Sức làm tăng trưởng và đào sâu ơn Bí tích Thánh Tẩy:

- Giúp chúng ta đi sâu vào tình nghĩa tử gọi Thiên Chúa là Cha (*Rm 8,15*).
- Giúp kết hiệp mật thiết với Chúa Kitô hơn.
- Gia tăng các ơn Chúa Thánh Thần trong chúng ta.
- Giúp liên kết trọn vẹn với Hội Thánh hơn.
- Giúp làm chứng cho Chúa Kitô.

Bí tích Thêm Sức **ghi một ấn tích thiêng liêng** của Chúa Thánh Thần không thể tẩy xóa nên chỉ chịu một lần (*dấu ấn trưởng thành*).

III. NGƯỜI BAN VÀ NGƯỜI NHẬN

- **Thừa tác viên thông thường** của Bí tích Thêm Sức là Đức Giám Mục. Ngoài ra những linh mục nào được ủy quyền có thể ban Bí tích Thêm Sức hoặc khi linh mục Rửa Tội cho người lớn, thì cứ sự thường, được quyền ban Bí tích Thêm Sức ngay sau đó, hoặc khi có người tín hữu nào đang nguy tử mà chưa nhận Bí tích Thêm Sức.

- **Trẻ em đến tuổi biết phán đoán** (*không hẳn là tuổi trưởng thành*) được quyền lãnh nhận Bí tích Thêm Sức, hoặc trong trường hợp nguy tử, Hội Thánh vẫn ban bí tích này cho trẻ em dù chưa đến tuổi biết phán đoán. Như thế **người lớn** khi lãnh nhận Bí tích Thánh Tẩy thì phải được lãnh nhận Bí tích Thêm Sức là một trong ba bí tích khai tâm Kitô giáo.

“Thiếu Bí tích Thánh Thể và Thêm Sức, Bí tích Thánh Tẩy chắc chắn thành sự và hữu hiệu, nhưng việc khai tâm Kitô giáo chưa trọn vẹn” (*GLHTCG 1306*).

- **Để lãnh nhận Bí tích Thêm Sức**, người tín hữu phải hiểu

biết giáo lý, phải ở trong tình trạng ân sủng, nghĩa là sạch tội. Cũng như Bí tích Thánh Tẩy, nên có một người đỡ đầu để được trợ giúp trong đời sống thiêng liêng, nên chọn chính người đỡ đầu Rửa Tội để nhấn mạnh sự thống nhất của hai bí tích này.

IV. MỤC VỤ GIÁO LÝ

1* Chỉ một Chúa, một đức tin và một phép Rửa.

Cần giúp các em nhận thức đức tin khi lãnh nhận Bí tích Thêm Sức cũng là đức tin của Bí tích Thánh Tẩy khi xưa. Đức tin của các em khi xưa không phải là hành vi cá nhân nhưng là đức tin của Hội Thánh. Chính trong đức tin đó mà các em đã được Rửa Tội, được tiếp tục nuôi dưỡng. Trước khi nhận Bí tích Thêm Sức, các em phải tự mình tuyên xưng đức tin. Khi tuyên xưng lại đức tin Thánh Tẩy là giúp các em ý thức điều đã cam kết ngày xưa bây giờ trở sinh hoa trái khi nhận Bí tích Thêm Sức.

2* Đức tin tông truyền:

Cử chỉ đặt tay ban Bí tích Thêm Sức, nhất là do chính đức

giám mục ban, luôn mang tính tông truyền. Đức tin mà các em vừa tuyên xưng không phải do một ai đó nghĩ ra, nhưng được truyền lại từ các tông đồ qua cử chỉ đặt tay trên những giám mục kế vị. Các tông đồ là những chứng nhân trực tiếp của mầu nhiệm Tử Nạn và Phục sinh của Chúa Kitô. Xác tín đó được truyền lại đến chúng ta ngày nay, trước sau như một, vì tính tông truyền của Hội Thánh.

3* Học giáo lý là việc khai tâm Kitô giáo:

Cần giúp các em sắp xếp Thêm Sức hiểu rõ Truyền thống Đông Phương và Tây Phương khác nhau, nguyên thủy Thánh Tẩy và Thêm Sức là một *‘bí tích kép’* (thánh Síp-ri-a-nô), nhưng dần dần giám mục không thể hiện diện nên đưa đến hai cách giải quyết. Nghi lễ Đông Phương vẫn giữ thói quen kết hợp hai bí tích trên và ban quyền Thêm Sức cho linh mục rửa tội trẻ em cũng như người lớn. Trong việc Rửa Tội trẻ em, nghi lễ Tây Phương tách ra để dành quyền cho giám mục và để cho thấy họ liên kết với Hội Thánh; bù lại, xúc dầu 2 lần: lần đầu

xức dầu thánh trên đỉnh đầu do linh mục rửa tội để biểu thị sự tham dự vào ba chức năng của Đức Kitô, lần thứ hai do giám mục xức trên trán để kiện toàn ân sủng Thánh Tẩy (x. *GLHTCG* 1290).

Liên kết Thêm Sức với Thánh Tẩy để các em hiểu tiến trình khai tâm Kitô giáo của truyền thống Hội Thánh tiên khởi, và việc tách Thêm Sức ra khỏi Thánh Tẩy cũng vì khi xưa các em còn sơ sinh nên phải chờ học giáo lý để lãnh Bí tích Thêm Sức như để kết thúc tiến trình khai tâm.

4* Dầu ấn trưởng thành:

Khi lãnh nhận Thêm Sức, các em được gọi là “*những người được xức dầu*”, được tham dự tích cực vào sứ mạng Chúa Kitô, và tràn đầy Thánh Thần để đời sống các em tỏa hương thơm Chúa Kitô. Ấn tín Chúa Thánh Thần nhắc nhở các em từ nay hoàn toàn thuộc về Chúa Kitô, sẽ không phai mờ nên chỉ chịu Thêm Sức một lần trong đời.

Nếu Bí tích Thánh Tẩy nhấn mạnh đến việc tha tội và ơn làm con Thiên Chúa, thì Bí tích Thêm Sức là chìa khoá mở cho chúng ta kho tàng hồng ân của Chúa Thánh Thần, và làm cho chúng ta trở thành những phần tử can đảm và nhiệt thành của Hội Thánh truyền giáo.

TÓM LƯỢC:

1 H. Phụng vụ Bí tích Thêm Sức là gì?*

-T. Phụng vụ Thêm Sức là việc đức giám mục hay thừa tác viên linh mục *đặt tay, xức dầu thánh và đọc lời Thêm Sức* để ban ơn Thánh Thần.

2 H. Nghi thức chính yếu của Bí tích Thêm Sức là gì?*

-T. Nguyên thủy từ thời các tông đồ, cử chỉ chính yếu khi Thêm Sức là việc đặt tay, rồi Hội Thánh đã sớm thêm vào bí tích này việc xức dầu thánh và lời đọc: *“Hãy nhận lấy ấn tín ơn Chúa Thánh Thần”*.

3 H. Bí tích Thêm Sức ban cho ta những ơn gì?*

-T. Bí tích Thêm Sức không ban cho ta những gì mới nhưng là làm triển nở những ơn đã lãnh nhận trong Bí tích Thánh Tẩy. Đó là đi sâu vào tình nghĩa tử với Thiên Chúa là Cha trong Đức Kitô, Con Thiên Chúa, và nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần mà rao giảng và làm chứng cho điều mà mình đã lãnh nhận.

CẦU NGUYỆN:

Lạy Thánh Thần Thiên Chúa, Tình Yêu rất tinh tuyền!

Xin hãy xuống trong đêm đen tăm tối của chúng con,

vì ước muốn đang cầm giữ,

niềm đau đang dẫn dắt chúng con.

Lạy Thánh Thần bình an, Tình Yêu rất tinh tuyền!

Hỡi Tình Yêu đơn nhất,

Xin biến chúng con thành mỗi ngon của Ngài,

Xin uốn nắn tính kiêu ngạo,

băng bó các vết thương của chúng con.

Bằng sức mạnh của Ngài, xin đến thiêu đốt chúng con.

Hỡi làn hơi Thiên Chúa, ngọn lửa ban niềm vui!

Lạy Thánh Thần Thiên Chúa, Tình yêu rất tinh tuyền!
Xin hãy xuống trong đêm đen tâm tối của chúng con,
vì xác thịt đang cầm giữ, thời gian đang dẫn vạt chúng con.
Lạy Thánh Thần trời cao, Tình yêu rất tinh tuyền!
(Jean-Claude Renard)

Bài 10:

PHỤNG VỤ THÁNH THỂ

“Bí tích Thánh Thể hoàn tất tiến trình khai tâm...*(đồng thời)* là nguồn mạch và tột đỉnh của đời sống Kitô hữu”
(*GLHTCG 1322.1324*)

Bí tích Thánh Thể là dấu chỉ Chúa Giêsu đã lập để tiếp tục hy lễ thập giá và để ban Mình Máu Người dưới hình bánh rượu làm của nuôi thiêng liêng cho con người.

“*Eucharistia*” là tiếng Hy Lạp có nghĩa: “*tạ ơn*”. Những Kitô hữu tiên khởi đã dùng từ này để chỉ Bí tích Thánh Thể. Việc cử hành mầu nhiệm Chúa Giêsu chịu chết và sống lại vào mỗi ngày Chúa Nhật đối với các Kitô hữu tiên khởi là một nghi lễ ‘*tưởng niệm và tạ ơn*’. Các bí tích khác chuyển ơn cứu độ, trong khi đó Bí tích Thánh Thể ban cho chúng ta chính Chúa là

nguồn ơn cứu độ.

I. THIẾT LẬP BÍ TÍCH THÁNH THỂ

Chúa Giêsu đã thiết lập Thánh Thể trong khung cảnh một bữa ăn. Bữa ăn là một nơi người ta có thể dễ dàng ngồi sát bên nhau, trao đổi lời nói và tâm tình, gạt bỏ mọi chuyện để sống cho nhau: *‘Trời đánh còn tránh bữa ăn’* là như vậy.

Đức Giêsu chọn lễ Vượt Qua để thực hiện điều Người báo trước là ban Mình và Máu Người làm của ăn nuôi sống linh hồn các môn đệ (*Lc 22,7-20; Mt 16,17-29; Mc 14,12-25; 1Cr 11,23-26;*). Vào cuối tiệc, Đức Giêsu làm một cử chỉ báo trước hy tế thập giá mà Người sẽ dâng ngày hôm sau bằng cách cầm lấy bánh và rượu biến đổi thành Thịt và Máu Người làm lễ vật dâng lên Chúa Cha, rồi bẻ ra phân chia cho các môn đệ. Như thế Đức Giêsu muốn để lại cho Hội Thánh một hy tế hữu hình vì bản tính con người cần như vậy. Hy tế đâm máu đã được thực hiện một lần duy nhất trên thập giá sẽ được cử hành luôn mãi, đem lại ơn cứu độ cho con người.

Ngày nay, Chúa Giêsu vẫn còn *'ao ước'* mừng lễ Vượt qua này với chúng ta. Bí tích Thánh Thể là *'lời hứa'* về bữa tiệc cuối cùng khi Chúa trở lại trong vinh quang ngày tận thế. Lời hứa này, Đức Giêsu đã bắt đầu thực hiện mỗi ngày trong Thánh Lễ để tưởng niệm cuộc Tử Nạn và Phục Sinh của Người, để bảo đảm sự sống đời đời cho những ai tiếp rước Mình và Máu Chúa với đức tin và lòng mến. Người truyền cho các môn đệ cử hành bí tích này cho đến tận thế để nhớ đến việc được giải thoát khỏi tội lỗi. Việc tưởng niệm cái chết và sự sống lại của Chúa Giêsu bao gồm cả quá khứ, hiện tại và tương lai, bởi vì từ khi Chúa Giêsu sống lại toàn thắng sự chết và tội lỗi thì Nước Trời đã hiện diện giữa chúng ta. Hơn 20 thế kỷ nay, Hội Thánh sống bằng sự hiện diện của Chúa Giêsu trong Bí tích Thánh Thể, khi an vui cũng như khi thử thách, và Hội Thánh còn ăn Bánh cực thánh và uống Chén cứu độ này cho đến ngày Chúa Kitô trở lại.

“Trong bữa tiệc sau hết, vào đêm bị nộp, Đấng Cứu Chuộc chúng ta đã thiết lập Hy Tế Tạ Ơn bằng Mình và Máu Người,

đề nhờ đó, Hy Tế Khô Giá kéo dài qua các thời đại cho tới khi Người lại đến, và cũng đề ủy thác cho Hiền Thê yêu quý của Người là Hội Thánh tưởng nhớ sự chết và phục sinh của Người: đây là bí tích tình yêu, dấu chỉ hiệp nhất, mối dây bác ái, bữa tiệc Vượt Qua. Trong tiệc này, chúng ta nhận được Chúa Kitô làm của ăn, được tràn đầy ân sủng và được bảo đảm vinh quang tương lai” (PV 47).

II. CHÚA KITÔ HIỆN DIỆN TRONG THÁNH THỂ

- “Đức Giêsu Kitô, Đấng đã chết, đã sống lại và đang ngự bên hữu Thiên Chúa mà chuyển cầu cho chúng ta” (Rm 8,34). Tuy nhiên, đối với Hội Thánh, Người vẫn hiện diện dưới nhiều hình thức: Lời Chúa, kinh nguyện, người nghèo, Phụng Vụ, bí tích, thừa tác viên... nhưng đặc biệt là trong Thánh Thể dưới hình bánh và rượu. Khi linh mục cầm lấy bánh rượu, đọc lời Truyền Phép thì không phải Chúa Giêsu đến thay thế bánh rượu nhưng chính bánh rượu đã *biến đổi* thành Thịt Máu Chúa. Linh mục đọc lời Truyền Phép nhưng hiệu quả và ân sủng là do

quyền năng Chúa Thánh Thần. Chính lời “*Này là Mình Thầy...*” biến đổi lễ vật thành chính Chúa Kitô.

- Chúa Kitô hiện diện trong Thánh Thể bao lâu hình bánh rọu còn tồn tại. Chúa Kitô hiện diện trọn vẹn trong hình bánh hoặc hình rọu, và trong bất cứ phần nhỏ bé nào cũng có trọn vẹn Chúa Kitô.

“Cách thức Đức Kitô hiện diện dưới hai hình Thánh Thể là cách độc nhất vô nhị. Người đặt Bí tích Thánh Thể trên mọi bí tích để trở nên ‘*như sự trọn hảo của đời sống thiêng liêng và cùng đích của mọi bí tích*’ (Tôma Aquinô, *Tổng luận Thần học 3,73,3*). Trong bí tích cực thánh, ‘*có sự hiện diện đích thực, thực sự và bản thể của Mình và Máu Đức Kitô, cùng với linh hồn và thiên tính của Người, nghĩa là Đức Kitô trọn vẹn*’ (CĐ Trentô, *DS 1651*). ‘Sự hiện diện này được gọi là ‘*thực sự*’, không có nghĩa là Đức Kitô không hiện diện thực sự trong những cách khác; nhưng đây là cách hiện diện đầy đủ nhất vì là sự hiện diện bản thể, và nơi đây có Đức Kitô, vừa là

Thiên Chúa vừa là con người, hiện diện trọn vẹn' (MF 39)''
(GLHTCG 1374)

- Hội Thánh còn bảo quản Mình Thánh Chúa trong Nhà Tạm để cho các tín hữu tôn thờ, hầu có sẵn Thánh Thể cho các bệnh nhân và những người vắng mặt không dự lễ.

III. HIỆU QUẢ VIỆC ĐÓN NHẬN THÁNH THỂ

Chúa Giêsu khẩn thiết mời gọi chúng ta đón rước Người trong Bí tích Thánh Thể: *“Thật, Tôi bảo thật các ông: nếu các ông không ăn Thịt và uống Máu Con Người, các ông không có sự sống nơi mình”* (Ga,53). Để chuẩn bị cho giây phút cực trọng này, chúng ta phải xét mình (1Cr 11,27-29), ai biết mình đang mắc tội trọng thì phải lãnh nhận Bí tích Giao Hòa (Giải Tội) trước khi rước lễ, phải giữ chay Thánh Thể (kiêng ăn uống trước một giờ), và khiêm tốn xin Chúa biến đổi tâm hồn mình cho xứng đáng (Mt 8,8).

- **Việc rước lễ giúp tăng triển sự hiệp thông với Chúa Kitô.** Sự hiệp nhất với Chúa Giêsu đã bắt đầu trong Thánh Tẩy,

nay đạt tới đỉnh cao trong Thánh Thể qua việc tiếp rước Mình Thánh Chúa. Như của ăn vật chất mang lại sự sống cho thân xác thể nào, thì việc rước lễ cũng đem lại sự sống kỳ diệu cho đời sống thiêng liêng như vậy. Một khi đã hiệp nhất với Chúa Giêsu, đời sống tâm linh của chúng ta trở nên vững mạnh, giúp vượt thắng xa lánh tội lỗi.

- Sự hiệp nhất với Chúa Giêsu trong Thánh Thể đưa tới sự hiệp nhất giữa các tín hữu với nhau, làm nên Hội Thánh (1Cr 10,16-17). Trong Bí tích Thánh Thể, chúng ta được mời gọi trở thành một thân thể duy nhất mà Đức Kitô là Đầu, còn chúng ta là chi thể, vì cùng chia sẻ một tấm bánh là thân mình Chúa Giêsu.

- Bí tích Thánh Thể là một bảo chứng chắc chắn cho vinh quang Nước Trời sau này, cho việc phục sinh thân xác cát bụi của chúng ta.

IV. Ý NGHĨA PHỤNG VỤ THÁNH THỂ

Cử hành Thánh Thể hay phụng vụ Thánh Lễ là một, vì bí tích

Thánh Thể được cử hành trong thánh lễ. Thánh lễ là việc Chúa Giêsu dâng mình cho Chúa Cha qua hy tế thập giá để hòa giải và kêu cầu ơn cứu độ cho nhân loại.

1) Thánh Thể – hy tế tạ ơn

Thánh lễ hay cử hành Thánh Thể là hy tế tạ ơn của Chúa Kitô dâng lên Chúa Cha, và cũng là lời chúc tụng mà Hội Thánh dâng lên Thiên Chúa để tỏ lòng tri ân vì mọi điều thiện hảo Người đã thực hiện qua công trình sáng tạo, cứu chuộc và thánh hóa. Bí tích Thánh Thể tụ họp các tín hữu thành cộng đoàn và làm thành Hội Thánh. Chính vì thế, Hội Thánh đòi buộc các tín hữu phải tích cực tham dự thánh lễ Chúa Nhật.

2) Thánh Thể – hy tế tưởng niệm:

Thánh Thể là một hy tế vì là lễ tưởng niệm cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, và là hy tế độc nhất và độc hữu của Chúa Giêsu đã được dâng một lần thay cho tất cả. Tất cả những hành vi cử chỉ của Đức Giêsu Kitô, xét về nhân tính, đã diễn ra và đã trôi vào quá khứ nên chúng không bao giờ làm lại nữa và cũng

chẳng bao giờ có thể làm lại được, ngoài việc tưởng niệm. Tuy nhiên, Đức Giêsu cũng là Thiên Chúa nên hành động của Chúa Giêsu luôn luôn là hiện tại, không có quá khứ và cũng chẳng có tương lai. Vì thế, qua cử hành Phụng vụ, hành vi dâng lễ của Chúa Giêsu ngày xưa bây giờ đi vào không gian và thời gian của ta cách mẫu nhiệm. Tưởng niệm không chỉ là nhớ lại những biến cố đã qua, mà còn là loan báo những kỳ công Thiên Chúa đã thực hiện cho loài người, vì khi cử hành Phụng Vụ, những biến cố này hiện diện sống động giữa cộng đoàn.

“Bí tích Thánh Thể tưởng niệm cuộc Vượt qua của Đức Kitô, hiện tại hóa và dâng tiến cách bí tích hy tế duy nhất của Người trong Phụng Vụ của Hội Thánh là Thân Thể Người. Trong các kinh nguyện Thánh Thể và phần hiến thánh, bao giờ cũng có một kinh Tưởng Niệm” (*GLHTCG 1362*).

3) Thánh Thể – hy tế hiện diện

Thánh Lễ là sự hiện diện của Đức Kitô ở trong hành vi cứu độ duy nhất là hy lễ thập giá ngày xưa trở thành một thực tại ở

trong đời sống chúng ta. Thánh lễ không thể là một hy tế mới, một hy tế nữa, một hy tế làm lại lần thứ hai, thứ ba, thứ 100 sau hy tế đã dâng thời Philatô. Có hàng triệu thánh lễ nhưng vẫn chỉ là một hy lễ độc nhất đã dâng, bây giờ đi vào đời sống chúng ta. Tóm lại, Thánh lễ là một hy tế vì hiện tại hóa hy tế thập giá, vì tưởng niệm và ban phát hiệu quả của hy tế thập giá.

“Hy tế thập giá và hy tế Thánh Thể chỉ là một. Lễ vật duy nhất là Đức Kitô, xưa chính Người dâng trên thập giá, nay được dâng lên nhờ thừa tác vụ linh mục. Chỉ khác biệt ở cách dâng: “Vì trong hy lễ thần linh được cử hành trong thánh lễ, chính Đức Kitô, Đấng đã một lần dâng mình bằng cách đổ máu trên bàn thờ thập giá, cũng hiện diện và được sát tế mà không đổ máu, nên hy tế này thực sự có giá trị đền tội” (*GLHTCG 1367*).

Trong đêm bị nộp, Chúa Giêsu đã làm một cử chỉ bẻ bánh báo trước hy lễ thập giá. Việc tưởng niệm đi trước biến cố này làm cho cái chết thực sự hiện diện trên bàn thờ trong một biểu

tượng: Bánh bẻ ra chính là thân thể bị hủy tế vì ta, và rượu trong chén chính là Máu Chúa Giêsu đổ ra làm lễ hy sinh Thánh Thể, nhờ đó hy sinh thập giá được tiếp tục qua mọi thời đại cho tới khi Người đến.

4) Thánh Thể – hy tế của Hội Thánh.

Hy tế của Đức Kitô hiện diện trên bàn thờ đem lại cho muôn thế hệ Kitô hữu khả năng được kết hợp với lễ dâng của Người. Toàn thể Hội Thánh kết hiệp với Chúa Kitô trong việc hiến dâng và chuyển cầu. Kinh Nguyện Thánh Thể có nhắc tới vai trò của Đức Maria và các thánh như là những trung gian chuyển cầu. Thực ra, chỉ có một Đấng Trung Gian duy nhất là Đức Giêsu, còn tất cả đều là tham dự vào chức vụ trung gian của Người.

Trong Kinh Nguyện Thánh Thể, ngoài việc tạ ơn, chúng ta còn xin ơn, cầu cho Đức Giáo Hoàng, Đức Giám Mục... Không phải chỉ những tín hữu còn tại thế, mà cả những người đã qua đời, dù đã được hưởng Mặt Chúa hay chưa cũng được kết hợp

với hy tế của Chúa Kitô.

“Chúng ta tin rằng các linh hồn sẽ được hưởng nhiều ơn ích nếu chúng ta cầu cho họ khi Đức Kitô, Chiên Hy Tế cực thánh cực trọng đang hiện diện...Khi khẩn cầu cho những người đã an giấc, dù họ còn là tội nhân, chúng ta đã dâng lên Thiên Chúa chính Đức Kitô, Đấng đã hiến mình vì tội lỗi chúng ta, để Người giao hòa họ và chúng ta với Thiên Chúa, Đấng yêu thương con người”

(T. Syrilô, GM Giêrusalem).

V. MỤC VỤ GIÁO LÝ

1* **Tám bánh bẻ ra:**

Lời Truyền Phép của linh mục biến đổi bánh và rượu thành Thánh Thể, và cũng là lời mời gọi mỗi tín hữu hãy làm như Chúa đã làm. Đó là hiến thân mình làm của lễ dâng tiến Thiên Chúa, làm *tám bánh bẻ ra* cho mọi người hưởng dùng. Đó là ‘*bẻ mình*’ cho tha nhân để trở thành kẻ ‘*bị ăn*’ trong thánh lễ cuộc đời.

2* Tham dự thánh lễ:

Thánh lễ không chỉ là tưởng niệm mà còn là hiện tại hóa hy tế Thánh Thể. Nếu chỉ là tưởng niệm thì hàng năm chỉ cần tham dự thánh lễ Tuần Thánh là đủ, nhưng không, cái chết và sự sống lại của Chúa đang đi vào cuộc sống của tôi hôm nay một cách màu nhiệm qua việc Hội Thánh cử hành Thánh Thể. Tham dự thánh lễ là đang dự phần vào hy tế của Chúa và đang đón nhận sức sống từ bàn tiệc Thánh Thể, chứ không phải chỉ dành ít phút để tưởng nhớ.

3* Biến đổi nhờ Thánh Thể:

Không có một cử hành phụng vụ nào có một vị trí quan trọng và trở nên đỉnh cao của đời sống tín hữu bằng Thánh Lễ. Thánh lễ là nguồn sức mạnh cho đời sống Kitô hữu vì sự hiện diện của Chúa biến đổi chúng ta nên con người mới. Chúa hiện diện bằng nhiều cách nhưng không có cách nào đầy đủ ý nghĩa cho bằng Thánh Thể. Rước Lễ để được trở nên *đồng hình đồng dạng* với Chúa Kitô, để các hành động của chúng ta mang đậm

dấu ấn của Chúa Thánh Thần, như lời khẳng định của thánh Phaolô: *“Tôi sống nhưng không phải là tôi mà là Chúa Kitô sống trong tôi”* (Gl 2,20).

4* Lễ vật dâng Chúa:

Đời sống Kitô hữu chính là chất liệu của thánh lễ. Thánh lễ không phải là những nghi thức không ăn nhập gì với đời thường, trái lại, những gì chúng ta đang sống sẽ vừa được nuôi dưỡng, vừa mang giá trị đích thức nhờ việc siêng năng tham dự thánh lễ. Trong Thánh lễ chúng ta nghe Chúa nói *“Hãy nhận lấy mà ăn!... Hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy”*. Hãy làm như Chúa đã làm, nghĩa là đến lượt chúng ta cũng hãy nói với người anh chị em của mình rằng: *“Hãy nhận lấy mà ăn!”*. Chấp cho người khác ‘*ăn mình*’ đi, đặc biệt là những người không tử tế với mình. Một người mẹ tham dự thánh lễ theo cách đó rồi ra về với biết bao công việc bẽ bộn, lặt vặt, nhưng không tầm thường chút nào vì bà đã chấp nhận trở thành kẻ ‘*bị ăn*’ trong ‘*bữa ăn của Chúa*’. Một giáo lý viên làm như Chúa đã làm

trong thánh lễ sẽ không bực bội vì những học sinh biếng nhác, sẽ không ngại khổ vì *‘vừa mang việc nhà vừa gánh việc Chúa’*. Một linh mục cử hành Thánh Thể có thể nói: *“Buổi sáng trong thánh lễ, tôi là tư tế, Chúa Giêsu là lễ vật; còn suốt ngày sống, Chúa Giêsu là tư tế và tôi là lễ vật”* (P. Olivaint).

TÓM LƯỢC:

1 H. Bí tích Thánh Thể là gì?*

-T. Bí tích Thánh Thể là dấu chỉ Chúa Giêsu đã lập để tiếp tục hy lễ thập giá và để ban Mình Máu Người dưới hình bánh rọu làm của nuôi thiêng liêng cho con người.

2 H. Chúa Kitô thiết lập Bí tích Thánh Thể khi nào?*

-T. Chúa Kitô thiết lập Bí tích Thánh Thể trong một bữa ăn của lễ Vượt Qua như một dấu chỉ báo trước hy tế Ngài sẽ dâng ngày hôm sau, và mãi mãi trở thành lương thực thiêng liêng nuôi sống người tín hữu.

3 H. Chúa Kitô hiện diện thế nào trong Bí tích Thánh thể?*

-T. Chúa Kitô hiện diện thực sự theo bản thể, vừa là người vừa là Chúa, trong Bí tích Thánh Thể bao lâu hình bánh và rượu vẫn còn tồn tại.

4 H. Rước Lễ mang lại cho ta những ơn ích gì?*

-T. Rước Lễ mang lại cho ta ơn hiệp nhất với Chúa Kitô mỗi lúc một tăng triển về sự sống thiêng liêng cùng với các Kitô hữu khác để đạt tới sự sống đời đời.

5 H. Phụng vụ Thánh Thể mang ý nghĩa gì?*

-T. Phụng vụ Thánh thể là một hy tế tạ ơn của Chúa Kitô dâng lên Chúa Cha, và cũng là hy tế của Hội Thánh vì sự hiện diện thực sự của Chúa Kitô trong tư cách là Đầu của Hội Thánh khi Hội Thánh tưởng niệm và hiện tại hóa mầu nhiệm Vượt Qua của Chúa Kitô trong thánh lễ.

CẦU NGUYỆN:

Lạy Cha, chúng con cảm tạ Cha, vì Vườn Nho thánh thiện của Đavít, tôi tớ Cha mà Cha đã cho chúng con biết nhờ Đức Giêsu, Tôi Tớ Cha. Chúc tụng Cha đến muôn đời!

Như chiếc bánh bẻ ra, được làm bằng những hạt lúa miến từ các núi đồi, và được kết hợp lại để trở thành một. Cũng thế, xin Cha hãy quy tụ Hội Thánh từ các miền xa xăm trên địa cầu, vào trong vương Quốc của Cha. Vinh hiển và uy quyền thuộc về Cha mãi mãi đến muôn đời, nhờ Đức Giêsu Kitô! *Didaché*
IX, 2-4

Bài 11:

PHỤNG VỤ HÒA GIẢI

“*Đấng giàu lòng từ bi*’ giống như người cha trong dụ ngôn, không đóng lòng lại với bất cứ đứa con nào. Người chờ đợi, tìm kiếm và đến gặp gỡ họ ở chính nơi mà sự từ chối hiệp thông đã khép chặt họ trong cô lập và phân ly. Người mời gọi họ tụ họp quanh bàn tiệc với niềm vui của buổi lễ mừng sự tha thứ và hòa giải” (SH 10)

Khi được Thánh Tẩy, chúng ta đã trở nên tạo vật mới nhưng bản chất con người vốn yếu đuối thường hay sa ngã nên cần được phục hồi qua Bí tích Giải Tội (1Cr 6,11; 1Ga 1,8). Các Giáo Phụ coi đây là ‘*cái phao thứ hai sau khi tàu chìm, tức là đánh mất ân sủng*’.

Phụng vụ Hòa Giải là việc linh mục giao hòa hối nhân với

Thiên Chúa và Hội Thánh bằng cách tha tội nhân danh Chúa Giêsu.

I. HIỆU QUẢ CỦA BÍ TÍCH HÒA GIẢI

- Xung Tội là để **được tha tội nhằm giao hòa với Thiên Chúa và anh chị em**. Tội lỗi nào cũng là một vết thương, một sự cắt đứt mối giao hảo nối liền chúng ta với Thiên Chúa và anh chị em. Tội trước hết là xúc phạm tới Thiên Chúa, là đoạn tuyệt với Người, đồng thời cũng làm tổn thương sự hiệp thông với Hội Thánh. Cao điểm của bí tích này chính là để giao hòa, gặp gỡ Thiên Chúa và người đồng loại. Được sạch tội là tạo điều kiện cho sự gặp gỡ thân mật ấy. Chỉ mình Thiên Chúa mới có quyền tha tội cho con người, và quyền ấy cũng được Chúa Kitô chuyển giao cho Hội Thánh để nhân danh Người mà tha tội (*Ga 20,21.23*). Đây là một trong những chân lý quan trọng nhất của Kitô giáo:

“Không có tội nào nặng đến nỗi Hội Thánh không thể tha thứ được. *‘Dù có ai gian ác và xấu xa đến đâu... vẫn có thể*

tin chắc được tha thứ, miễn là chân thành sám hối'. Đức Kitô, Đấng đã chết cho mọi người, muốn rằng: mọi cánh cửa tha thứ trong Hội Thánh luôn rộng mở cho bất cứ ai ăn năn trở lại" (*GLHTCG 982*).

Những thế kỷ đầu, Hội Thánh rất ít ban bí tích này và đòi hỏi nhân phải chịu một hình thức kỷ luật công khai rất khắt khe. Sang đến thế kỷ VII, với '*hình thức thống hối riêng tư*' mở đường cho việc nâng nhận Bí tích Giải Tội. Việc tha tội đặt nền tảng trên hai yếu tố chính là những hành vi thống hối của con người, và tác động tha thứ của Thiên Chúa qua thừa tác vụ của Hội Thánh.

Linh mục vừa là đại diện Chúa Kitô, Đấng giải hoà chúng ta với Thiên Chúa; vừa là đại diện Hội Thánh để tha thứ tội lỗi và đón nhận chúng ta trở lại với cộng đồng. Hối nhân cần trung thực cởi mở cõi lòng với linh mục, và cũng nên biết rằng mình đang đối thoại với một tội nhân khác. Linh mục cũng là người, nghĩa là cũng được Chúa Kitô tha tội như những người khác. Vì

thế với đức tin, chúng ta nhìn nhận linh mục trong toà giải tội như vị đại diện Chúa Kitô, nhưng cũng như một người anh em và là bạn hữu của các tội nhân.

“Có một số tội nặng đặc biệt, ai phạm sẽ bị vạ tuyệt thông. Đây là hình phạt nặng nhất theo Giáo Luật, cấm không cho nhận lãnh các bí tích và hành xử một số tác vụ trong Hội Thánh. Theo Giáo Luật, chỉ có Đức Giáo Hoàng, Giám mục địa phận hay vị linh mục được ủy quyền, mới có quyền tha vạ. Trong trường hợp nguy tử, bất cứ linh mục nào, dù không có năng quyền giải tội, vẫn có thể tha hết các tội và tha mọi vạ tuyệt thông” (*GLHTCG 1463*)

- Bí tích Giải tội còn **ban ơn trợ giúp** hồi nhân vượt thắng tội lỗi. Do đó, dù khi chỉ phạm tội nhẹ, chúng ta cũng cần đến bí tích này để lãnh nhận ơn trợ giúp của Chúa.

“Bí tích Thống Hối phục hồi chúng ta trong ơn nghĩa Chúa và liên kết chúng ta với Người trong tình bằng hữu thâm thiết và cao cả’. Mục đích và hiệu quả của bí tích này là giao hòa

hồi nhân với Thiên Chúa. Ai lãnh nhận Bí tích Giao Hòa với lòng thống hối và đạo đức, lương tâm ‘sẽ bình an thư thái, được an ủi thiêng liêng’. Bí tích Giao Hòa thực hiện một ‘cuộc phục sinh thiêng liêng’ đích thực, hoàn lại phẩm giá và những đặc quyền của đời sống con cái Thiên Chúa, nhất là tình bằng hữu với Người” (GLHTCG 1468)

II. DIỄN TIẾN GIAO HOÀ

- **Xét mình** là nhìn lại đời sống của mình trong ba tương quan (*3 bốn phần*) với Thiên Chúa, với anh chị em đồng loại và với chính bản thân mình. Không thể giao hòa cùng Thiên Chúa và Hội Thánh mà trước đó lại không chịu nhìn nhận tội lỗi của mình.

- **Lòng thống hối** ăn năn rất cần thiết để nhận được ơn tha tội. Bí tích Giải Tội chỉ có hiệu lực đối với những ai thực tình thống hối tội lỗi của mình và quyết tâm hối cải những tội mình đã phạm và chiến đấu chống trả tội lỗi. Thói quen thống hối thường hay đọc kèm kinh Thú Nhận, kinh Ăn năn tội.

- “*Xung tội*” vừa có ý nghĩa nhận biết tình yêu và lòng thương xót của Thiên Chúa, và đồng thời thú nhận tất cả tội lỗi của mình. Toà giải tội không phải là diễn đàn để khoe mình, cũng không phải là ‘*toà án*’ để tự biện hộ cho mình hay cáo tội người khác. Đơn sơ và khiêm tốn trình bày những lỗi lầm của mình, cả về số lần phạm tội, để linh mục, thầy thuốc tâm hồn, có thể khuyên bảo cách thích hợp và hữu ích. Không thể khuyên bảo cùng một cách cho những người nhiều năm không giữ đạo, giống với những người vẫn Xung Tội đều đặn hàng tháng; vì làm như vậy, ơn trở lại của họ bị giới hạn rất nhiều.

Tác vụ Giải Tội rất cao trọng đòi hỏi cha giải tội phải tôn trọng và tế nhị đối với người xưng tội. Nhân danh Chúa Kitô, linh mục đón nhận hối nhân, chuyển đạt cho họ tình thương của Chúa Cha, và nghe họ thổ lộ những bí mật của lương tâm. Giáo Luật *điều 983 §1* buộc nhật linh mục, khi giải tội, phải giữ kín tuyệt đối những gì mà hối nhân đã xưng thú. Đây là ‘*án tín bí tích*’, vì tất cả những gì hối nhân xưng thú đều được bí tích

‘*niêm án*’. **Bí mật tòa giải tội** không chấp nhận một luật trừ nào, cho nên ai vi phạm sẽ mắc vạ nặng nề (*GLHTCG 1467*).

- ‘*Xá giải*’ là tháo cởi, giải thoát tội nhân khỏi những xiềng xích ràng buộc của tội lỗi. Nhờ ơn Thiên Chúa, xá giải là sự tha thứ trọn vẹn các tội được xưng thú và thiếu sót không cố ý. Linh mục giơ tay hoặc đặt tay trên đầu hối nhân và đọc lời xá giải (*giơ tay là một cử chỉ biến thể của nghi thức đặt tay vì tha tội cũng là ơn của Thánh Thần*). Hối nhân quỳ hay đứng cúi đầu, im lặng lắng nghe lời xá giải và thưa: “*Amen*”, chứ không phải là đọc kinh Ăn năn tội (*sám hối là việc phải làm trước khi vào tòa xưng tội*). Lời xá giải là lời cầu khẩn hơn là một án lệnh.

- **Đền tội** là tạ ơn lòng thương xót tha thứ của Thiên Chúa. Tất cả phạm nhân bị tòa án phân xử đều phải nhận một hình phạt tương xứng với tội của họ. Trong Bí tích Giải tội, việc này không nhằm đền tội đã phạm cho bằng giúp hối nhân tạ ơn và quyết tâm sống cuộc đời mới, giúp cải thiện tương quan với tha

nhân vì *‘tình yêu có thể che lấp mọi tội lỗi’ (1Pr 4,8)*.

III. NGHI THỨC GIAO HÒA

Sách nghi thức Bí tích Hòa Giải có nhiều mẫu nghi thức:

- ***Nghi thức Giao Hòa từng hồi nhân*** bao gồm cả phần đón tiếp hồi nhân, đọc Lời Chúa (*hồi nhân nghe hoặc tự đọc*), hướng dẫn cầu nguyện, xét mình, xưng tội, lời khuyên của linh mục, nhận việc đền tội, cầu nguyện xin ơn tha thứ, linh mục xá giải, lời nguyện tạ ơn trước khi ra về. Nếu có nhiều người lãnh nhận cùng lúc, có thể đọc chung cho nhiều người, tuy nhiên việc đọc Kinh Thánh này cũng không bắt buộc, và tùy nghi đơn giản các diễn tiến.

- ***Nghi thức Giao Hòa nhiều hồi nhân nhưng xưng tội và giải tội từng người*** để nhấn mạnh tính cộng đoàn vì sự liên đới trong tội của nhiều người. Tội không chỉ là hành vi cá nhân mà nhiều khi còn là hệ quả của sự đồng lõa nên cũng cần giúp nhau sám hối.

“Bí tích Giải Tội có thể được cử hành cộng đoàn: tất cả cùng chuẩn bị xưng tội và cùng nhau cảm tạ vì được ơn tha thứ. Lúc đó việc xưng tội và giải tội cá nhân được tiến hành trong một cử hành Lời Chúa, với việc đọc Sách Thánh và diễn giảng, cộng đoàn được hướng dẫn xét mình; xin ơn tha thứ, đọc kinh Lạy Cha và cùng tạ ơn. Hình thức này diễn tả rõ nét hơn tính Hội Thánh của việc thống hối” (*GLHTCG 1482*).

- **Nghi thức Giao Hòa nhiều hối nhân nhưng thú tội và giải tội chung**, còn gọi là *Giải Tội tập thể*. Trong trường hợp nguy tử hay thật khẩn thiết về điều kiện thời gian và hoàn cảnh, linh mục có thể cử hành Bí tích Giải Tội tập thể, nghĩa là xưng tội chung và tha tội chung, nhưng đòi buộc phải xưng lại những tội trọng khi có dịp xưng tội riêng.

- ***Nghi thức thống hối cộng đồng*** mà không Xưng Tội nhằm gọi lên tinh thần sám hối để dọn mình Xưng Tội vào một dịp thuận tiện khác.

Sám hối là tâm tình luôn phải có của giới luật mến Chúa yêu người. Đặc biệt mỗi tối trước khi ngủ nên đọc kinh tối, xét mình và xin Chúa thứ tha mọi tội lỗi trong tư tưởng, lời nói và hành động.

IV. ÂN XÁ

Ân xá là ơn Hội Thánh ban nhờ công nghiệp Chúa Giêsu, Đức Maria và các Thánh để tha các hình phạt tạm do tội gây nên, khi tội đã được tha.

Chúa Kitô là sự công chính và là ‘Ân Xá’ của chúng ta. Chính Người tha thứ những hình phạt mà chúng ta xứng đáng gánh chịu. Hội Thánh chuyển ban cho tội nhân thống hối tình thương của Chúa Kitô và phân phát ‘ân xá’, nghĩa là ơn tha hình phạt tương xứng với tội đã phạm.

“Giáo lý về ân xá và việc áp dụng các Ân Xá trong Hội Thánh liên hệ mật thiết với các hiệu quả của Bí tích Giao Hòa” (*GLCG 1471*)

1) Hình phạt do tội:

- Tội nặng làm cho ta không được thông hiệp với Chúa nên không được hưởng hạnh phúc vĩnh cửu. Đây là hình phạt đời đời, bởi không được tồn tại trong Chúa thì hư mất đời đời. Khi lãnh nhận Bí tích Giải Tội, tội trọng được tha, hình phạt đời đời cũng được tha nhưng vẫn còn phải chịu một phần hình phạt tạm.

- Tội nhẹ cần được thanh luyện ở này hay đời sau (*quen gọi là luyện tội*) trước khi được hưởng hạnh phúc bên Chúa. Đây là hình phạt tạm.

- Bí tích Thánh Tẩy hay Giải Tội tha mọi tội trọng lẫn tội nhẹ, tha hình phạt đời đời nhưng hình phạt tạm vẫn còn.

Do đó, **ân xá không đương nhiên tha tội** (*nhất là tội trọng*) nhưng **chỉ tha hết mọi hình phạt tạm** sau khi tội chúng ta đã được tha.

2) Mầu nhiệm Các Thánh Thông Công:

- **Tiểu xá** là ơn tha một phần hình phạt tạm.

- **Đại xá** (*toàn xá*) là ơn tha hết mọi hình phạt tạm.

Mọi tín hữu đều có thể hưởng ân xá, hoặc cho mình hoặc chuyển cầu cho những người đã qua đời (*không chuyển cầu cho người khác còn sống*). Giáo lý gọi đây là mầu nhiệm Các Thánh Thông Công, nghĩa là mọi Kitô hữu đều được liên kết và chia sẻ với nhau cách lạ lùng trong Nhiệm Thể Chúa Kitô.

“Trong mầu nhiệm các thánh thông công, các tín hữu – những người đã về quê trời, những người còn đền tội nơi luyện ngục hay những người đang lữ hành trên trần gian này – tất cả liên kết với nhau trong tình yêu bền vững và chia sẻ với nhau những điều thiện hảo. Trong sự hiệp thông kỳ diệu này, sự thánh thiện của một người ảnh hưởng trên người khác vượt xa thiệt hại do tội lỗi của một người có thể gây ra cho người khác. Vì thế, sự hiệp thông của Dân Thánh giúp cho hội nhân được thanh luyện nhanh chóng và hữu hiệu hơn” (*GLHTCG 1475*).

Việc ân xá cho một tín hữu còn sống được thể hiện qua việc

công bố xá giải, song Hội Thánh không có quyền tài phán trên những người đã qua đời đang luyện tội. Chính vì thế, Hội Thánh không thể ban trực tiếp qua việc xá giải nhưng gián tiếp qua con đường '*cầu thay nguyện giúp*' của các tín hữu còn sống.

3) Thiên Chúa ban ân xá qua Hội Thánh:

Nhờ quyền cầm buộc và tháo cởi do Đức Kitô ban, Hội Thánh chuyển cầu cho các Kitô hữu và mở cho họ kho tàng công phúc của Đức Kitô và các Thánh để Chúa Cha nhân từ tha cho họ những hình phạt tạm phải chịu vì tội lỗi. Kho tàng công đức này là vô giá và vô lượng của Chúa Kitô tạo nên, đồng thời cũng bao hàm những lời cầu khẩn và việc lành của Đức Maria và các thánh.

Quyền Ân Xá này không được hiểu theo nghĩa rộng của quyền thẩm phán của Hội Thánh; vì không phải ai nắm quyền tha tội cũng đều có quyền ban Ân Xá. Trong quyền tha tội có

hàm chứa việc tha hình phạt đời đời, nhưng không chứa đựng quyền tha hết mọi hình phạt tạm của tội.

Tự bản chất, Ân Xá không phải là hành động hoàn toàn của ân sủng, nghĩa là không hoàn toàn nhưng không, song phải có những hành động đối xứng. Vì thế, việc ban phát này mức từ nguồn kho tàng đền tội của Đức Kitô và các thánh. Chỉ những người đứng đầu Hội Thánh mới có quyền ban phát kho tàng thiêng liêng này cho các tín hữu, bởi vì việc ban ân xá không phải là hành động của quyền chức thánh, nhưng là quyền thẩm phán. Đức Giáo Hoàng là người nắm giữ quyền tối cao trên toàn thể Hội Thánh nên có quyền tài phán tuyệt đối, không hạn hẹp, trên việc ban Ân Xá.

Như vậy, nguồn gốc Ân Xá là kho tàng đền tội của Hội Thánh, bao gồm sự đền tội sung mãn của Chúa Kitô và của các thánh.

4) Điều kiện lãnh nhận ân xá:

- Phải Xưng Tội và Rước Lễ cùng quyết tâm hoán cải, dứt

bén khỏi mọi tội lỗi, dù là tội nhẹ.

“Theo Giáo Luật khoản 960 và khoản 720 §1 Giáo Luật các Hội Thánh Đông Phương, thì thông thường phải xưng tội từng người và xưng đầy đủ; sau khi đã xưng tội xứng đáng và thực thi điều phải giữ, người tín hữu trong một thời kỳ thích hợp, có thể đón nhận ơn toàn xá hoặc chỉ cho ai khác, có thể là mỗi ngày, mà không buộc phải xưng tội lại. Tuy nhiên, người tín hữu cần năng lãnh nhận ơn Bí tích Hòa Giải, để tiến tới trong việc hoán cải và thanh luyện tâm hồn. Trái lại, vào đúng ngày thực hiện ngoài điều nói trên, nên lãnh Bí tích Thánh Thể – đây là điều cần thiết cho mỗi lần lãnh ơn toàn xá” (*Sắc lệnh đính kèm Tông sắc Mậu nhiệm Nhập Thể của Tòa Xá Giải ngày 29/11/1998*).

Trong *điều kiện thứ nhất* này, khó khăn không phải là Xưng Tội vì chỉ xưng tội 1 lần có thể lãnh nhiều đại xá trong nhiều ngày; không phải là Rước Lễ vì Sắc lệnh trên cũng vẫn chỉ khuyên nên Rước Lễ trong chính ngày làm việc chỉ định có

lãnh ân xá; nhưng khó khăn là buộc loại trừ mọi quyền luyến tội lỗi, dù là tội nhẹ.

- Phải cầu nguyện theo ý Đức Giáo Hoàng.

Cầu nguyện theo ý Đức Giáo Hoàng được kể là đủ khi đọc 1 Kinh Lạy Cha chỉ theo ý Đức Giáo Hoàng. Cũng có thể đọc bất cứ kinh nào tùy theo lòng hiếu thảo của mình đối với Đức Giáo Hoàng.

- Phải làm những việc mà Hội Thánh dạy để được hưởng ân xá.

* *Ân Xá gắn liền với việc viếng Nhà thờ:* vào ngày lễ Bồn Mạ hay ngày Cung Hiến của nhà thờ Giáo Xứ, và ngày 2/8 là ngày có ân xá “*Portiunculae*”. Trong Năm Thánh, viếng nhà thờ Chánh Tòa và các nhà thờ được chỉ định trong Giáo Phận được lãnh ơn Toàn Xá.

* *Ân Xá gắn liền với việc đọc một kinh nào đó được chỉ định ban Tiểu Xá hay Đại Xá. Ví dụ:* Kinh Thánh Tâm đọc ngày lễ Thánh Tâm; kinh dâng loài người cho Chúa Giêsu trong ngày lễ

Kitô Vua.

* *Ân Xá gắn liền với việc viếng một nơi nào đó, ví dụ: viếng nghĩa Trang (1/11 – 8/11), Đất Thánh..., được Đại Xá trong ngày chỉ định và được Tiểu Xá bất cứ ngày nào.*

* *Ngoài ra còn nhiều dịp, nhiều việc khác nữa như: Phép Lành của tân linh mục, Phép lành ban cho bệnh nhân lâm tử...*

Nếu không hội đủ một trong những điều kiện trên thì chỉ được hưởng ơn **tiểu xá**.

Bằng việc ban phát các ân xá, Hội Thánh muốn khuyến khích và thúc giục các tín hữu siêng năng cầu nguyện, hy sinh hãm mình, và thực thi các việc bác ái, để rồi tất cả sẽ được tham dự vào sự sung mãn vinh quang của Chúa Kitô trong sự hiệp thông của toàn thể các thánh.

V. MỤC VỤ GIÁO LÝ

1* Xung Tội để trở lại:

Một người sống xa Thiên Chúa, chìm sâu trong tội, nay được ơn thánh lay động, ý thức được tình trạng xấu xa của mình và tin tưởng vào tình thương tha thứ của Thiên Chúa, quyết định trở lại với Ngài để sống một cuộc đời mới.

Tội nặng làm đổ vỡ tương quan với Thiên Chúa và mọi người, còn tội nhẹ không hoàn toàn xa cách Thiên Chúa, nhưng việc Xưng Tội cũng cần thiết để thanh tẩy người tín hữu nên hoàn thiện hơn trong việc gặp gỡ Chúa, để chỗi dậy bước theo Chúa.

Xưng Tội không phải chỉ để được tha tội mà chủ đích là giao hòa để nối lại tương quan với Chúa và Hội Thánh một cách tốt đẹp và thân tình như trước khi chưa phạm tội.

2* Giúp Xưng Tội như thế nào cho có hiệu quả?

Giáo lý viên cần giúp cho các em ý thức Xưng Tội không thể làm cho qua lần chiếu lệ, cũng không phải là máy móc cho xong bốn phận tín hữu, nhưng là thực tâm hoán cải. Đi Xưng Tội mà chỉ xưng trống: “*Con là kẻ có tội*” hay đại khái: “*Tội gì*

con cũng có” mà không kể tội ra, thì việc Xung Tội chẳng mang lại ơn ích, chẳng mang lại hoán cải. Xung như vậy thì cần gì phải xung vì khách quan ai mà chẳng biết. Mỗi bí tích là một hành vi nhất định được thực hiện vào một thời điểm nhất định trong cuộc đời, tương ứng với một trạng huống tâm hồn lúc đó. Vì thế cần phải minh họa thân phận tội lỗi của mình bằng những hành vi tội lỗi thực sự đã làm. Bác sĩ không thể cho thuốc nếu không chắc chắn được cơn bệnh. Lời khuyên của linh mục giải tội quá khuôn sáo và nhạt nhẽo thì làm sao có thể đưa tội nhân ra khỏi con đường cũ.

Một số những tội nặng đã xung nay tuy không còn nữa về trách nhiệm luân lý nhưng nếu còn để lại dấu vết tâm lý và có thể là nguyên nhân gây nên tội nhẹ thường phạm, thì cũng nên xung lại.

3* Trình bày bí tích Hòa Giải:

Cũng là một Bí tích Hòa Giải nhưng cũng phải tùy theo đối tượng học sinh để trình bày ý nghĩa của bí tích. Trình bày giáo

lý cho một đứa trẻ mới Xung Tội vỡ lòng khác với một người trở lại sau một quãng đời tội lỗi. Không thể đặt đứa bé vào tâm trạng của một kẻ tội lỗi kéch xù, song chỉ cần cho đứa trẻ thấy Bí tích Hòa Giải là một cuộc gặp gỡ thân tình với Chúa Giêsu, và qua cuộc gặp gỡ ấy làm cho mình cố gắng hơn, nên tốt hơn.

Trình bày không thích hợp có thể làm cho nhiều người sợ hãi hoặc tránh né Xung Tội, nhất là những người khô đạo hoặc đạo đức nhưng lại hay bối rối.

TÓM LƯỢC:

1 H. Phụng vụ Hòa Giải là gì?*

-T. Phụng vụ Hòa Giải là việc linh mục giao hòa hối nhân với Thiên Chúa và Hội Thánh bằng cách tha tội nhân danh Chúa Giêsu.

2 H. Bí tích Hòa Giải mang lại cho ta những ơn ích gì?*

-T. Bí tích Hòa Giải mang lại cho ta ơn tha tội và ơn trợ giúp để ta sống tốt lành thánh thiện và tránh tội.

3 H. Muốn Xung Tội ta phải làm những sự gì?*

-T. Muốn Xung Tội ta phải làm bốn việc này: một là xét mình, hai là ăn năn tội, ba là xưng tội, bốn là đền tội.

4 H. Đâu là dấu chỉ thiết yếu của Bí tích Hòa Giải?*

-T. Dấu chỉ thiết yếu của Bí tích Hòa Giải là việc sám hối của tội nhân (*gồm 4 bước: xét mình, ăn năn tội, xưng tội và đền tội*), và lời xá giải của linh mục.

5 H. Ân xá là gì?*

-T. Ân xá là ơn Hội Thánh ban nhờ công nghiệp Chúa Giêsu, Đức Maria và các Thánh để tha các hình phạt tạm do tội gây nên, khi tội đã được tha.

6 H. Muốn được hưởng ân xá ta phải làm gì?*

-T. Muốn được hưởng Ân xá, ta phải làm ba việc này:

. *một là phải Xung Tội và Rước Lễ cùng quyết tâm dứt bèn khỏi mọi tội lỗi;*

. *hai là phải cầu nguyện theo ý Đức giáo hoàng;*

. *ba là phải làm những việc mà Hội Thánh quy định để lãnh nhận ân xá.*

CẦU NGUYỆN:

Lạy Chúa Giêsu, sám hối không phải là điều dễ dàng, bởi lẽ chúng con không đủ khiêm tốn để nhận mình làm lỗi.

Chúng con ngỡ ngàng khi thấy Chúa là Đấng vô tội mà lại đứng chung với các tội nhân, chờ Gioan làm phép rửa.

Chúa đã muốn nên bạn đồng hành với phận người mỏng dòn yếu đuối chúng con.

Xin cho chúng con biết thường xuyên điều chỉnh lối nghĩ và lối sống của mình, tỉnh táo để khỏi rơi vào ảo tưởng, thành thật để khỏi tự dối mình.

Ước gì Chúa ban cho chúng con ơn hoán cải, dám đi đến những hành động cụ thể, và chấp nhận những cắt tĩa đón đau. Nhưng xin đừng quên ban cho chúng con niềm vui của Giakêu, hạnh phúc vì được tự do và được yêu mến. (*Abba 63*)

Bài 12:

XỨC DẦU BỆNH NHÂN

“Bằng việc xúc dầu thánh và lời cầu nguyện của linh mục, Hội Thánh phó thác các bệnh nhân cho Chúa Kitô đau khổ và vinh hiển để Người an ủi và cứu rỗi họ; hơn nữa, Hội Thánh còn thúc giục họ sẵn sàng kết hợp với Chúa Kitô đau khổ và chịu chết để mưu ích cho Dân Thiên Chúa (*LG 11*)”
(*GLHTCG 1499*).

Phụng vụ Bí tích Xức dầu bệnh nhân là việc linh mục xúc dầu, đặt tay và cầu nguyện để nâng đỡ bệnh nhân và người già yếu về phần hồn cũng như phần xác.

I. Ý NGHĨA CỬ HÀNH XỨC DẦU BỆNH NHÂN

Bệnh tật và đau khổ là những thử thách nặng nề nhất, có thể làm cho con người xao xuyến, bi quan, đôi khi đưa tới tuyệt

vọng và nổi loạn chống lại Thiên Chúa. Bệnh tật liên lụy đến thân xác nhưng cũng ảnh hưởng tới tinh thần và nhiều khi cũng làm tắc nghẽn những liên hệ với tha nhân. Chúa Kitô, *Lương Y*, tận tâm chữa lành con người cả hồn lẫn xác (*chữa bệnh và tha tội*) biết cách liên kết chúng ta với cuộc khổ nạn cứu độ của Người. Hội Thánh tin và tuyên xưng trong bảy bí tích có một bí tích để nâng đỡ người bệnh tật là Bí tích Xức Dầu bệnh nhân (*Mc 6,13; Gc 5,14-15*).

“Chính Đức Kitô thiết lập Bí tích Xức Dầu như một bí tích thực sự và đúng nghĩa của Giao Ước Mới. Bí tích này đã được thánh Mác-cô nhắc đến (*Mc 6,13*), thánh Giacôbê, tông đồ và là người anh em với Chúa, đã ra chỉ thị và công bố (*Gc 5,14-15*).

Trong truyền thống Phụng Vụ của Đông cũng như Tây Phương, từ xa xưa có những dấu chứng chắc chắn cho thấy Bí tích Xức Dầu đã được cử hành với Dầu đã được thánh hiến. Theo thời gian, bí tích này dần dần chỉ được ban cho

những người hấp hối. Vì thế, còn gọi là “*Xức Dầu lần cuối*”. Dầu vậy, Hội Thánh không bao giờ quên cầu xin Chúa cho bệnh nhân được lành bệnh, nếu hữu ích cho phần rỗi của họ” (*GLHTCG 1511-1512*)

Thiên Chúa không bao giờ bỏ rơi chúng ta trong cơn hoạn nạn mà lại không làm cho chúng ta cảm nghiệm được sự hiện diện có sức cứu rỗi của Người. Bí tích Xức Dầu bệnh nhân làm dịu sự đau khổ và trấn an những khắc khoải lo âu. Bí tích này không có ý thay thế thuốc men và sự chữa trị y khoa; nhưng có mục đích thánh hóa làm cho việc săn sóc chữa trị bệnh nhân có một ý nghĩa tôn giáo. Kinh nghiệm cho thấy nỗ lực chữa trị của con người không luôn luôn thành công vì thân xác con người chúng ta vốn mỏng dòn và đời sống trần thế chúng ta không phải là vô cùng vô tận. Vì thế, “*chúng ta đặt tất cả hy vọng của chúng ta trong Thiên Chúa Hằng Sống*” (1Tm 4,10).

II. NGƯỜI BAN VÀ NGƯỜI NHẬN BÍ TÍCH XỨC DẦU BỆNH NHÂN

Thánh Giacôbê viết thư cho các giáo đoàn và căn dặn:

“Ai trong anh em đau yếu ư? Người ấy hãy mời các kỳ mục của Hội Thánh đến; họ sẽ cầu nguyện cho người ấy, sau khi xức dầu nhân danh Chúa. Lời cầu nguyện do lòng tin sẽ cứu người bệnh; người ấy được Chúa nâng dậy, và nếu người ấy đã phạm tội, thì sẽ được Chúa thứ tha” (*Gc 5,14-15*).

Bản văn này cho thấy ngay từ đầu Hội Thánh đã hiểu và thực thi mệnh lệnh của Chúa Giêsu đã truyền cho các môn đệ: “*Anh em hãy chữa lành người đau yếu!*” (*Mt 10,8*).

Chỉ có linh mục (*hay giám mục*) mới có quyền ban Bí tích Xức Dầu bệnh nhân.

“Xức dầu bệnh nhân không phải chỉ là bí tích dành cho những người hấp hối. Do đó, thời gian thích hợp để lãnh nhận Bí tích Xức Dầu Thánh là khi người tín hữu bắt đầu lâm cơn nguy tử vì bệnh tật hay già yếu” (*GLHTCG 1514*).

Trong cùng một cơn bệnh, có thể lãnh nhận bí tích này nhiều lần, cứ mỗi lần trở nặng. Trước khi chịu đại phẫu, hoặc người

lớn tuổi, suy yếu cũng nên lãnh nhận Bí tích Xức Dầu bệnh nhân. Vì thế, đừng để thân nhân gần kề ngưỡng cửa sự chết mới đi mời linh mục ban Bí tích Xức Dầu.

III. NGHI THỨC XỨC DẦU BỆNH NHÂN

Như các bí tích khác, Xức Dầu bệnh nhân cũng là một cử hành phụng vụ có tính cộng đoàn, dù được cử hành riêng tư.

- **Cử hành Lời Chúa** là cần thiết vì Lời Chúa là sức bổ dưỡng cho người đau yếu, là bàn tiệc cho những ai đang rã rời, và là ánh sáng chỉ đường cho cuộc lữ hành trần thế.

- Nếu hoàn cảnh cho phép nên cử hành **Bí tích Giải Tội** trước khi ban Bí tích Xức Dầu (*có thể ban ơn Toàn Xá*), và tiếp sau đó là trao Thánh Thể như *của ăn đàng* để bước vào cuộc sống vĩnh cửu đối với người hấp hối.

- Nghi thức chính yếu là linh mục **đặt tay trên bệnh nhân** và **đọc lời nguyện** xin Thiên Chúa nhờ sức mạnh của Thánh Thần sẽ chữa trị linh hồn bệnh nhân, và nếu Chúa muốn thì thể

xác cũng được chữa lành. Kế đến, linh mục lấy *Dầu bệnh nhân (OI)* xúc trán và hai tay bệnh nhân và đọc:

“Nhờ việc xúc Dầu Thánh này, và nhờ lòng từ bi nhân hậu của Chúa, xin dùng ơn Chúa Thánh Thần mà giúp đỡ *con* để Người giải thoát *con* khỏi mọi tội lỗi, cứu chữa *con* và thương làm cho *con* thuyên giảm”. *AMEN*.

IV. HIỆU QUẢ CỦA BÍ TÍCH XÚC DẦU BỆNH NHÂN

- Ân sủng trợ giúp đặc biệt của Chúa Thánh Thần:

Ốn căn bản của bí tích này là ơn sức mạnh, bình an và can đảm để lướt thắng những khó khăn do bệnh tật hay tuổi già, chống trả các cám dỗ, không sợ chết, thêm tin tưởng và phó thác vào Thiên Chúa. Chiến đấu chống lại bệnh tật là một cách muốn chiến thắng ‘sự dữ’. Bệnh tật là kết quả hiển nhiên của ‘sự dữ’ mà con người phải gánh chịu vì hậu quả tội nguyên tổ.

“Ngoài ra, nếu bệnh nhân đã phạm tội thì sẽ được Chúa thứ tha” (*Gc 5,15; GLHTCG 1520*). Thật vậy, bí tích này tha thứ các tội mà bệnh nhân vì cơn bệnh không thể xưng thú lỗi lầm

và đồng thời tha cho việc đền tội phải làm.

- Kết hiệp với Đức Kitô chịu khổ nạn:

Nhờ kết hiệp với Chúa Kitô chịu khổ nạn, họ được thánh hiến để sinh hoa trái cứu độ. Bệnh nhân dễ dàng chấp nhận những bất trắc trong lúc chữa trị và an tâm đón nhận ý Chúa trong sự nâng đỡ của ơn thánh.

- Ân sủng mang tính Hội Thánh:

Khi cử hành bí tích này, trong sự hiệp thông của Dân Thánh, Hội Thánh cầu nguyện cho bệnh nhân; và bệnh nhân nhờ ân sủng của bí tích, góp phần thánh hóa Hội Thánh và mưu ích cho mọi người. Lời cầu nguyện và việc xúc dầu này là khởi điểm của Bí tích Xức Dầu bệnh nhân. Qua tác vụ của Hội Thánh, Chúa Kitô hằng sống tỏ cho bệnh nhân thấy tình yêu và sự triu mến của Người khi họ liên kết đức tin của mình với đức tin của Hội Thánh.

- Chuẩn bị cho cuộc ra đi lần cuối:

Việc xúc dầu lần cuối cùng (*trước đây đã có xúc dầu trong*

Bí tích Thánh Tẩy và Thêm Sức) giúp chúng ta an tâm trong cuộc chiến đấu cuối cùng trước khi về Nhà Cha. Y khoa có thể chữa lành nhiều bệnh tật, nhưng chỉ một mình Chúa Giêsu mới có thể toàn thắng bệnh tật và tội lỗi. Bí tích Xức Dầu bệnh nhân là dấu chỉ của ơn thánh có sức chữa lành và cứu độ.

V. CỬ HÀNH NGHI THỨC AN TÁNG

Tất cả mọi bí tích đề xoay quanh mầu nhiệm Vượt qua của Chúa Kitô, và chính mầu nhiệm này sẽ soi sáng cho cuộc vượt qua cuối cùng của mỗi tín hữu từ sự chết bước vào đời sống mới trong Nước Thiên Chúa.

Người quá cố đã từ giã chúng ta, Thiên Chúa không còn gặp người đó bằng các dấu chỉ như chúng ta nữa, nhưng đã gặp người quá cố của chúng ta *mặt giáp mặt*. Chúng ta tụ họp nhau để cầu xin cho người mới từ trần được bước từ cõi chết sang cõi sống, được tẩy rửa khỏi mọi bợn nhơ và được lên trời cùng với các thánh trong khi chờ đợi thân xác phục sinh. Đây là sự vĩnh biệt của cộng đoàn dành cho người ly trần, là lời chúc “*được ở*

cùng Thiên Chúa muôn đời”.

Nghi thức an táng Công giáo là một cử hành phụng vụ (*nhưng không phải là bí tích*) tiến đưa người đã chết bước vào sự sống của Thiên Chúa trong tinh thần hiệp thông. Tiến trình nghi thức an táng như sau: nghi thức tắm liệm, nghi thức di quan, nghi thức từ biệt và phó dâng, nghi thức hạ huyệt.

Mỗi lần tham dự lễ nghi an táng của người thân, dù đây không phải là một bí tích, chúng ta càng thêm xác tín vào các bí tích mà chúng ta lãnh nhận, vì tất cả mọi ơn ban bí tích đều dẫn đến sự sống vĩnh cửu mai sau. Đứng trước thi hài của người quá cố, giờ đây chỉ là một thân xác bất động nhưng đã là ‘*đền thờ của Chúa Thánh Thần*’; chúng ta phải tin rằng Chúa Thánh Thần đã làm cho Chúa Giêsu sống lại thì Người cũng sẽ làm cho người tín hữu đã chết được sống lại làm một với Chúa Kitô.

Bí tích Hòa Giải và Xức Dầu Bệnh Nhân là hai *bí tích phục hồi* hay *chữa lành* những hoen ố tinh thần do tội lỗi gây ra,

hoặc những suy yếu do bệnh tật gây nên. Cũng như Thánh Tẩy, Thêm Sức và Thánh Thể hợp thành “*ba bí tích khai tâm Kitô giáo*”, thì Giải Tội, Xức Dầu và Thánh Thể hợp thành “*các bí tích chuẩn bị về Quê trời*” hay là “*các bí tích hoàn tất cuộc lữ hành trần thế*”.

TÓM LƯỢC:

1 H. Phụng vụ Bí tích Xức Dầu bệnh nhân là gì?*

-T. Phụng vụ Bí tích Xức dầu bệnh nhân là việc linh mục đặt tay, cầu nguyện và xức dầu để nâng đỡ bệnh nhân và người già yếu về phần hồn cũng như phần xác.

2 H. Bí tích Xức Dầu bệnh ban cho ta những ơn gì?*

-T. Bí tích Xức Dầu bệnh ban cho ta những ơn này: một là thêm tin tưởng phó thác cho Chúa; hai là kết hiệp với cuộc khổ nạn của Chúa để sinh ơn cứu độ; ba là cả Hội Thánh cùng hiệp thông cầu nguyện cho bệnh nhân; bốn là chuẩn bị cho cuộc ra đi cuối cùng.

3 H. Nghi thức Xức Dầu bệnh nhân gồm những gì?*

-T. Nghi thức chính yếu của bí tích Xức Dầu bệnh nhân là việc linh mục đặt tay, cầu xin ơn Chúa Thánh Thần, rồi xức dầu bệnh nhân và đọc lời nguyện xức dầu.

CẦU NGUYỆN:

Xin Chúa tiếp nhận con
sau khi đã dẫn dắt con
suốt cuộc lữ hành trần thế
tới đích Chúa đã thiết định.

Xin Chúa cho con được xuất hiện trước Nhan Chúa,
được chuẩn bị kỹ càng và được thanh thản,
không phải ngập chìm trong sợ hãi,
không phải ở trong cảnh thù nghịch với Chúa,
ít là trong ngày cuối cùng của cuộc ra đi.

Xin cho con không cảm thấy mình như bị búng rỗng,
bị giựt ra bằng sức mạnh khỏi thế giới và sự sống,
để phải bước vào cuộc hành trình
ngược với ý muốn của mình.

(GP. Grégoire de Naziance)

Bài 13:

PHỤNG VỤ TRUYỀN CHỨC

“Truyền Chức là bí tích qua đó sứ mạng Chúa Kitô ủy thác cho các tông đồ tiếp tục được thực hiện trong Hội Thánh cho đến tận thế; vì thế được gọi là bí tích của thừa tác vụ tông đồ. Bí tích này gồm 3 cấp bậc: chức giám mục, chức linh mục và chức phó tế” (*GLHTCG 1536*).

Phụng vụ Truyền Chức thánh (*Ordinatio*) là việc Đức giám mục đặt tay và đọc lời nguyện phong chức để tân chức tiếp nối sứ mạng Chúa Kitô đã ủy thác cho các tông đồ được tiếp tục trong Hội Thánh cho đến tận thế.

Truyền Chức Thánh còn được gọi là *thánh hiến*, nghĩa là được Đức Kitô tách riêng và bổ nhiệm để phục vụ Hội Thánh.

I. BA CẤP BẬC CỦA BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC

Chỉ có một Bí tích Truyền Chức nhưng có ba cấp bậc:

- **Giám Mục:** là người có chức thánh tròn đầy nhất vì các ngài kế vị các tông đồ do việc đặt tay (*tông truyền*). Qua sự đặt tay và qua các lời thánh hiến, ơn Chúa Thánh Thần được in trên các giám mục, nên các ngài thi hành nhiệm vụ của chính Đức Kitô là Thầy, Mục Tử và Thượng Tế và hành động trong cương vị của Chúa Kitô.

Chính vì thế, mỗi khi cử hành thánh lễ có giám mục, thì chính giám mục phải là chủ tế để *‘diễn tả Hội Thánh quy tụ quanh bàn thờ, dưới sự chủ tọa của vị đại diện hữu hình của Đức Kitô, là Mục Tử Nhân lành và Thủ lãnh của Hội Thánh’* (SC 41).

- **Linh Mục:** là cộng sự viên của giám mục, được tham dự vào sứ mạng phổ quát Đức Kitô trao cho các tông đồ.

“Chức vụ linh mục liên kết với chức giám mục, nên cũng

được tham dự vào quyền bính mà chính Chúa Kitô đã dùng để kiến tạo, thánh hóa và cai quản Thân Thể Người. Vì vậy, chức linh mục dù giả thiết đã có những bí tích khai sinh đời sống Kitô giáo, nhưng lại được một bí tích riêng in ấn tích đặc biệt khi các ngài được Chúa Thánh Thần xúc dầu. Như thế, các ngài nên giống Chúa Kitô Linh mục, đến nỗi có quyền thay mặt Chúa Kitô là Đầu mà hành động”

(GLHTCG 1563).

- **Phó Tế:** là người được đặt lên, không hẳn để lãnh nhận chức vụ linh mục, nhưng để phục vụ. Một trong các phận vụ Phó Tế là *phụ giúp* các giám mục và linh mục trong việc cử hành mầu nhiệm thánh, nhất là *thánh lễ, trao Mình Thánh Chúa, chứng hôn, Rửa Tội, công bố và rao giảng Tin Mừng, chủ tọa lễ nghi an táng và đặc biệt là việc bác ái.* (GLHTCG 1570).

Có hai loại Phó Tế: *Phó Tế vĩnh viễn* có thể được ban cho người nam có gia đình, và *Phó Tế chuyển tiếp (thừa tác)* được

ban cho những người nam chuẩn bị lên chức linh mục.

II. CHỨC TƯ TẾ THỪA TÁC

Đức Kitô là Đấng Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và con người nên chỉ có một chức tư tế duy nhất của Đức Kitô. Mọi Kitô hữu đều được tham dự vào chức tư tế của Đức Kitô, gọi là chức tư tế cộng đồng; riêng giám mục và linh mục được tham dự vào chức tư tế của Đức Kitô cách đặc biệt nhằm phục vụ chức tư tế cộng đồng nên gọi là *chức tư tế thừa tác*. Quyền này được thực thi trong Hội Thánh như một sự phục dịch: “*Ai lớn nhất trong anh em, thì phải nên như người nhỏ tuổi nhất, và kẻ làm đầu thì phải nên như người phục vụ*” (Lc 22,26). Chức thánh là để phục vụ cộng đoàn Nhiệm Thể Chúa Kitô trong sự hiệp thông, tông truyền và nhân danh Giáo Hội.

Sự hiện diện của Chúa Kitô qua những người có chức thánh trở nên hữu hình giữa cộng đoàn tín hữu trong tư cách là đầu, là thủ lãnh của cộng đoàn. Điều đó không loại trừ những khiếm

khuyết, kể cả tội lỗi nơi con người linh mục, nhưng khi linh mục cử hành Phụng Vụ hay ban bí tích thì có sự bảo đảm là ngay cả tội lỗi cũng không thể ngăn trở sự xuất hiện của hiệu quả ân sủng.

‘Chính Đức Kitô hành động và thực hiện ơn Cứu độ qua thừa tác viên có chức thánh, nên dù vị này bất xứng, cũng không ngăn cản được Người hành động’ (*GLHTCG 1584*).

III. NGHI THỨC TRUYỀN CHỨC THÁNH

1) Nghi thức giới thiệu và tuyển chọn:

Ứng viên sắp chịu chức thánh cần được bề trên có thẩm quyền giới thiệu; nếu là chịu chức giám mục thì phải có sắc phong của Tòa Thánh. Sau lời tuyên hứa, cộng đoàn hát kinh cầu các thánh để các tiến chức chu toàn sứ mạng sắp được giao phó.

2) Nghi thức phong chức:

Nghi thức chính yếu của Bí tích Truyền chức thánh là việc đức giám mục đặt tay trên đầu tiến chức, và đọc lời nguyện phong chức tùy theo chức bậc được trao ban trong thừa tác vụ thánh.

3) Nghi thức diễn nghĩa:

Nghi thức này nhằm quảng diễn vai trò và nhiệm vụ của chức thánh mà tân chức vừa mới lãnh nhận được biểu hiện qua mũ gậy, áo lễ, xúc dầu thánh, sách Phúc Âm, trao chén thánh, trao hôn bình an...

IV. NGƯỜI BAN VÀ NGƯỜI NHẬN CHỨC THÁNH

- **Chỉ có Giám Mục**, với tư cách là người kế nhiệm các tông đồ, mới có quyền Truyền Chức Thánh.

- **Chỉ người nam đã chịu Phép Rửa Tội** mới được lãnh nhận Bí tích Truyền Chức cách thành sự, bởi vì Chúa Giêsu đã chọn những người nam để lập Nhóm Mười Hai nên Hội Thánh

bây giờ bị ràng buộc bởi sự chọn lựa ấy. Trong Giáo Hội Tây Phương, trừ Phó tế vĩnh viễn, mọi thừa tác viên có chức thánh thường được tuyển chọn từ những người nam sống độc thân và có ý giữ độc thân vì Nước Trời (*thế kỷ IV mới chỉ có lời khuyên độc thân, còn sang thế kỷ VII xuất hiện luật độc thân linh mục*). Còn trong Giáo Hội Đông Phương, vẫn giữ truyền thống: chỉ chọn làm Giám mục trong số những người độc thân, còn Linh mục và Phó tế có thể được tuyển chọn trong những người đã lập gia đình (*không tái hôn*).

- **Nam Tu sĩ** có thể là người được Truyền Chức thánh. Dù Hội Thánh có đề cao bậc sống tu trì nhưng nghi thức **Khấn Dòng không phải là một bí tích**, mà chỉ cốt phát triển tới mức tối đa ơn đã lãnh nhận trong Bí tích Thánh Tẩy.

“Mọi môn đệ Chúa Kitô đều được mời gọi sống các lời khuyên Phúc Âm, vốn có rất nhiều. Mọi tín hữu đều được gọi sống đức ái hoàn hảo. Nhưng những ai tự nguyện sống đời tận hiến, thì buộc tuân giữ đức vâng phục, đức nghèo khó, và

đức khiết tịnh trong đời sống độc thân vì Nước Trời. Chính việc tuyên khấn giữ các lời khuyên Phúc Âm, trong một bậc sống ổn định được Hội Thánh công nhận, diễn tả nét đặc thù của ‘*đời sống thánh hiến*’ cho Thiên Chúa (x.LG 42-43; PC 1)” (GLHTCG 915)

V. HIỆU QUẢ TRUYỀN CHỨC THÁNH

- **Ấn tích vĩnh viễn** ở mỗi cấp nhằm ban quyền thiêng liêng.

“Người lãnh nhận chức thánh thành sự, vì lý do hệ trọng, có thể được chước miễn những bổn phận và chức vụ gắn liền với chức thánh hay bị cấm thi hành chức vụ, nhưng không thể trở về bậc giáo dân đúng nghĩa vì ấn tín bí tích Truyền Chức không thể xóa nhòa được. Ôn gọi và sứ mạng đã lãnh nhận trong ngày chịu chức thánh vẫn tồn tại mãi mãi” (GLHTCG 1583).

- **Ơn Chúa Thánh Thần** làm cho thụ nhân vừa trở nên giống Chúa Kitô, vừa để trở thành thừa tác viên của Chúa Kitô là

VI. MỤC VỤ GIÁO LÝ

1* Chức thánh để phục vụ:

Hội Thánh rất quý trọng ơn gọi linh mục vì sự tồn tại và phát triển của chính Hội Thánh qua việc phục vụ cộng đoàn dân thánh và mở rộng Nước Chúa. Tuy nhiên, các chức thánh trong Hội Thánh không phải là những địa vị thăng tiến theo kiểu xã hội loài người, nhưng là nhiệm vụ Chúa Kitô ủy thác cho một số tín hữu nhằm phục vụ Thân Thể Ngài là Hội Thánh. Vì thế, giáo lý viên phải giúp các em học sinh giáo lý, ngay từ nhỏ, biết thanh tẩy những cái nhìn không đúng về chức vụ linh mục, chức thánh là để phục vụ chứ không phải để tìm kiếm địa vị; đồng thời luôn cầu nguyện cho Hội Thánh có nhiều vị mục tử tài đức đúng *‘như lòng Chúa mong muốn’*.

2* Hiệp thông trong Hội Thánh:

Chúa Kitô hiện diện trong Hội Thánh bằng nhiều cách: tụ họp cầu nguyện, lắng nghe Lời Chúa, cử hành phụng vụ và các bí tích..., song Chúa Kitô còn hiện diện cách đặc biệt nơi các thừa tác viên có chức thánh. Giáo dục các em kính trọng, yêu mến và cầu nguyện cho Đức giám mục Giáo phận, các linh mục, các tu sĩ... vì các ngài cũng là những con người yếu đuối, những *'bình sành dễ vỡ'*, cần sự hỗ trợ và cảm thông. Đồng thời huấn luyện các em có tinh thần trách nhiệm, hiệp thông và cộng tác đặc lực với những người đứng đầu Hội Thánh, thay mặt Chúa Kitô cai quản Hội Thánh trong các công việc chung để xây dựng Nhiệm Thể Chúa Kitô. Hơn nữa, nhờ có các ngài mà mọi tín hữu (*chức tư tế cộng đồng*) được thông dự vào hy tế của Chúa Kitô qua chức tư tế thừa tác của linh mục.

3* Ôn gọi dâng hiến:

Giáo lý viên có thể góp phần rất lớn và rất hiệu quả trong việc ươm mầm ơn gọi tu trì ngay tại các lớp giáo lý. Hướng các em đến những cánh đồng truyền giáo, hiểu ý nghĩa của các cử

hành phụng vụ, khích lệ các em trong các công việc phục vụ cộng đoàn, tất cả những công việc ấy của giáo lý viên là những nhân tố tích cực làm phát sinh ơn gọi dâng hiến.

TÓM LƯỢC:

1 H. Phụng vụ Truyền Chức thánh là gì?*

-T. Phụng vụ Truyền Chức thánh là việc Đức giám mục đặt tay và đọc lời nguyện phong chức để tân chức tiếp nối sứ mạng Chúa Kitô đã ủy thác cho các tông đồ được tiếp tục trong Hội Thánh cho đến tận thế.

2 H. Có mấy chức thánh?*

-T. Chỉ có một bí tích Truyền Chức Thánh song có ba cấp là chức giám mục, linh mục và phó tế.

3 H. Người giáo dân có chức tư tế không?*

-T. Mọi Kitô hữu đều tham dự vào chức tư tế duy nhất của Chúa Giêsu Kitô, gọi là chức tư tế cộng đồng; chức tư tế thừa

tác của giám mục hay linh mục là để phục vụ chức tư tế cộng đồng.

4 H. Nghi thức Truyền Chức thánh cử hành thế nào?*

-T. Nghi thức Truyền Chức thánh bắt đầu bằng việc thỉnh vãn, hát kinh cầu các thánh rồi đến nghi thức chính yếu là việc giám mục đặt tay và đọc lời nguyện phong chức, và kết thúc bằng nghi thức diễn nghĩa như mặc lễ phục, xức dầu thánh...

5 H. Bí tích Truyền Chức thánh mang lại những ơn gì?*

-T. Bí tích Truyền Chức thánh ghi ấn tích không phai mờ và ban ơn Chúa Thánh Thần để trở thành thừa tác viên của Chúa Kitô là *Thượng Tế, Thầy Dạy* và *Mục Tử*.

CẦU NGUYỆN:

Lạy Chúa Giêsu,

xin ban cho chúng con những linh mục có trái tim thuộc trọn về Chúa, nên cũng thuộc trọn về con người. Xin cho chúng con

những linh mục có trái tim biết yêu bằng tình yêu hiến dâng, một trái tim đủ lớn để chứa được mọi người và từng người, nhất là những ai nghèo khổ, bị bỏ rơi. Xin cho chúng con những linh mục biết cầu nguyện, có tình bạn thân thiết với Chúa để các ngài giới thiệu Chúa cho chúng con. Xin cho chúng con những linh mục thánh thiện, có thể nuôi chúng con bằng tấm bánh thơm tho, tấm bánh Lời Chúa và Mình Chúa. Cuối cùng, xin cho chúng con những linh mục có trái tim của Chúa, say mê Thiên Chúa và say mê con người, hy sinh đời mình để bảo vệ đoàn chiên và dẫn đưa chúng con đến với Chúa là Nguồn Sống thật. (*Abba 56*)

Bài 14:

PHỤNG VỤ HÔN PHỐI

“Hôn nhân giữa hai người được Rửa Tội là một bí tích thực sự của Giao Ước Mới, vì biểu thị và thông ban ân sủng cho họ” (*GLHTCG 1617*).

Phụng vụ Hôn Phối là việc hai Kitô hữu, một nam một nữ, kết ước thành vợ chồng trước mặt Thiên Chúa và Hội Thánh trong sự tự do ưng thuận và không mắc ngăn trở tiêu hôn.

I. MỤC ĐÍCH HÔN NHÂN KITÔ GIÁO

Cử hành Hôn Phối là đón nhận ơn Chúa để chu toàn hai mục tiêu của đời sống hôn nhân và gia đình.

- **Giúp phát triển con người**, tức là “*hướng tới thiện ích của đôi vợ chồng*”, **tương trợ nhau trong mọi lãnh vực, nhất là đời sống tính dục** (*vì nếu không đạt được hành vi vợ chồng thì hôn phối vô hiệu, như trong trường hợp người bất lực vĩnh viễn bị cấm kết hôn*).

- **Sinh sản và giáo dục con cái:** Hội Thánh không còn coi truyền sinh như là chủ đích duy nhất và bắt buộc của hành vi vợ chồng nữa (*hôn nhân của những người già và son sẻ vẫn thành sự*), nhưng những ai chọn lựa bí tích này đều phải mở ngỏ cho việc sinh sản.

II. ĐẶC TÍNH CỦA HÔN PHỐI CÔNG GIÁO

Hôn nhân Công giáo mang những nét đặc trưng sau đây:

- **Một tình yêu bất khả phân ly (*vĩnh hôn*) và độc hữu cho đến chết (*đơn hôn*),** nghĩa là chỉ có một vợ một chồng và không thể đoạn tiêu cho đến khi một trong hai người qua đời. Hôn nhân đã thành sự và hoàn hợp không thể đoạn tiêu do sự thỏa thuận của hai vợ chồng hay của pháp luật xã hội hay do bất cứ một quyền bính nhân loại nào, kể cả Hội Thánh, vì đó là luật do Thiên Chúa thiết định. (*1Cr 7,10-11.39; 1Tx 4,4; Mt 5,31-32; 19,1-9; Mc 10,11-12; Lc 16,18*)

- **Một tình yêu phong nhiêu** hướng về việc sinh sản và lo cho con cái được giáo dục về nhân bản và Kitô giáo.

- **Một tình yêu trọn vẹn** gồm cả thể xác lẫn tinh thần.
- **Một tình yêu toàn diện**, san sẻ cho nhau suốt cả cuộc đời vui buồn, giàu nghèo, khổ đau hay an mạnh.

III. THỪA TÁC VIÊN VÀ NGƯỜI CHỨNG HÔN

Đôi nam nữ được coi là thừa tác viên ân sủng của Chúa Kitô, và họ **ban bí tích cho nhau** khi tỏ bày sự ưng thuận kết hôn trước vị **chứng hôn** hợp pháp của Hội Thánh. **Bày tỏ sự tự do ưng thuận** là nghi lễ cốt yếu của việc cử hành Bí tích Hôn Phối, song thừa tác viên và người chứng hôn là nhân tố không thể thiếu trong việc cử hành Hôn Phối.

Người *chứng hôn thông thường* là những người có chức thánh (*GM,LM,PT*) cùng với hai người làm chứng khác. Giáo dân *chứng hôn ngoại lệ* phải có phép đặc biệt của Giám Mục giáo phận với sự đồng ý của Hội Đồng Giám Mục và Toà Thánh (*GL 1112*), trừ trường hợp nguy tử (*GL 1116*).

Chứng hôn là *bổn phận (không được từ chối khi họ không mắc ngăn trở nào)* và quyền lợi (*có thể ủy quyền chứng hôn*)

của linh mục Quản Xứ đối với những người thuộc quyền mình ở bất cứ nơi nào (*thuộc nhân*), hoặc chứng hôn cho bất cứ ai muốn cử hành hôn phối trong phần đất của mình (*thuộc địa*) (*GL 1109*).

IV. HÔN PHỐI HỮU HIỆU VÀ HỢP PHÁP

Điều kiện để Bí tích Hôn Phối hữu hiệu và hợp pháp:

1) Phải là hai Kitô hữu, nếu thuộc hai Giáo Hội khác nhau thì phải xin phép Đấng Bản Quyền.

2) Đôi nam nữ bày tỏ sự ưng thuận kết hôn trước vị chứng hôn hợp pháp của Hội Thánh. Những thiếu sót, làm lẩn về sự ưng thuận làm cho hôn nhân bất thành: *làm lẩn về người kết hôn (tư cách), kết hôn do man trá, giả vờ, bạo lực, sợ hãi (bắt cóc), điều kiện, làm lẩn về luật.*

3) Không mắc ngăn trở hôn:

- **Ngăn trở về tuổi:** Giáo luật qui định nam phải đủ 16 tuổi, nữ phải đủ 14 tuổi, nhưng cũng còn tùy thuộc HĐGM quyết

định hạn tuổi, riêng ở Việt Nam là theo Dân luật (18 và 20 tuổi).

- **Ngăn trở do bất lực:** bao lâu còn ngăn trở về phía người nam hay nữ (*bất lực tạm thời hay vĩnh viễn*), dù biết trước hay không biết trước, đều kết hôn bất thành vì nó hủy bỏ một trong những mục đích cốt yếu của hôn nhân là tương trợ nhau trong hành vi vợ chồng, và đương nhiên không thể sinh sản. Nếu bất lực chỉ xảy ra sau một thời gian chung sống thì vẫn được kể là Hôn Phối hữu hiệu và hợp pháp. Trường hợp son sẻ vẫn có thể kết hôn hữu hiệu vì họ không loại bỏ hai mục đích cốt yếu của Hôn Nhân là tương trợ nhau trong đời sống tính dục và hướng đến việc sinh con, dù rằng không đưa đến kết quả thụ thai.

- **Ngăn trở do dây hôn phối:** một trong hai người hoặc cả hai còn bị ràng buộc bởi Bí tích Hôn Phối hay hôn nhân tự nhiên thì việc kết hôn sau bất thành, trừ **đặc ân Phaolô (1Cr 7,12-16)** đối với hôn nhân tự nhiên.

Trường hợp một người theo đạo mà người kia *vì lý do tông*

giáo không chấp nhận chung sống thì được tháo gỡ khi người tân tòng tái hôn. Vì thế, đối với một hôn nhân tự nhiên đã ly dị, mà một người theo đạo thì không đương nhiên hủy bỏ dây hôn phối tự nhiên đó khi họ muốn tái hôn. Đặc ân Phaolô nhằm bảo vệ đức tin của người được Rửa Tội miễn là bên không Rửa Tội đoạn tuyệt với họ (*phải làm tờ chất vấn người phối ngẫu cũ theo Giáo Luật điều 1144*), chứ không phải vì lý do đã ly dị trước đó.

- ***Ngăn trở họ máu và họ kết bạn (có họ do việc kết hôn)***: Cấm kết hôn giữa những người cùng chung một dòng máu trong các đời thuộc hàng dọc, còn hàng ngang thì được kết hôn khi đã **quá 4 đời** (*tính đời bằng cách cộng tất cả các đời của hai bên lại trừ gốc*). Đối với họ kết bạn, chỉ cấm kết hôn hàng dọc, có nghĩa là khi người phối ngẫu của mình qua đời thì không được tái hôn với cha mẹ hoặc con riêng của người phối ngẫu.

- ***Ngăn trở vì có chức thánh hoặc lời khấn*** trọn trong dòng

tu (*nếu cố tình kết hôn thì mang vạ tiền kết và huyền chức*).

- ***Ngăn trở vì dưỡng hệ:*** Hôn Phối không hữu hiệu giữa bố mẹ nuôi với con nuôi hợp pháp (*được pháp luật nhìn nhận*), giữa anh chị em con đẻ với con nuôi (*xin phép chuẩn*). Luật này không áp dụng cho các trường hợp con thiêng liêng, đỡ đầu, anh chị em kết nghĩa.

Hôn nhân giữa những người mà một trong hai người trước kia đã từng chung sống công khai với bố mẹ hay con cháu (*trực hệ*) của người kia thì được xem là vô hiệu.

- ***Ngăn trở vì mưu sát phối ngẫu:*** Hôn nhân giữa những người cố tình hay cộng tác vào việc mưu sát người phối ngẫu của mình hay của người kia nhằm mục đích tái hôn thì vô hiệu.

- ***Ngăn trở vì khác biệt tôn giáo:*** Hôn nhân giữa một người Công giáo với một người chưa được Rửa Tội là vô hiệu (*phải xin phép chuẩn Hôn Phối khác đạo; tưởng lầm là đã được Rửa Tội cũng vô hiệu, sau đó có được Rửa Tội hay có xin phép chuẩn cũng phải cử hành lại*). Trường hợp kết hôn với một

người thuộc Giáo Hội khác cũng phải xin phép đặc biệt, nếu không xin phép thì Hôn Phối hữu hiệu nhưng bất hợp pháp (*nghĩa là không phải cử hành lại nhưng phải xin phép chuẩn*).

Hôn Phối đã cử hành theo nghi thức của Hội Thánh được xem là đã **hữu hiệu** nếu không mắc ngăn trở tiêu hôn. Tuy nhiên đây mới chỉ là một dấu chỉ chính yếu của Bí tích Hôn Phối (*dấu chỉ bằng lời hôn ước*), còn một *dấu chỉ chính yếu bằng sự việc* nữa là việc vợ chồng ăn ở với nhau một lần sau đó thì bí tích được xem là đã hữu hiệu và hoàn hợp nên không thể tháo gỡ.

V. NGHI THỨC HÔN PHỐI

Bí tích Hôn Phối được cử hành trong Thánh lễ nhằm diễn tả tình yêu tự hiến mà vợ chồng trao cho nhau theo gương Chúa Kitô đã yêu thương Hội Thánh. Tuy nhiên vẫn có thể cử hành ngoài thánh lễ.

1) Phụng vụ Lời Chúa không thể thiếu trong việc cử hành Hôn Phối trong hay ngoài thánh lễ. Lời Chúa soi sáng cho việc

kết ước hôn nhân trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa.

2) Cử hành Hôn Phối:

- Vị chứng hôn thăm vấn đôi bạn về sự tự do kết hôn.
- Chính đôi bạn công khai nói lời hôn ước trước vị chứng hôn và hai người làm chứng cũng như cộng đoàn. Lời ưng thuận này của đôi bạn là một đòi hỏi bắt buộc trong mọi cử hành Hôn Phối (*cả hai có mặt, bày tỏ sự ưng thuận cách nào đó cũng không nhất thiết là lời nói*).
- Nghi thức diễn nghĩa là việc *trao nhẫn* và *ký Sổ Hôn Phối* như một kỷ niệm để nhắc nhớ, chứ không phải là thiết yếu.
- Lời chúc hôn sau kinh Lạy Cha là xin Thiên Chúa chúc phúc cho hôn ước vừa ký kết.
- Sự hiệp thông Mình và Máu Chúa Kitô để củng cố và nuôi dưỡng tình yêu vợ chồng.

Trong trường hợp hôn phối giữa một người Công Giáo với một người chưa chịu phép Thánh Tẩy, hay thuộc một Giáo Hội khác thì cử hành ngoài thánh lễ.

VI. THÁO GỠ DÂY HÔN PHỐI

Tháo gỡ Hôn Phối không phải là nghi thức phụng vụ nhưng là công việc của Tòa án hôn phối của Giáo phận hay của Tòa Thánh sau khi đã điều tra, xem xét và phán quyết về một Hôn Phối nghi ngờ là chưa thành sự hoặc chưa hữu hiệu. Hôn nhân đã *hữu hiệu và hoàn hợp* không thể bị tháo gỡ bởi một quyền bính nhân loại nào, kể cả Hội Thánh, hay một nguyên do nào, ngoại trừ sự chết.

Hôn nhân hữu hiệu mà chưa hoàn hợp có thể được Tòa Thánh (*vì còn thiếu một dấu chỉ chính yếu*) gỡ bỏ, gọi là **đặc ân Phêrô**.

Thực ra, Hội Thánh không có quyền tháo gỡ dây hôn phối đã hữu hiệu và hoàn hợp mà chỉ tuyên bố Bí tích Hôn Phối đã không hữu hiệu ngay từ đầu vì một lý do nào đó (*ngăn trở tiêu hôn*). Sự bất khả phân ly trong đời sống hôn nhân là giới luật của Thiên Chúa, Hội Thánh chỉ có thể tháo cởi (*chuẩn*) những gì thuộc luật qui định của con người.

VII. MỤC VỤ GIÁO LÝ

1* Thời gian tìm hiểu:

Hôn nhân là một quyết định rất quan trọng, chi phối cả một đời người. Trước khi tiến tới Hôn nhân cần có thời gian tìm hiểu, học hỏi, suy nghĩ, cầu nguyện và bàn hỏi vì hôn nhân là một hành trình dài hạn và gia đình là một cuộc chung sống suốt đời. Hơn nữa, cha quản xứ nào nhận chứng hôn đều cần có thời gian dạy giáo lý và điều tra hôn phối.

2* Giáo lý hôn nhân:

Giáo lý hôn nhân và gia đình là một đòi hỏi rất quan trọng trong công việc mục vụ gia đình trước khi tiến tới hôn nhân. Học giáo lý hôn nhân không đương nhiên là phải kết hôn nhưng là giúp thanh niên có một cái nhìn và hướng đi đúng đắn về đời sống hôn nhân và gia đình. Trước khi kết hôn, họ phải biết mình sẽ đi đâu và sẽ làm gì trong một gia đình mới. Tiến tới hôn nhân mà không biết gì về trách nhiệm đời sống hôn nhân thì quả là mạo hiểm và hơi liều lĩnh cho chính mình mình và

cho người khác.

3* Nuôi dưỡng tình yêu:

Sự tự do ưng thuận kết hôn là một yếu tố pháp lý và thiết yếu làm nên bí tích Hôn Phối, song tình yêu mới là nền tảng của hạnh phúc gia đình. Để quyết định hôn nhân được tự do cần có thời gian tìm hiểu, trau dồi kiến thức hôn nhân và gia đình; đồng thời tăng cường và thanh luyện tình yêu để đời sống chung mai này trở sinh hoa quả thánh thiện. Sự tự do kết hôn ở đây không có nghĩa là đôi bạn được tự đặt ra những điều kiện hay những thỏa thuận ràng buộc, mà chỉ là tự do trong sự lựa chọn người bạn đời mà thôi. Giáo dục giới tính cũng là một nhu cầu khi bước vào hôn nhân, và đó là trách nhiệm trước tiên của gia đình. Các buổi hội thảo, chia sẻ với những người có kinh nghiệm và chuyên môn trong các lớp giáo lý hôn nhân là rất hữu ích.

4* Giáo lý viên có gia đình:

Giáo Xứ cũng nên có những giáo lý viên có gia đình, đứng

tuổi và đời sống ổn định để đội ngũ giảng dạy giáo lý không bị xáo trộn khi lớp trẻ lập gia đình.

“Khi giáo lý viên lập gia đình, đời sống hôn nhân là thành phần của linh đạo. Đúng như Đức Thánh Cha quả quyết: *“Giáo lý viên đã lập gia đình phải làm chứng một cách xứng hợp cho giá trị Kitô giáo của hôn nhân, bằng cách sống bí tích qua việc trung tín trọn vẹn và giáo dục con cái một cách có trách nhiệm”*. Linh đạo nối kết với hôn nhân có thể có ảnh hưởng thuận lợi và đặc biệt trên chính hoạt động của giáo lý viên. Giáo lý viên sẽ đưa cả gia đình hội nhập vào việc phục vụ của mình, đến độ cả gia đình thực sự là một đơn vị truyền giáo” (GLV 6)

TÓM LƯỢC:

1 H. Phụng vụ Hôn Phối là gì?*

T. Phụng vụ Hôn Phối là việc hai Kitô hữu, một nam một nữ, kết ước thành vợ chồng trước mặt Thiên Chúa và Hội Thánh trong sự tự do ưng thuận và không mắc ngăn trở tiêu hôn.

2 H. Hôn nhân Công Giáo có những đặc tính gì?*

-T. Hôn nhân Công Giáo có hai đặc tính: một là một vợ một chồng, hai là bất khả phân ly.

3 H. Đây là mục đích của Hôn nhân Công Giáo?*

-T. Hôn nhân Công Giáo có hai mục đích: một là bổ túc cho nhau trong tình yêu vợ chồng; hai là sinh sản và giáo dục con cái.

4 H. Để Bí tích Hôn Phối hữu hiệu và hợp pháp cần có những điều kiện gì?*

-T. Để Bí tích Hôn Phối hữu hiệu và hợp pháp phải hội đủ ba điều kiện này: một phải là Kitô hữu; hai là có sự tự do ưng thuận; và ba là không mắc ngăn trở tiêu hôn.

5 H. Tại sao Bí tích Hôn Phối lại cần có sự chứng hôn của Hội Thánh?*

-T. Đôi nam nữ là thừa tác viên ân sủng của Bí tích Hôn Phối song họ phải trao ban bí tích cho nhau trước vị chứng hôn hợp pháp của Hội Thánh cùng với hai người làm chứng thì Bí tích Hôn Phối mới hữu hiệu và hợp pháp..

6* H. Nghi thức chính yếu của việc kết hôn Công Giáo là gì?

-T. Nghi thức chính yếu của việc kết hôn Công Giáo là đôi bạn bày tỏ sự tự do ưng thuận kết hôn trước sự chứng hôn của Hội Thánh.

7* H. Có thể tháo gỡ Hôn Phối Công Giáo không?

-T. Một khi Hôn Phối đã hữu hiệu và hoàn hợp thì không thể tháo gỡ. Hội Thánh không có quyền hủy bỏ Hôn Phối mà chỉ tuyên bố bí tích đã không thành sự ngay từ lúc kết hôn vì vướng một ngăn trở tiêu hôn nào đó.

CẦU NGUYỆN:

Như đóa sen giữa đầm lầy,
xin giữ tâm hồn con thanh khiết.

Giữa một thế giới đầy hình ảnh vẩn đục, xin gìn giữ mắt con.

Giữa một thế giới tôn thờ khoái lạc,
xin dạy con biết trân trọng thân xác.

Giữa một thế giới bị ám ảnh bởi tình dục,
xin thanh lọc trí tưởng tượng của con.

Xin nâng con lên cao vượt qua những thềm muốn chiếm đoạt,
để biết tự hiến trong yêu thương.

Xin đừng để con phung phí sức lực
vào những chuyện tình cảm chóng qua,
nhưng giúp con tự rèn luyện mình để gánh vác
cuộc sống Chúa mời gọi.

Như đóa sen trong đầm lầy, xin giữ thân xác con thanh khiết.
(Abba 69)

Bài 15:

PHỤ TÍCH

“Mẹ Hiền Hội Thánh đã thiết lập những á bí tích. Đây là những dấu chỉ thánh, vì một phần nào phỏng theo những bí tích, nhờ đó biểu trưng những hiệu quả – nhất là những hiệu quả thiêng liêng – và thông ban hiệu quả đó nhờ lời bầu cử của Hội Thánh. Nhờ các á bí tích, con người chuẩn bị lãnh nhận hiệu quả chính yếu của các bí tích và thánh hóa những hoàn cảnh khác biệt trong cuộc sống” (*GLHTCG 1667*).

Phụ tích (*Á Bí tích*) là những dấu chỉ do Hội Thánh thiết lập để thông ban các ơn thiêng qua lời bầu cử của Hội Thánh.

I. ĐẶC ĐIỂM CỦA PHỤ TÍCH

1) Mục đích thiết lập:

- Hội Thánh thiết lập các Phụ tích **nhằm thánh hóa** một số thừa tác vụ (*trao ban thừa tác vụ đọc sách, giúp lễ...*), một số bậc sống (*thánh hiến trinh nữ, khấn dòng*), những hoàn cảnh đa dạng của cuộc sống (*chúc lành cho bệnh nhân, chúc lành cho những người hành hương...*), và cả những vật dụng hữu ích cho con người (*làm phép xe, nhà ở, tượng ảnh thánh...*).

- Phụ tích còn dùng **để đáp ứng** các nhu cầu, văn hóa, lịch sử các vùng Kitô giáo của từng thời đại.

2) Thừa tác viên của Phụ tích:

Các Phụ tích bắt nguồn từ chức tư tế cộng đồng của mọi tín hữu được mời gọi trở nên một lời chúc lành của Thiên Chúa và có khả năng chúc lành (*St 12,2*). Thừa tác viên của Phụ tích ưu tiên cho những người có chức thánh (*GL 1168*).

- **Chỉ có giám mục** hay **linh mục được ủy quyền** mới được cử hành các nghi thức thánh hiến hay cung hiến (*chúc phong viện phụ, thánh hiến trinh nữ, cung hiến nhà thờ, bàn thờ*).

- **Linh mục** hay **phó tế** có thể ban các phép lành trên người (*chúc lành cho các giáo lý viên, khách du lịch...*), trên vật dụng (*chuỗi Mân Côi, ảnh tượng thánh...*), và nơi chốn (*làm phép nhà mới, làm phép trường học...*).

- **Giáo dân** cũng có thể chủ sự một số nghi thức chúc lành và làm phép (*chúc lành cho đôi hôn phối ngoài thánh lễ, chúc lành cho con cái, làm phép nhà, chúc lành Sinh nhật...*).

3) Nghi thức cử hành:

Nghi thức cử hành các Phụ tích thường gồm hai phần:

- **Công bố Lời Chúa:** thánh ca, lời dẫn, bài đọc Thánh Kinh, dẫn giải.

- **Công thức phép lành:** lời cầu nguyện của Hội Thánh trên người và trên vật được chúc lành (*có lời nguyện chung trước khi ban phép lành; hoặc đơn giản chỉ có lời nguyện chúc lành*), kèm theo một vài cử chỉ như đặt tay, dầu thánh giá, rảy nước thánh, xông hương.

4) Hiệu quả của Phụ tích:

Các Phụ tích không ban ơn Chúa Thánh Thần như các bí tích, nhưng nhờ lời cầu nguyện của Hội Thánh, chuẩn bị các tín hữu sốt sắng đón nhận ân sủng và giúp họ đón nhận ân sủng một cách hiệu quả.

Tất cả mọi biến cố trong cuộc đời con người đều được thánh hóa từ máu nhiệm Phục sinh của Chúa Kitô vì Ngài là nguồn mạch mọi ân sủng. Không có việc sử dụng của cải vật chất chính đáng nào mà không liên quan đến mục đích thánh hóa con người và ca ngợi lòng từ bi của Thiên Chúa.

II. PHÂN LOẠI PHỤ TÍCH

Các Phụ tích cũng thuộc về Phụng vụ thánh của Giáo Hội, bao gồm các phép lành và việc trừ tà:

1) Các phép lành:

- *Phép lành liên quan đến người*: làm phép phụ nữ trước và

sau khi sinh con, làm phép những người được sai đi rao giảng Tin Mừng, làm phép những người được cử dạy giáo lý, trao ban thừa tác vụ đọc sách và giúp lễ,...

- ***Phép lành liên quan đến nơi chốn***: cung hiến nhà thờ, làm phép nơi ở, đồng ruộng, nghĩa trang...

- ***Phép lành liên quan đến vật dụng***: đồ dùng trong phụng vụ, ảnh tượng, xe cộ, thiết bị, dụng cụ lao động...

2) Nghi thức trừ tà:

Chúa Giêsu đã từng trừ quỷ, và chính Người đã ban cho Hội Thánh quyền lợi và nghĩa vụ trừ tà (*Mc 3,15; 6,7.13; 16,17*). Việc trừ tà là một nghi thức phụng vụ được cử hành nhân danh Chúa Kitô để xin Thiên Chúa bảo vệ người hay sự vật khỏi quyền lực ma quỷ và thoát ách thống trị của chúng.

- Trong nghi thức cử hành bí tích Thánh tẩy có ***nghi thức trừ tà đơn giản*** dành cho các linh mục hay phó tế.

- ***Nghi thức trừ tà trọng thể*** phải do một linh mục cử hành

với phép đặc biệt của giám mục. Mục đích của nghi thức trừ quỷ nhằm trục xuất ác thần Satan và giải thoát khỏi ảnh hưởng của nó nhờ quyền thiêng liêng Chúa Giêsu đã ủy thác cho Hội Thánh, khác với việc chữa bệnh vì chữa bệnh là công việc của y khoa. Do đó trước khi trừ tà phải điều tra cẩn thận để chắc chắn đây là trường hợp bị quỷ ám, chứ không phải dạng tâm thần.

III. MỤC VỤ GIÁO LÝ

1* Lòng đạo đức bình dân:

Bất cứ một tín hữu nào, thậm chí ngay cả những người không phải là Kitô giáo, cũng có thể xin phép lành qua các cử hành Phụ tích, miễn là có ý ngay lành và niềm tin ngay thật. Phụ tích không nhằm miễn chuẩn cho chúng ta bốn phận phải chu toàn, công việc phải cố gắng (*chức lành chứ không phải chữa bệnh*), song càng phải ý thức và nỗ lực hơn cùng với ơn Chúa trợ giúp.

2* Tránh mê tín dị đoan:

Phụ tích là những nghi thức phụng vụ nhằm tôn vinh Thiên Chúa và kêu cầu ơn trợ giúp, chứ không phải là những phù phép. Vì thế các tín hữu phải ý thức phân biệt khỏi những sai trái, mờ ám và thật tình muốn lãnh nhận để thăng tiến đức tin mà không rơi vào mê tín dị đoan.

TÓM LƯỢC:

1 H. Phụ tích là gì?*

-T. Phụ tích là những dấu chỉ do Hội Thánh thiết lập để thông ban các ơn thiêng qua lời bầu cử của Hội Thánh.

2 Có những loại Phụ tích nào?*

-T. Có ba loại phụ tích liên quan đến người, nơi chốn và vật dụng.

3 H. Nghi thức ban các Phụ tích như thế nào?*

-T. Tùy theo loại phụ tích mà người giáo dân hay người có chức thánh mới được cử hành nghi thức làm phép. Thông thường có việc công bố Lời Chúa đi trước công thức làm phép,

hoặc chỉ đơn giản bằng lời nguyện làm phép rồi kèm theo một vài cử chỉ như đặt tay, làm dấu thánh giá, rảy nước thánh.

CẦU NGUYỆN:

Ôi Maria, Mẹ Thiên Chúa!

Xin giữ lòng con ngây thơ,
tinh sạch và trong suốt như một dòng suối.

Xin cho con một tấm lòng đơn sơ, không biết tích để những ưu
phiền, một tấm lòng hào hiệp hy sinh, một tấm lòng trung
thành và đại độ, không quên một ơn, không ghi một oán.

Xin Mẹ làm cho lòng con hiền hậu và khiêm tốn,
yêu mà không mong được yêu lại, biết vui vẻ quên mình,
để nhường chỗ cho Con Mẹ trong một trái tim khác.

Xin Mẹ rèn đúc trong con một tấm lòng rộng lớn,
không một sự vật nào thắng nổi,
không khép lại trước một vô ơn,
không chán nản trước một lãnh đạm,
một tấm lòng khắc khoai lo tìm vinh hiển Chúa Giêsu,

một tấm lòng được tình yêu đậm dẫu,
và vết thương chỉ thuyên lành trên trời. *Amen.*

Bài 16:

GIỜ KINH PHỤNG VỤ

“Trong khi chu toàn nhiệm vụ tư tế của Đức Kitô, Giáo Hội cử hành phụng vụ giờ kinh, nhờ đó Giáo Hội lắng nghe Thiên Chúa nói với dân Ngài, tưởng nhớ mầu nhiệm ơn cứu chuộc, ca tụng Ngài không ngớt bằng lời kinh và khấn cầu phần rỗi cho cả thế giới” (*GL 1173*)

I. Ý NGHĨA

Giờ Kinh Phụng Vụ là lời cầu nguyện liên lỉ của toàn thể Hội Thánh để thánh hóa ngày giờ và toàn bộ sinh hoạt của con người.

Cầu nguyện là nhiệm vụ chính yếu của các Kitô hữu vì Hội Thánh làm theo lời Chúa Kitô dạy là “*phải cầu nguyện luôn, không được nản chí*” (*Lc 18,1*). Thật vậy, ngay từ thời các tông đồ, các tín hữu đã chuyên cần cầu nguyện vào những thời khắc nhất định. Sách Công Vụ kể các môn đệ họp nhau cầu nguyện

vào giờ thứ ba (Cv 2,15), vị thủ lãnh các tông đồ “*lên sân thượng cầu nguyện vào giờ thứ sáu*” (10,9), ông Phêrô và ông Gioan lên đền thờ vào buổi cầu nguyện giờ thứ chín (3,1), “*vào quăng nửa đêm, ông Phaolô và ông Xila cầu nguyện ca tụng Chúa*” (16,25). Dần dà với thời gian, “*tại nhiều nơi đã sớm có thói quen dành những khoảng thời gian rõ rệt để cầu nguyện chung với nhau như vào giờ cuối ngày, khi trời tối và lúc lên đèn, hoặc giờ đầu ngày, lúc đêm tàn và ngày ló rạng*” (KPV 1) để thánh hóa ngày sống của mình.

Những buổi cầu nguyện chung như thế dần dần tạo thành một chu kỳ giờ kinh nhất định, và đó là lời cầu nguyện của Hội Thánh cùng với Chúa Kitô và dâng lên Chúa Kitô.

II. CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ TRONG NGÀY

So với các cử hành phụng vụ khác, các Giờ Kinh Phụng Vụ có đặc điểm thánh hóa toàn bộ chu kỳ thời gian ngày và đêm, như lời thư gửi tín hữu Do Thái: “*Nhờ Chúa Giêsu, chúng ta hãy luôn luôn dùng lời ca tụng làm lễ tế dâng lên Thiên Chúa*”

(Dt 13,15).

Các Giờ Kinh Phụng Vụ hiện nay được chia thành 5 giờ kinh khác nhau trong ngày, đó là kinh Sách, kinh Sáng, kinh Trưa, kinh Chiều và kinh Tối:

1 * Kinh Sách đề ra cho dân Chúa phương tiện phong phú nghiên ngẫm Kinh Thánh và những trang sách hay đẹp nhất của các nhà tu đức, cùng các Thánh Vịnh, thánh thi và lời nguyện.

2 * Kinh Sáng nhằm thánh hóa thời khắc ban mai khi bắt đầu một ngày mới để dâng lên Chúa những tác động đầu tiên của lòng trí chúng ta. Kinh Sáng được đọc vào lúc bình minh ló rạng để ca ngợi Đức Kitô Phục sinh là mặt trời công chính, là ánh sáng thật chiếu soi mọi người.

3 * Kinh Trưa là những giờ kinh nhỏ nằm giữa kinh Sáng và kinh Chiều, gồm các giờ kinh sau đây: kinh giờ ba (*9 giờ sáng*), kinh giờ sáu (*12 giờ trưa*) và kinh giờ chín (*3 giờ chiều*). Những ai sống đời chiêm niệm phải đọc chung với nhau ba giờ kinh Trưa này, còn những người khác được phép chọn một

trong ba giờ kinh này vào những thời khắc phù hợp trong ngày.

4 * Kinh Chiều được cử hành vào lúc ban chiều khi ngày vừa xế bóng để tạ ơn những gì Chúa đã ban hoặc những việc lành chúng ta đã làm trong ngày. Kinh Chiều cũng nhắc nhở đến công trình cứu chuộc của Chúa, và niềm hy vọng về ánh sáng không hề tàn lụi.

5 * Kinh Tối là *“kinh cuối cùng trong ngày, đọc trước khi đi ngủ, dù đã quá nửa đêm”*, để bày tỏ tâm tình thống hối và phó thác. Bóng đêm là hình ảnh của sự Ác và sự chết, thì kinh Tối là lời nguyện tin tưởng nài van, xin Chúa chúc lành cho một giấc ngủ bình an.

Trong 5 giờ kinh phụng vụ thì Kinh Sáng và Kinh Chiều là *“hai giờ then chốt của kinh nguyện hằng ngày, nên phải coi như những giờ kinh chính yếu và vì thế không được bỏ qua”* (KPV 37).

III. CẤU TRÚC CỬ HÀNH GIỜ KINH PHỤNG VỤ.

“Các giờ Kinh Phụng vụ được quy định theo những luật lệ

riêng, đặc biệt gồm những yếu tố thường gặp trong các buổi cử hành trong Kitô giáo và được sắp xếp như sau: là bao giờ cũng có thánh thi mở đầu, rồi đến Thánh Vịnh, đoạn một bài đọc Kinh Thánh dài hay ngắn và cuối cùng là các lời nguyện” (KPV 33).

Chúng ta thử lược qua cơ cấu cử hành Kinh Sáng và Kinh Chiều là hai giờ kinh quan trọng của ngày sống.

1) Phần giáo đầu:

- Giờ kinh Sáng thường được mở đầu bằng câu “Lạy Chúa Trời, xin mở miệng con – *Cho con vang tiếng ngợi khen Ngài*”. Nếu là Kinh Chiều thì bắt đầu bằng câu: “Lạy Chúa Trời, xin tới giúp con – *Muôn lạy Chúa, xin mau phù trợ*”.

- Tiếp đến là Thánh Vịnh 94 để kêu mời các tín hữu ca tụng Chúa và nghe tiếng Người để được an nghỉ với Chúa; hoặc Thánh Vịnh 99, 66, 23. Câu điệp ca trước Thánh Vịnh 94 được thay đổi theo ngày phụng vụ để gợi lên ý nghĩa của ngày lễ. Kinh chiều không đọc Thánh Vịnh giáo đầu, song đọc *Vinh*

tụng ca và kết thúc bằng câu *Alleluia*, trừ mùa Chay.

- Kế nữa là một bài thánh thi mang tính thi vị và biểu lộ đặc tính của mỗi giờ kinh và mỗi ngày lễ.

2) Phần Thánh Vịnh:

Trong các giờ kinh, Hội Thánh dùng các Thánh Vịnh là những bài thơ cổ xưa của Thánh Kinh Cựu Ước, cũng là Lời Chúa đã được Chúa Thánh Thần linh hứng, để giúp cầu nguyện. Những Thánh Vịnh này có sức nâng tâm hồn lên cùng Chúa, khơi động những tâm tình đạo đức thánh thiện, giúp tạ ơn khi gặp điều may mắn, niềm an ủi khi gặp nghịch cảnh. Tuy nhiên Thánh Vịnh cũng mới chỉ phác họa thời kỳ viên mãn nơi Chúa Kitô nên đôi khi cũng gặp những khó khăn khi các Thánh vịnh không trực tiếp nói với Chúa, hoặc những lời nguyện rửa quân thù... Nhưng Chúa Thánh Thần, Đấng đã linh hứng cho các tác giả Thánh Vịnh soạn ra những bài thơ ấy, lúc nào cũng ban ơn phù trợ giúp các tín hữu hát hay đọc các Thánh Vịnh.

Nếu muốn đọc Thánh Vịnh cho nghiêm chỉnh thì phải đọc

mà nghiền ngẫm câu này tiếp nối câu kia, lòng lúc nào cũng sẵn sàng đáp ứng, vì Chúa Thánh Thần vẫn còn linh hứng cho tất cả những ai đạo đức sẵn sàng đón nhận ơn Người.

“Khi đọc Thánh Vịnh trong các Giờ Kinh Phụng Vụ thì ta không đọc nhân danh cá nhân, mà nhân danh Nhiệm Thể Chúa Kitô và có thể nói là đại diện cho chính Chúa Kitô nữa. Nếu nhớ như vậy, thì các khó khăn sẽ tan biến, khi thấy rằng những tâm tình sâu xa thâm kín của ta, lúc đọc Thánh Vịnh không trùng hợp với những tâm tình diễn tả trong Thánh Vịnh; thí dụ, đang âu sầu, ảo não, lại gặp một Thánh Vịnh vui tươi, đang phấn khởi, lại gặp một Thánh Vịnh âu sầu” (*KPV 108*).

“Kinh Sáng gồm một Thánh Vịnh thích hợp với buổi sáng, rồi một thánh ca trích trong sách Cựu Ước, và một Thánh Vịnh nữa, thuộc loại ca ngợi, theo truyền thống của Hội Thánh. Kinh Chiều gồm hai Thánh Vịnh (*hay hai đoạn, nếu Thánh Vịnh quá dài*) thích hợp với buổi chiều và thích hợp

với việc cử hành chung với giáo dân, và một thánh ca lấy trong các thánh thư hoặc sách Khải Huyền” (KPV 43).

3) Phần Lời Chúa:

- Đọc Thánh vịnh xong thì đọc một đoạn Sách Thánh ngắn.

“Bài đọc vẫn được chọn theo ngày trong tuần, theo mùa hay theo ngày lễ. Phải đọc và nghe bài này như đích thực là một bản công bố Lời Chúa” (KPV 45).

- Để đáp lại Lời Chúa, thường có câu xưng đáp ngắn, để Lời Chúa ăn sâu hơn vào tâm trí. Sau đó long trọng (*đứng và làm dấu thánh giá*) đọc thánh ca Tin Mừng với câu điệp ca riêng theo ngày theo mùa. Buổi sáng đọc thánh ca “Benedictus” (Chúc tụng Đức Chúa *của ông Giacaria*), buổi chiều đọc thánh ca “Magnificat” (Linh hồn tôi ngợi khen Đức Chúa *của Đức Maria*). Đây là những thánh ca vẫn được Hội Thánh từ ngàn xưa ưa thích.

- Khi cử hành các giờ kinh Phụng Vụ cũng nên có những khoảng thời gian tĩnh lặng vào những lúc thích hợp, *ví dụ*: sau

mỗi Thánh Vịnh, sau khi đã lập lại các điệp ca, sau các bài đọc Sách Thánh, trước hay sau câu xưng đáp.

Thông thường, sau khi đọc Sách Thánh cũng có lời nguyện để tăng hiệu lực cho bài đọc và nhờ bài đọc mà hiểu lời nguyện rõ hơn và sốt sắng hơn.

3) Phần lời cầu:

Sau thánh ca Tin Mừng là các lời cầu: buổi sáng là để dâng ngày và công việc cho Chúa, **buổi** chiều là để xin ơn, và lời nguyện cuối cùng bao giờ cũng dành để cầu nguyện cho những người đã qua đời.

Kế đến là kinh Lạy Cha và tiếp ngay lời nguyện kết thúc cùng với lời ban phép lành và giải tán.

IV. LUẬT BUỘC CỬ HÀNH CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

“Hội Thánh đã đặc biệt ủy nhiệm cho những người có chức thánh phải cử hành Các Giờ Kinh Phụng Vụ, nên dù khi

không có giáo dân, thì ai nấy đều phải chu toàn nhiệm vụ ấy, dĩ nhiên là với những sự thích nghi cần thiết. Quả vậy, Hội Thánh ủy nhiệm cho họ đọc các Giờ Kinh Phụng Vụ, để nhiệm vụ cầu nguyện của Đức Kitô được tiếp nối không ngừng trong Hội Thánh” (KPV 28).

Những người sau đây theo Giáo Luật (1174 §1) buộc phải đọc các giờ Kinh Phụng Vụ, không những đọc đầy đủ các giờ kinh mà còn phải cố gắng đọc cho phù hợp với giờ thật trong ngày, được chùng nào hay chùng đó (GL 1175):

Đó là giám mục, linh mục, phó tế (*phó tế vĩnh viễn cũng nên đọc mỗi ngày ít là một phần các Giờ Kinh Phụng Vụ*), các kinh sĩ hội nhà thờ chính tòa (*phải đọc trong cung thánh*), những cộng đoàn tu sĩ có luật buộc đọc các Giờ Kinh Phụng Vụ (*vd: Châu Sơn*), những cộng đoàn tu sĩ khác cũng nên tùy nghi đọc một vài giờ kinh phụng vụ (*vd: Mến Thánh Giá*), và cả anh chị em giáo dân cũng được khuyến khích nên đọc một vài giờ kinh phụng vụ, như Kinh Sáng và Kinh Chiều (*vd: Huynh đoàn giáo*

dân Đaminh).

TÓM LƯỢC:

1 H. Các Giờ Kinh Phụng Vụ là gì?*

-T. Các Giờ Kinh Phụng Vụ là những lời cầu nguyện liên lỉ của toàn thể Hội Thánh để thánh hóa ngày giờ và toàn bộ sinh hoạt của con người.

2 H. Có bao nhiêu giờ kinh trong ngày?*

-T. Có 5 giờ kinh phụng vụ trong ngày là Kinh Sách, Kinh Sáng, Kinh Trưa, Kinh Chiều và Kinh Tối; song quan trọng hơn cả là Kinh Sáng và Kinh Chiều.

3 H. Diễn tiến thông thường của một Giờ Kinh Phụng Vụ được cử hành như thế nào?*

-T. Diễn tiến thông thường một Giờ Kinh Phụng Vụ được cử hành với phần giáo đầu, rồi đến một thánh thi, các Thánh Vịnh, một đoạn Sách Thánh, câu xướng đáp, thánh ca Tin Mừng, các lời cầu nguyện và cuối cùng là phép lành giải tán.

4 H. Những ai buộc phải cử hành các Giờ Kinh Phụng Vụ?*

-T. Những người có chức thánh và các cộng đoàn tu sĩ có luật buộc đọc phải chu toàn các Giờ Kinh Phụng Vụ; còn giáo dân không bắt buộc nhưng cũng được Hội Thánh mời gọi đọc một vài giờ Kinh Phụng Vụ.

CẦU NGUYỆN:

Cúi lạy Chúa, mở cho con đôi mắt,
Thấy tình yêu kỳ diệu Chúa khắp nơi.
Con mù lòa, bên vệ đường hành khất,
Xin chữa con để nhìn thấy mặt Ngài.

Cúi lạy Ngài, cho tai con nghe rõ,
Tiếng tha nhân cầu khẩn lượng hải hà,
Họ khổ đau, họ kêu gào than thở,
Đừng để con cứ giả điếc làm ngo.

Cúi lạy Ngài, xin mở rộng tay con,
Luôn nắm lại giữ khư khư tất cả,
Trước cửa nhà có người nghèo đói lả,

Xin dạy con biết chia sẻ vui lòng.

Cúi lạy Ngài, cho chân con vững chãi,
Để tiến lên dấu đường xá hiểm nguy.

Nguyện theo Ngài, thập giá đâu quản ngại,
Chúa cầm tay mà dẫn bước con đi.

Cúi lạy Ngài, giữ lòng con tin tưởng,
Mặc ai bảo: Chúa đã chết đâu còn.

Khi chiều về gánh thời gian trĩu nặng,
Xin đừng chân ở lại với con luôn!

(Thánh thi Kinh Sách thứ Năm tuần II)

Sách tham khảo:

DGL: Tông huấn về việc Dạy Giáo Lý, Gioan Phaolô II, *UBĐKCG 1992*

GH: Hiến chế tín lý về Giáo Hội, cđ Vatican II, *bản Việt ngữ của Giáo Hoàng học viện thánh Piô X, 1972*

GL: Bộ Giáo Luật (1983), *bản Việt ngữ của NS Trái Tim ĐM 1986.*

GLV: Guide pour les catéchistes, Congrégation pour l'Évangélisation des peuples, *Cité du Vatican, 1993*

GLHTCG: Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo, *bản Việt ngữ của GP tp HCM, 1997*

KPV: Tông huấn *Laudis canticum* của ĐGH Phaolô VI công bố sách nguyện mới, *bản Việt ngữ của nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ, 1995.*

PV: Hiến chế về Phụng Vụ thánh, Cđ Vatican II, *bản Việt ngữ của Giáo Hoàng học viện thánh Piô X, 1972.*

QCTQ: Quy Chế Tổng Quát sách lễ Rôma (2000), *bản Việt ngữ của Ủy ban Phụng Tự HĐGMVN*

SH: Tông huấn Sám Hối và hòa giải, Gioan Phaolô II, 1984

Directoire général pour la catéchèse, Congrégation pour le clergé, 1997

Sách các phép Rôma, bản Việt ngữ của Đà Lạt 1998.

Hướng dẫn về lòng đạo đức bình dân và phụng vụ, bản Việt ngữ của Ủy ban Văn Hóa HĐGMVN, 2003

Nghi thức gia nhập Kitô giáo của người lớn, bản Việt ngữ của UBGM về Phụng Vụ, Sài Gòn, 1974.

Nghi thức thánh lễ (2002), bản Việt ngữ của UBPT HĐGMVN 2006

Lm R. Cantalamessa, Thánh Thể - nguồn ơn thánh hóa, bản Việt ngữ của Tam Anh, 2000.

Giáo lý dự tòng, GP Đà Lạt, 2003

Gm Phaolô **Bùi Văn Đoc**, Thiên Chúa Ba Ngôi – bí tích Thánh Thể, *nxb Tôn Giáo Hà Nội 1999.*

J. **Gélineau**, Họp nhau cử hành Phụng vụ, *bản Việt ngữ 1992.*

Hương Việt, Hiểu và sống thánh lễ, *nxb Tôn giáo Hà Nội 2004.*

Lm Ant **Nguyễn Đức Khiết**, Mục vụ Phụng vụ, *Đà Lạt 2005.*

P. **Jounel** & G. **Martimort**, Principes de la Liturgie, *Desclée 1984.*

Th. **Rey-Mermet**: Croire II – Vivre la foi dans les sacrements, *Droguet & Ardant, 1985.*

Lm **Trần Ngọc Quỳnh**, Cử hành mầu nhiệm Tạ Ơn, *Đại kết 1996.*

Lm Vinh Sơn **Nguyễn Thế Thủ**:

- Các nguyên tắc căn bản về Phụng vụ, *HCM 2001.*
- Giải đáp các vấn nạn về Phụng vụ, *HCM 2001.*

- Hướng dẫn cử hành Phụng vụ, *HCM 2000*.
- Năm Phụng vụ, *HCM 2001*
- Phụng vụ các bí tích, *HCM 2000*.
- Phụng vụ Thánh Thể, *HCM 2001*.
- Phụng vụ tổng quát, *HCM 2001*.
- Tìm hiểu các bí tích công giáo, *HCM 2002*.

Lm Giuse Nguyễn Văn Tuyên:

- Đây là mầu nhiệm đức tin, *nxb Tôn giáo Hà Nội 2001*.
- Canh tân tâm linh, *nxb Tôn giáo Hà Nội 2000*.